

PHẦN THỨ HAI (*DUTIYO BHĀGO*)

XLI. PHẨM METTEYYA (*METTEYYAVAGGO*)

401. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TISSAMETTEYYA (*Tissametteyyattherāpadānaṃ*)

3891. Ở gần đỉnh của sườn núi, [tôi là] vị đạo sĩ khổ hạnh tên Sobhita, [chỉ] ăn trái cây đã được rụng xuống và cư ngụ ở trong vùng đồi núi.

3892. Khi ấy, trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng về việc đạt đến thế giới Phạm thiên, tôi đã mang lửa và củi lại rồi nhóm lửa.

3893. Có ý muốn tiếp độ tôi, đáng Hiếu Biết Thế Gian Padumuttara ấy, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã đi đến khu vực của tôi.

3894. “Này bậc đại phước, ông đang làm gì vậy? Xin ông hãy cho tôi lửa và củi. Tôi [sẽ] chăm sóc ngọn lửa, nhờ đó tôi sẽ có được sự trong sạch.”

3895. “Hỡi người Nhân Loại, Ngài là bậc Hiền Thiện. Hỡi đáng Thiên Nhân, Ngài biết rõ [sự việc]. Ngài hãy chăm sóc ngọn lửa, lửa và củi của Ngài đây này.”

3896. Sau đó, đáng Chiến Thắng đã cầm lấy gỗ củi và đã nhóm lên ngọn lửa. Gỗ củi [của tôi] ở nơi ấy đã không bốc cháy; [đó là] điều kỳ diệu của bậc Đại Ân Sĩ.

3897. “Ngọn lửa của ông không bốc cháy, sự hiến cúng của ông không có, sự hành trì của ông là vô nghĩa. Vậy ông hãy chăm sóc ngọn lửa của Ta.”

3898. “Hỡi vị Đại Anh Hùng, ngọn lửa ấy của Ngài được gọi là loại lửa gì? Xin Ngài giảng giải cho tôi, cả hai chúng ta sẽ chăm sóc [ngọn lửa] ấy.”

3899. “Về sự diệt tận các pháp là nhân tố và về sự tịnh lặng các ô nhiễm, sau khi từ bỏ sự ganh tỵ và bòn xén; ba việc này là sự cúng hiến của Ta.”

3900. “Này vị Đại Anh Hùng, Ngài là hạng người như thế nào? Thừa Ngài, Ngài có dòng dõi thế nào? Sở hành và cách tu luyện của Ngài khiến tôi thích thú vô cùng.”

3901. “Ta được sanh ra trong gia tộc Sát-đế-ly, đã đạt đến sự toàn hảo về thắng trí, đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.”

3902. “Hỡi đáng Phát Quang, hỡi vị Xua Tan Tăm Tôi, hỡi bậc Thiên Nhân, nếu Ngài là đức Phật, đáng Toàn Tri, là bậc Đoạn Tận Khổ Đau, tôi sẽ lễ bái Ngài.”

3903. Tôi đã trải ra tấm da dê và đã dâng cúng chỗ ngồi: “Hỡi đáng Bảo Hộ, hỡi bậc Toàn Tri, xin Ngài hãy ngồi xuống. Tôi sẽ phục vụ Ngài.”

3904. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống tại chỗ ấy, trên tấm da dê đã khéo được trải rộng. Sau khi thỉnh mời bậc Toàn Giác, tôi đã đi đến ngọn núi.

3905. Và tôi đã chặt trái cây tinduka đầy túi đựng vật dụng rồi mang về. Tôi đã trộn trái cây với mật ong rồi dâng lên đức Phật.

3906. Khi ấy, đáng Chiến Thắng đã thọ dụng trong lúc tôi đang trầm tư. Tại đó, trong khi ngắm nhìn bậc Lãnh Đạo Thế Gian, tôi đã khiến tâm được tịnh tín.

3907. Bậc Thông Suốt Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiên Cúng đã ngồi ở khu ân cư của tôi và đã nói lên những lời kệ này:

3908. “Người nào [với tâm] tịnh tín tự tay mình làm Ta được thỏa mãn với trái cây, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3909. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc hai mươi lăm lần, và sẽ trở thành đáng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

3910-11. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, cơm ăn, nước uống, vải vóc và chỗ nằm vô cùng giá trị, biết được ước muốn của người ấy ngay lập tức sẽ sanh lên cho người ấy là người đã có nghiệp [thiện] trong quá khứ. Và người này sẽ luôn luôn được vui vẻ, không có tật bệnh.

3912. Chỗ nào người ấy sanh lên, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, người ấy sẽ được sung sướng ở khắp mọi nơi rồi sẽ đi đến bản thể nhân loại.

3913. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt ba tập Vệ-đà, người ấy sẽ đi đến với bậc Toàn Giác và sẽ trở thành bậc A-la-hán.”

3914. Từ khi tôi nhớ lại bản thân, từ khi tôi đạt được hiểu biết, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3915. Tôi đã đạt được giáo pháp cao quý, đã tiêu diệt tham ái và sân hận, đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3916. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3917. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3918. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tissametteyya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tissametteyya” là phần thứ nhất.

402. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUNṆAKA (*Punṇakattherāpadānam*)

3919. Ở gần đỉnh của sườn núi, có đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại cư ngụ ở trong vùng đồi núi. Đức Phật đáng kính bị lâm bệnh.

3920. Cho đến lúc ấy, đã có tiếng động ở vùng lân cận khu ẩn cư của tôi. Trong khi đức Phật đang [viên tịch] Niết-bàn, có ánh sáng đã xuất hiện.

3921. Từ loài gấu, chó sói, linh cẩu, cọp và sư tử ở trong cụm rừng già cho đến toàn bộ [thú rừng] đã rống lên.

3922. Sau khi nhìn thấy hiện tượng bất thường ấy, tôi đã đi đến ngọn núi. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Giác Ngộ, bậc Không Bị Đánh Bại đã tịch diệt.

3923. Bậc Không Bị Đánh Bại đã tịch diệt ví như là cây sālā chúa đã được trở hoa, tựa như mặt trời đã mọc lên, như là đồng than đã tàn ngọn lửa.

3924. Sau khi gom đầy cỏ và củi, tôi đã tạo dựng giàn hỏa thiêu ở tại nơi ấy. Sau khi hoàn tất giàn hỏa thiêu khéo được tạo dựng, tôi đã thiêu đốt thi thể.

3925. Sau khi thiêu đốt thi thể, tôi đã rưới nước thơm. Ngay khi ấy, có con dạ-xoa đứng ở trên không trung đã đặt tên [cho tôi] rằng:

3926. “Này vị hiền trí, công việc đối với bậc Đại Ân Sĩ, đấng Tự Chủ đã được ông làm đầy đủ, vậy ông hãy luôn luôn có tên là Punṇaka.”¹

3927. Sau khi chết đi lìa bỏ thân ấy, tôi đã đi đến thế giới chư thiên. Tại nơi ấy, có hương thơm bằng chất liệu thuộc cõi trời tỏa ra ở không trung.

3928. Cũng ở tại nơi đó, khi ấy tên gọi của tôi đã là “Punṇaka”. Dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, tôi đều làm tròn đủ ý định [của mình].

3929. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Cũng ở nơi đây, tên Punṇaka được công bố là tên gọi [của tôi].

3930. Sau khi đã làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

3931. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của công việc [hòa táng] thi thể.

3932. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

3933. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3934. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Punṇaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Punṇaka” là phần thứ nhì.

¹ Punṇaka nghĩa là “người đã làm đầy đủ”.

403. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO METTAGŪ (*Mettaguttherāpadānaṃ*)

3935. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Asoka. Tại nơi ấy, khu ẩn cư của tôi đã được hóa hiện ra bởi vị trời Vissakamma.

3936. Bạc Toàn Giác cao cả, đáng Đại Bi, bậc Hiền Trí tên Sumedha, vào buổi sáng, sau khi mặc y đã đi đến tôi để khát thực.

3937. Khi bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đáng Đại Hùng Sumedha đi đến, tôi đã nhận lấy bình bát của đáng Thiện Thệ và đã chứa đầy với bơ lỏng và dầu ăn.

3938. Sau khi đã dâng cúng đức Phật tối thượng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha, tôi đã chấp tay lên và đã khởi lên niềm vui dào dạt:

3939. “Do sự bố thí bơ lỏng này và do các nguyện lực của tác ý, dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, mong sao cho tôi đạt được sự an lạc sung mãn.

3940. Mong sao cho tôi lánh xa chốn đọa đày trong khi luân hồi cõi này cõi khác. Mong sao cho tôi khẳng định được tâm về điều ấy và đạt được vị thế bất động.”

3941. “Này người Bà-la-môn, điều lợi ích cho người đã được người đạt thành một cách tốt đẹp, là việc người đã nhìn thấy Ta. Sau khi đi đến gặp Ta, người sẽ trở thành vị A-la-hán.

3942. Sau khi đạt đến thành công lớn, người hãy tự tin, chớ lo sợ. Bởi vì sau khi bố thí bơ lỏng đến Ta, người được hoàn toàn giải thoát khỏi sự [tái] sanh.

3943. Do sự bố thí bơ lỏng này và do các nguyện lực của tác ý, dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, người sẽ đạt được sự an lạc sung mãn.

3944. Do sự bố thí bơ lỏng này và do sự hành trì tâm từ ái, người sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn tám trăm kiếp.

3945. Và người sẽ trở thành vị Thiên vương ba mươi tám lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

3946. Và người sẽ trở thành đáng Chuyển Luân Vương năm mươi một lần, là người chinh phục bốn phương, là đáng chúa tể của vùng đất Jambu.

3947. Tợ như đại dương là không bị xao động, giống như trái đất là khó mang vác, và tương tợ y như thế, của cải thuộc về người sẽ là vô lượng.”

3948. Sau khi từ bỏ sáu mươi *koṭi* (sáu trăm triệu) tiền vàng, tôi đã xuất gia. Trong khi tầm cầu điều tốt đẹp gì mà tôi đã đi đến với Bāvāri?²

3949. Tại nơi ấy, tôi học tập các chú thuật và sáu phần về tướng số. “Bạch đáng Đại Hiền Trí,³ trong khi hủy diệt điều tăm tối ấy Ngài đã hiện khởi.

3950. Bạch đáng Đại Hiền Trí, có sự ước muốn về việc nhìn thấy Ngài con đã đi đến. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, con đã đạt đến vị thế bất động.”

² Tên của một vị Đạo sư Bà-la-môn. (ND)

³ Lúc này là lời đối thoại với đức Phật Gotama. (ND)

3951. Tôi đã dâng cúng bơ lỏng đến đức Phật trong ba mươi ngàn kiếp. Trong khoảng thời gian ấy, tôi không biết rõ lượng bơ lỏng đã được tôi dâng cúng.

3952. Hiểu được ý định của tôi, biết được tâm tư của tôi, [mọi vật] đã được sanh lên, đã được tạo ra theo như ước muốn. Tôi được thỏa mãn về mọi thứ.

3953. Ôi, đức Phật! Ôi, giáo pháp! Ôi, sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Bởi vì sau khi dâng cúng chỉ chút ít bơ lỏng, tôi đạt được vô lượng.

3954. Cho đến nước trong đại dương được nhìn thấy từ núi Neru so sánh với bơ lỏng của tôi thì không chạm đến được phần chia của một góc [bơ lỏng của tôi].

3955. Cho đến số lượng của vũ trụ đang được hình thành, khoảng không gian ấy không sánh bằng các tấm vải đã được sanh lên cho tôi.

3956. Núi chúa Hy-mã-lạp cũng chính là ngọn núi hàng đầu sẽ không là sự so sánh đối với vật thơm đã được thoa cho tôi.

3957. [Tôi đã đạt được] vải vóc, vật thơm, bơ lỏng, thức ăn, và ở kiếp hiện tại này là Niết-bàn không còn tạo tác; điều này là quả báo của việc dâng cúng bơ lỏng.

3958. [Tôi có được] sự trú vào các thiết lập niêm, có hành xứ về thiên định, có sự thọ hưởng các chi phần giác ngộ ở ngày hôm nay; điều này là quả báo của việc dâng cúng bơ lỏng.

3959. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

3960. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3961. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mettagū⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Mettagū” là phần thứ ba.

404. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHOTAKA (*Dhotakattherāpadānaṃ*)

3962. Sông Gaṅgā có tên là Bhāgīrathī được phát xuất từ núi Hy-mã-lạp, lúc bấy giờ chảy dọc theo cửa khẩu của [thành phố] Hāmsavatī.

3963. Tu viện tên là Sobhita đã khéo được tạo lập ở cạnh bờ sông Gaṅgā. Đức Phật Padumuttara, đáng Lãnh Đạo Thế Gian cư ngụ tại nơi ấy.

3964. Như là vị [Chúa trời] Inda với chư thiên cõi Đạo-lợi, đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở tại nơi ấy phía trước đám người tợ như con sư tử không bị hãi sợ.

3965. Tôi là vị Bà-la-môn sống ở thành phố Hāmsavatī có tên là Chalaṅga. Tôi là vị đại hiền trí có tên như thế.

⁴ Mettagū nghĩa là “người đã đạt đến (gū) tâm từ ái (mettā).”

3966. Khi ấy, có một ngàn tám trăm người theo tôi. Được tháp tùng bởi những người học trò ấy, tôi đã đi đến bờ sông Gaṅgā.

3967. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy các vị Sa-môn không giả dối, có các tội lỗi đã được gội rửa, đang băng qua sông Bhāgīrathī. Tôi đã tức thời suy nghĩ như vậy:

3968. “Những người con trai có danh tiếng lớn lao này của đức Phật trong khi sáng chiều băng qua [sông] khiến bản thân bị khó khăn, bản thân của họ bị hành hạ.

3969. Đức Phật được gọi là vị Cao Cả Của Thế Gian luôn cả chư thiên, [vậy mà] ta không có hành động cúng dường, là việc làm trong sạch con đường đi đến các cảnh giới tái sanh.

3970. Hay là ta nên cho thực hiện cây cầu ở sông Gaṅgā [dâng] đến đức Phật Tối Thượng? Sau khi cho thực hiện việc làm này, ta [sẽ] vượt qua sự hiện hữu này.”

3971. Trong khi tin tưởng rằng: “Hành động được làm sẽ có [kết quả] dồi dào cho ta”, tôi đã bố thí một trăm ngàn và đã cho xây dựng cây cầu.

3972. Sau khi đã cho xây dựng cây cầu ấy, tôi đã đi đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Sau khi chấp tay lên ở đầu, tôi đã nói lời nói này:

3973. “Bạch đấng Đại Hiền Trí, cây cầu lớn này đã được làm hết một trăm ngàn và đã được con bảo làm vì lợi ích của Ngài, xin Ngài thọ nhận.”

3974. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

3975. “Người nào được tịnh tín đã bảo thực hiện cây cầu cho Ta với các bàn tay của mình, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3976. Dẫu cho bị rơi xuống từ vực thẳm, từ ngọn núi, hoặc từ thân cây, thậm chí bị chết đi, người này sẽ đạt được vị thế; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

3977. Các kẻ thù không áp chế được, ví như cơn gió không áp chế được cây đa có mạng rễ đã được phát triển; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

3978. Các kẻ cướp không áp chế người này, các vị Sát-đế-lỵ không khinh bỉ, người này thoát khỏi tất cả kẻ thù; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

3979. Khi hiện diện ở ngoài trời [và] bị thiêu đốt bởi sức nóng dữ dội, [do] được gắn liền với nghiệp phước thiện, các cảm thọ sẽ không có.

3980. Ở thế giới chư thiên hoặc loài người, sau khi biết được ước muốn của người ấy, phương tiện di chuyển bằng voi sẽ được hóa hiện ra, sẽ được tạo ra ngay lập tức.

3981. Một ngàn con ngựa giống Sindhu có tốc độ của gió là phương tiện di

chuyển nhanh chóng sẽ đi đến sáng chiều; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

3982. Sau khi đi đến bản thể nhân loại, người này sẽ được sung sướng. Ngay cả ở đây cũng sẽ có phương tiện di chuyển bằng voi cho chính con người ấy.

3983. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

3984. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.”

3985. Ôi, việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp đến vị [Phật] tên Padumuttara! Sau khi thể hiện sự tôn kính đến vị ấy, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.

3986. Có tính khăng quyết về sự nỗ lực, tôi được an tịnh, không còn mầm móng tái sinh. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cỡi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3987. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3988. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sinh nữa.

3989. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhotaka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Dhotaka” là phần thứ tư.

405. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPASIVA (*Upasivattherāpadānaṃ*)

3990. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Anoma, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

3991. Và con sông chảy qua nơi ấy có bến nước cạn xinh xắn làm thích ý. Và dọc theo bến nước cạn ấy, có nhiều sen hồng sen xanh mọc lên.

3992. Có các loài cá như là cá pāthīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja và cá rohita. Con sông nhỏ, chứa đầy đầy những cá và rùa, luôn luôn trôi chảy.

3993. Ở nơi ấy, các loài hoa timira, hoa asoka, hoa khuddamālaka, hoa nguyệt quế, hoa nguyệt quế núi đã được nở rộ tỏa hương đến khu ẩn cư của tôi.

3994. Ở nơi ấy, loài hoa kūtaja và các rừng hoa nhài được nở rộ. Ở nơi ấy, có nhiều cây sālā, cây salala và cây campaka được nở rộ.

3995. Các loài cây ajjuna, cây atimutta và cây mahānāma được nở rộ và loài cây asana có hương thơm ngọt ngào, chúng nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

⁵ Dhotaka nghĩa là “người đã được gội rửa (dhota).”

3996. Các loại cây uddālaka, cây pāṭalika, cây yūthika, cây piyaṅguka và cây bimbijālaka bao phủ ở xung quanh nửa do-tuần.

3997. Ở nơi ấy, có nhiều loại cây mātaṅgava, cây sattali, cây pāṭalī, cây sinduvāraka, cây añkolaka và cây tālakūṭa được nở rộ hoa.

3998. Ở nơi ấy, có nhiều cây cánh kiến trắng nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi. Trong khi những cây này đang nở rộ hoa, nhiều cây trở nên rụng rờ. Khu ẩn cư của tôi tỏa ra với hương thơm ấy ở xung quanh.

3999. Và có những loại trái cây ngọt như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mạn đỏ, trái vibhītaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa.

4000. Và ở nơi ấy có những loại trái cây như trái tinduka, trái piyāla, trái cam thảo, trái kāsūmārī, trái mít, trái sa-kê, trái chuối, trái badarī.

4001. Ở nơi ấy, có nhiều trái cây ambātaka và trái cây vallikāra. Các cây bījapūra và cây sapāriya được kết trái ở khu ẩn cư của tôi.

4002. Từ nơi ấy có nhiều trái cây như trái āḷaka, trái isimugga và trái moda bao phủ, đã chín tới và trĩu nặng. Và có các trái cây như trái vả và trái sung.

4003. Ở nơi ấy, có nhiều trái ớt, trái tiêu, trái đa, trái táo rừng, trái sung và trái pāriya đã chín một phần.

4004. Và có nhiều loại cây này và loại cây khác đã kết trái ở khu ẩn cư của tôi. Cũng có nhiều cây có bông hoa đã đơm hoa ở khu ẩn cư của tôi.

4005. Các loài thảo mộc như là āluva, kaḷamba, bilālī, takkala, āḷaka, luôn cả tālaka đều được tìm thấy ở khu ẩn cư của tôi.

4006. Ở không xa khu ẩn cư của tôi [đã] có hồ nước thiên nhiên rộng lớn, có nước trong, có nước mát, có bến nước cạn xinh xắn, làm thích ý.

4007. Ở nơi ấy, có nhiều sen hồng, sen xanh, kết hợp với sen trắng, được che phủ bởi những cây mạn-đà-la, tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại.

4008. Có những đóa sen hồng đang tượng hình, các đóa hoa khác nở hoa có tua nhụy, có nhiều đóa có các cánh hoa rũ xuống trở thành những gương sen.

4009. Có mật tiết ra từ củ sen, có sữa và bơ lỏng từ các rễ và ngó sen, chúng tỏa ra nhiều hương thơm khác loại [hòa quyện] với hương thơm ấy ở xung quanh.

4010. Có nhiều bông súng trắng và mùi thơm của xoài thoảng qua được nhận biết. Ở kế bờ hồ nước thiên nhiên, có nhiều cây dừa đại được đơm bông.

4011. Có các cây bandhujīva khéo nở rộ hoa và các cây setavārī có hương thơm ngát. Có các con cá sấu loại kumbhīla, loại suṃsumāra và loại gahaka được sanh ra ở tại nơi ấy.

4012. Có nhiều mãng xà là loài thú kiếm mồi trong hồ nước thiên nhiên ở tại nơi ấy. Và có các loài cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja và cá rohita.

4013. Có đầy đủ các loài cá, các con rùa và các con rái cá nữa. Và có các con chim bồ câu, các con ngỗng trời, các con gà rừng và các loài sống ở sông.

4014. Có nhiều chim le le, ngỗng đỏ, chim campaka, chim jīvajīvaka, chim kalandaka, chim ung, chim điều hâu và chim uddhara.

4015. Có nhiều chim koṭṭhaka, chim sukapota, loài cua, loài bò rừng, loài thú kārēṇī và loài thú tilaka sống nương nhờ hồ nước ấy.

4016. Các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói, linh cẩu, các loài khỉ và luôn cả loài Kim Sí điều được nhìn thấy ở khu ẩn cư của tôi.

4017. Trong khi ngửi các hương thơm ấy, trong khi ăn các thứ trái cây [ấy] và trong khi uống nước có hương thơm [ấy], tôi sống ở khu ẩn cư của tôi.

4018. Có các con sơn dương, nai, heo rừng, hươu, các loài có dáng vóc nhỏ bé, và luôn cả các con đom đóm có ánh sáng sống ở khu ẩn cư của tôi.

4019. Ở nơi ấy có nhiều chim thiên nga, chim cò, chim công, chim sáo, chim cu, chim mañjarikā, chim cú mèo và chim gõ kiến.

4020. Có nhiều loài yêu tinh, loài người khổng lồ, và luôn cả loài quỷ sứ, loài quỷ dữ, loài nhân điều, và luôn cả các loài bò sát sống ở khu ẩn cư của tôi.

4021. Có nhiều vị ẩn sĩ có đại oai lực, có tâm thanh tịnh, được định tĩnh, tất cả đều mang bầu nước, có y choàng là tấm da dê, các vị mang búi tóc rối ấy sống ở khu ẩn cư của tôi.

4022. Và [các vị ấy] nhìn với khoảng cách của cán cây, cẩn trọng, có hành vi thanh tịnh, hài lòng với việc có hay không có, sống ở khu ẩn cư của tôi.

4023. Được hỗ trợ bởi các năng lực của bản thân, các vị ấy luôn luôn di chuyển ở không trung, [vừa đi] vừa phát phơ bộ y phục vô cây, vừa kèm giữ tấm y da dê.

4024. Các vị ấy không mang theo nước, củi gỗ, hoặc củi nhóm lửa, và các vị ấy đã tự thân đạt được [các thứ ấy], điều này là quả báo của phép kỳ diệu.

4025. Sau khi nhận lấy cái máng bằng kim loại, các vị ấy sống ở giữa rừng ví như những con voi dòng long tượng, tợ như con sư tử không bị hãi sợ.

4026. Một số vị đi đến Tây Ngưu-hóa châu, một số vị khác đi đến Đông Thắng-thần châu, và một số vị khác đi đến Bắc Cu-lô châu tùy theo năng lực của tự thân. Sau khi mang lại vật thực từ các nơi ấy, các vị thọ thực chung.

4027. Khi ấy, trong lúc tất cả các vị có oai lực nổi bật như thế ấy đang ra đi, khu rừng được rộn ràng bởi âm thanh bộ y bằng da dê của [các vị].

4028. “Bạch đấng Đại Hiền Trí, các vị như thế ấy là những người học trò có sự khổ hạnh nổi bật của con. Được tùy tùng bởi các vị ấy, con sống ở khu ẩn cư của con.

4029. Được hoan hỷ với việc làm của bản thân, các vị này đã cùng nhau tụ hội và cũng đã được huấn luyện. Là những người có sự mong mỏi về việc làm của bản thân, có giới hạnh, cẩn trọng, rành rẽ về các pháp vô lượng tâm, họ đã làm con hài lòng.”

4030. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Hướng Đạo sau khi nhận biết thời điểm đã đi đến.

4031. Sau khi đi đến, đấng Toàn Giác, bậc Hiền Trí, vị Có Sự Nhiệt Tâm, Cẩn Trọng đã ôm lấy bình bát; rồi đấng Toàn Giác đã đến gần tôi để khát thực.

4032. Khi đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Padumuttara đã đi đến, tôi đã sắp xếp tấm thảm cỏ và đã rải rắc bằng các bông hoa sālā.

4033. Tôi đã thỉnh đấng Toàn Giác ngồi xuống. Trở nên mừng rỡ, với tâm ý đã được kích động, tôi đã mau chóng leo lên ngọn núi và đã thâu nhặt gổ trầm hương.

4034. Sau khi hái trái mít có kích thước bằng bầu nước, có hương thơm cõi trời, tôi đã đặt ở trên vai rồi đã đi đến gần đấng Hướng Đạo.

4035. Sau khi đã dâng trái cây đến đức Phật, tôi đã thoa trầm hương. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đánh lễ đức Phật tối thượng.

4036. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở giữa những vị ân sĩ và đã nói những lời kệ này:

4037. “Người nào đã dâng cúng trái cây, trầm hương và chỗ ngồi đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4038. Cho dầu ở làng hoặc ở rừng, ở các sườn núi hoặc ở các hang động, vật thực sẽ hiện ra đúng theo tâm [ước muốn] của người này.

4039. Được sanh lên ở thế giới chư thiên hoặc ở loài người, người nam này sẽ làm thỏa mãn nhóm tùy tùng với các thức ăn và với các loại vải vóc.

4040. Chỗ nào được sanh lên là bản thể thiên nhân hay loài người, sau khi có được của cải không bị suy suyển, người nam này sẽ luân hồi.

4041. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

4042. Và người này sẽ cai quản thiên quốc bảy mươi một lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4043. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

4044. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ sống không còn lậu hoặc.”

4045. Điều lợi ích được thành tựu một cách tốt đẹp đã được thành tựu đến tôi, là việc tôi đã được nhìn thấy đấng Lãnh Đạo, tôi đã thành tựu tam minh, tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

4046. Cho dầu ở làng hoặc ở rừng, ở các sườn núi hoặc ở các hang động, sau khi biết được tâm của tôi, vật thực luôn luôn hiện đến cho tôi.

4047. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lâu hoặc.

4048. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4049. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upasiva đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Upasiva” là phần thứ năm.

406. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NANDAKA (*Nandakattherāpadānam*)

4050. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng rậm hoang dã. Trong lúc tìm kiếm thú rừng là loài nai, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ.

4051. Bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên là Anuruddha. Khi ấy, có ước muốn độc cư, bậc Trí Tuệ ấy đã đi sâu vào trong khu rừng.

4052. Tôi đã cầm lấy bốn cây gậy rồi đã đặt ở bốn vị trí. Sau khi thực hiện mái che đã được làm khéo léo, tôi đã phủ lên bằng những đóa hoa sen.

4053. Sau khi đã lợp xong mái che, tôi đã đánh lễ đấng Tự Chủ. Tôi đã quăng bỏ cây cung ngay tại chỗ ấy và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4054. Được xuất gia không bao lâu, bệnh tật đã khởi lên cho tôi. Tôi đã nhớ lại việc làm trước đây rồi đã qua đời ở tại nơi ấy.

4055. Được gắn liền với nghiệp trước đây, tôi đã đi đến cõi trời Đâu-suất. Ở tại nơi ấy, có cung điện bằng vàng được tạo ra theo như ước muốn.

4056. Tôi đã chú nguyện về phương tiện di chuyển ở cõi trời là chiếc xe đã được buộc vào một ngàn con ngựa. Sau khi bước lên chiếc xe ấy, tôi ra đi theo như ước muốn.

4057. Từ đó, trong khi tôi là vị thiên nhân và trong khi tôi được đưa đi, có chiếc lọng được che cho tôi ở xung quanh một trăm do-tuần.

4058. Tôi nằm ở cái giường thường xuyên được lót bằng bông hoa. Và có các đóa hoa sen từ trên không trung liên tục rơi xuống.

4059. Khi ảo ảnh [ở mắt] đang lung linh và sức nóng đang thiêu đốt, sức nóng đã không làm tôi bị nóng bức; điều này là quả báo của mái che.

4060. Trong khi vượt qua khổ cảnh, các địa ngục đã đóng lại đối với tôi. Ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi không biết đến sự nóng bức.

4061. Sau khi chú nguyện sự niệm tưởng về đất, tôi băng qua nước biển mặn, việc làm của tôi đây đã được thực hiện tốt đẹp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4062. Thậm chí không có con đường, tôi tạo ra con đường, tôi đi bằng

đường không trung. Ôi, việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4063. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhân được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc của tôi đã được đoạn tận; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4064. Cuộc sống trước đây đã được buông bỏ, tôi là Tỳ-khưu của đức Phật và là người thừa tự Chánh pháp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4065. Tôi đã làm hài lòng đáng Thiện Thệ Gotama, bậc Cao Quý của dòng Sakya. Tôi là ngọn cờ của giáo pháp, là người thừa tự giáo pháp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4066. Tôi đã hầu cận đáng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý của dòng Sakya và đã hỏi đáng Lãnh Đạo Thế Gian về đạo lộ đi đến bờ kia.

4067. Được yêu cầu, đức Phật đã thuyết giảng về đạo lộ thâm sâu vi tế. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.

4068. Ôi, việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp! Tôi đã được giải thoát khỏi sự sanh, đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.

4069. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4070. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4071. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nandaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Nandaka” là phần thứ sáu.

407. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO HEMAKA (*Hemakattherāpadānaṃ*)

4072. Vào lúc bấy giờ, có vị đạo sĩ khổ hạnh tên là Anoma đã tạo lập khu ẩn cư được xây dựng khéo léo ở gần chóp đỉnh của sườn núi và đã sống ở gian nhà rộng bằng lá.

4073. Sự thực hành khổ hạnh của vị ấy đã được thành tựu. Được đạt đến sự thành tựu về các năng lực của bản thân, vị hiền trí có sự nhiệt tâm, cần trọng, đang tiến đến bản thể Sa-môn của chính mình.

4074. [Vị ấy] tự tin ở giáo lý của mình và rành rẽ về học thuyết của người khác, được nổi tiếng ở trên trời dưới đất và rành rẽ về điềm báo hiệu.

4075. Vị hiền trí không còn sầu muộn, không giết hại, [thọ] chút ít vật thực, không tham lam, hài lòng với việc có hay không có, chứng thiền, thỏa thích về thiền.

4076. Bạc Toàn Giác cao cả, đáng Bi Mẫn, bậc Hiền Trí tên Piyadassī, có ước muốn giúp cho chúng sanh vượt qua, khi ấy Ngài đã lan tỏa với tâm bi mẫn.

4077. Sau khi nhìn thấy người có khả năng giác ngộ, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī vẫn đi đến đầu cho [khoảng cách là] một ngàn vũ trụ, và bậc Hiền Trí giáo giới [người ấy].

4078. Có ý muốn tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi. Tôi chưa từng nhìn thấy đáng Chiến Thắng trước đây, và cũng chưa từng được nghe từ bất cứ ai.

4079. Tôi hiểu biết rành rẽ về các điềm báo hiệu, các mộng mị và các tướng mạo. Tôi được nổi tiếng về thiên văn địa lý và rành rẽ về thuật chiêm tinh.

4080. Tại đó, sau khi lắng nghe đức Phật, tôi đây đã làm cho tâm được tịnh tín. Trong khi ăn hoặc trong khi ngồi xuống, tôi thường xuyên nhớ lại.

4081. Khi tôi nhớ lại như vậy, đức Thế Tôn cũng đã tưởng nhớ lại. Trong khi tưởng nhớ đến đức Phật, tôi có được phi lạc ngay lập tức.

4082. Và đã xảy ra một lần khác nữa, bậc Đại Hiền Trí đã đi đến gần tôi. Tôi cũng không biết về người đã đi đến: “Vị này là đức Phật, bậc Đại Hiền Trí.”

4083. Bạc Thương Tướng, đáng Bi Mẫn, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī đã tỏ rõ về bản thân rằng: “Ta là đức Phật [ở thế gian] gồm luôn cả chư thiên.”

4084. Sau khi nhận ra đáng Toàn Giác, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī, tôi đã làm cho tâm của chính mình được tịnh tín rồi đã nói lời nói này:

4085. “Những người khác tự ngồi xuống ở ghế đầu, ghế bành và các ghế dài. Còn Ngài là đáng Toàn Tri, xin Ngài hãy ngồi xuống chỗ ngồi bằng châu báu.”

4086. Ngay khi ấy, tôi đã hóa hiện ra chiếc ghế đầu toàn bộ làm bằng châu báu và đã dâng lên bậc Hiền Trí Piyadassī [chiếc ghế] đã được hóa hiện ra bằng thần thông.

4087. Và khi Ngài đã ngồi xuống trên chiếc ghế đầu bằng châu báu đã được hóa hiện ra bằng thần thông, tôi đã tức thời dâng đến Ngài trái mận đỏ có kích thước bằng bầu nước.

4088. Sau khi làm cho tôi sanh khởi niềm vui, bậc Đại Hiền Trí đã thọ dụng. Khi ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã đánh lễ bậc Đạo Sư.

4089. Rồi đức Thế Tôn Piyadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Nguru ngồi ở chỗ ngồi bằng châu báu đã nói lên các lời kệ này:

4090. “Người nào đã dâng cúng Ta chiếc ghế đầu làm bằng châu báu và trái cây bất tử, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4091. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong bảy mươi bảy kiếp, và sẽ là đáng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần.

4092. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi hai lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4093. [Người này] sẽ đạt được nhiều chiếc ghế bành khéo được tạo ra làm bằng vàng, làm bằng bạc, làm bằng hồng ngọc và luôn cả làm bằng châu báu.

4094. Khi ấy, có vô số chiếc ghế bành sẽ quay quanh con người có được nghiệp phước thiện, ngay cả trong lúc [vị ấy] đang đi kinh hành.

4095. Các ngôi nhà mái nhọn, các tòa lầu đài và chỗ nằm vô cùng giá trị, sau khi biết được tâm [ước muốn] của người này sẽ được hiện ra ngay khi ấy.

4096. Sáu mươi ngàn con voi loài long tượng được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có chuông vàng, có trang phục với yên cương bằng vàng.

4097. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm giáo và móc câu, chúng sẽ hộ tống người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4098. Sáu mươi ngàn con ngựa dòng Sindhu thuần chủng là phương tiện vận chuyển nhanh chóng, được trang hoàng với tất cả các loại trang sức.

4099. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có mang cung với gươm, chúng cũng sẽ hộ tống người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4100. Sáu mươi ngàn cỗ xe được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có các mảnh da báo và cả da hổ được bày biện, có các ngọn cờ được giương cao.

4101. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các tay cầm cung mang áo giáp, chúng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4102. Sáu mươi ngàn con bò cái sữa sẽ sản xuất ra các con bò con và bò đực cao quý; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4103. Mười sáu ngàn phụ nữ được trang điểm với tất cả các loại trang sức, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

4104. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4105. Vào một ngàn tám trăm kiếp, bậc Hữu Nhân tên là Gotama sau khi hủy diệt điều tăm tối ấy và sẽ trở thành đức Phật ở thế gian.

4106. [Người này] sẽ đi đến chiêm ngưỡng vị [Phật] ấy, sẽ xuất gia, không còn sở hữu gì, sẽ làm hài lòng bậc Đạo Sư và sẽ vô cùng thỏa thích trong giáo pháp.

4107. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị [Phật] ấy, [người này] sẽ tiêu diệt các phiền não. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người này] sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc.”

4108. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng thực hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Trong khi ước nguyện mục đích tối thượng, tôi sống ở trong giáo pháp.

4109. Đây là lần sau cùng của tôi, là kiếp sống cuối cùng trong sự luân

chuyển. [Tôi] đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.

4110. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4111. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4112. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Hemaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Hemaka” là phần thứ bảy.

(Dứt tụng phẩm thứ mười bảy).

408. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TODEYYA (*Todeyyattherāpadānaṃ*)

4113. Lúc bảy giờ, ở kinh thành Ketumatī có đức vua tên Vijaya, là vị anh hùng, được hội đủ sức lực, đã cư ngụ ở tại thành phố.

4114. Khi vị vua ấy bị xao lãng, những kẻ lục lâm đã nổi dậy. Khi ấy, những điều tội lỗi và các sự phóng đảng nữa đã tàn phá xứ sở.

4115. Vào lúc biên thù bị rối loạn, vị thuần hóa kẻ thù, [đức vua] đã lập tức cho tập trung các binh lính, luôn cả các nhân viên quân đội và khi ấy đã lên án kẻ thù.

4116. Lúc bảy giờ, các nai voi, các lính ngự lâm, các bậc anh hùng, đội quân áo giáp da, các cung thủ và các thủ lĩnh, tất cả đã tập trung lại.

4117. Lúc bảy giờ, các người đầu bếp, các thợ hót tóc, các người hầu tắm, các người làm trang hoa, các vị anh hùng thắng trận, tất cả đã tập trung lại.

4118. Lúc bảy giờ, các người tay có cầm dao, tay có cầm cung, có áo giáp, các võ sĩ thắng trận, tất cả đã tập trung lại.

4119. Lúc bảy giờ, các con voi mātanga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi được sáu mươi tuổi có sự trang sức với các chuông vàng, tất cả đã tập trung lại.

4120. Lúc bảy giờ, các dũng sĩ đã được huấn luyện, có sức chịu đựng sự lạnh, sự nóng và sự mang vác các vật thối tha, tất cả đã tập trung lại.

4121. Lúc bảy giờ, có tiếng tù và vỗ ốc, tiếng trống lớn và tiếng trống trầm. Trong lúc đang giải trí với những tiếng trống này, tất cả bọn họ đã tập trung lại.

4122. Lúc bảy giờ, trong khi đánh đập nhau, trong khi làm cho nhau té ngã bằng các chĩa ba, các cây trượng và bùa chú, bằng các áo giáp và các mũi thương, tất cả đã tập trung lại.

4123. Lúc bảy giờ, là kẻ chiến thắng, vị vua ấy đã không lắng nghe kẻ bại trận về bất cứ điều gì và đã làm sáu chục ngàn sanh mạng phải khiếp đảm ở nơi cọc nhọn.

4124. Những con người [ấy] đã thốt ra lời rằng: “Ôi, vị vua bất nhân! Đòi với kẻ đang bị nung nấu ở địa ngục thì khi nào sẽ là sự kết thúc?”

4125. Khi ấy, trong lúc trần trọc ở trên giường, tôi [như là] nằm ở địa ngục, cả ngày lẫn đêm tôi không ngủ. Với cây cọc nhọn họ làm cho tôi hoảng sợ.

4126. [Tôi đã suy nghĩ rằng:] “Được gì với sự chênh mảng, với vương quốc, với xe cộ và với binh lực? Chúng không phải là để bám víu, chúng luôn luôn làm tôi hãi sợ.

4127. Được gì cho tôi với các người con trai, với các người vợ và với toàn bộ vương quốc? Hay là ta nên xuất gia, ta nên làm trong sạch đạo lộ tái sanh?”

4128-29. Không mong mỗi việc lai vãng ở chiến trường, vào địa vị, tôi đã từ bỏ sáu mươi ngàn con voi loài long tượng được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có chuông vàng, có trang phục yên cương bằng vàng, được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm giáo và móc câu. Bị nóng nảy bởi hành động của chính mình, tôi đã ra đi vào đời sống không gia đình.

4130-31. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn con ngựa dòng Sindhu thuần chủng, là phương tiện vận chuyển nhanh chóng, được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm cung, mang áo giáp. Sau khi buông bỏ tất cả các thứ ấy, tôi đã ra đi vào đời sống không gia đình.

4132. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn cỗ xe được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có các mảnh da báo và cả da hổ được bày biện, có các ngọn cờ được giương cao. Sau khi bảo đem đi tất cả các thứ ấy, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4133. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn con bò cái, tất cả đều mang bầu sữa. Sau khi quăng bỏ luôn cả lũ bò cái, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4134. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn phụ nữ được trang điểm với tất cả các loại trang sức, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

4135. Các nàng có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon. Tôi đã từ bỏ các nàng đang khóc lóc và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4136. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn ngôi làng có đầy đủ tất cả. Sau khi quăng bỏ vương quốc ấy, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4137. Sau khi rời khỏi thành phố, tôi đã đi đến núi Hy-mã-lạp. Tôi đã tạo lập khu ẩn cư ở bờ sông Bhāgīrathī.

4138. Sau khi xây dựng gian nhà rộng bằng lá, tôi đã xây dựng ngôi nhà thờ lửa. Có sự nỗ lực tinh tấn, có tính khăng quyết, tôi sống ở khu ẩn cư của tôi.

4139. Và trong lúc tham thiền ở mái che, ở gốc cây, hoặc ở ngôi nhà trống vắng, tuy nhiên sự run sợ của tôi là không được biết đến, tôi không nhìn thấy sự kinh hoàng và hãi sợ.

4140. Đấng Toàn Giác tên Sumedha, bậc Cao Cả, đấng Bi Mẫn, bậc Hiền Trí, trong khi chói sáng với ánh sáng trí tuệ, đã lập tức hiện khởi ở thế gian.

4141. Ở lân cận khu ẩn cư của tôi có con dạ-xoa có đại thần lực, khi ấy đã thông báo cho tôi về đức Phật tối thượng đã hiện khởi:

4142. “Đức Phật bậc Hữu Nhân tên Sumedha đã hiện khởi ở thế gian. Ngài giúp cho tất cả loài người vượt qua. Ngài cũng sẽ giúp cho người vượt qua.”

4143. Sau khi lắng nghe lời nói của con dạ-xoa, ngay khi ấy sự chấn động đã xuất hiện [ở tôi]. Trong lúc suy nghĩ: “Đức Phật! Đức Phật!”, tôi đã xếp đặt lại khu ẩn cư.

4144. Và sau khi quăng bỏ lửa củi, tôi đã tự sắp xếp thảm trải. Sau khi lễ bái khu ẩn cư, tôi đã rời khỏi khu rừng.

4145. Sau khi cầm lấy trầm hương từ khu rừng ấy, trong khi tìm kiếm vị Trời Của Chư Thiên từ làng này đến làng khác, từ thành phố này đến thành phố khác, tôi đã đi đến gần bậc Hướng Đạo.

4146. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha, trong khi công bố về bốn sự thật [đã] giác ngộ nhiều người.

4147. Sau khi đã chấp tay lên và đặt trầm hương ở trên đầu, tôi đã đánh lễ đấng Toàn Giác và đã nói lên những lời kệ này:

4148. “Trong khi hoa nhài đang nở rộ, [hương thơm] tỏa ra vùng lân cận. Bạch đấng Anh Hùng, Ngài tỏa ra khắp mọi phương với hương thơm của đức hạnh.

4149. Trong khi các loài hoa campaka, hoa mù u, hoa atimuttaka, hoa dứa dại, hoa sālā đang nở rộ, [hương thơm] tỏa ra theo chiều gió.

4150. Bạch đấng Đại Hùng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại, sau khi nghe được danh thơm của Ngài, con từ núi Hy-mã-lạp đã đi đến nơi đây, con xin cúng dường Ngài.”

4151. Tôi đã thoa trầm hương cao quý lên đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, ngay khi ấy tôi đã đứng yên lặng.

4152. Đức Thế Tôn tên Sumedha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Nguru đã ngồi xuống ở hội chúng tỳ-khuru và đã nói lên những lời kệ này:

4153. “Người nào đã ca tụng về đức hạnh của Ta và đã cúng dường trầm hương, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4154. [Người này] sẽ là người cao quý, thẳng thắn, có sự huy hoàng, có ngôn từ được [người khác] thâm nhận, có hào quang trong hai mươi lăm kiếp.

4155. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong hai ngàn sáu trăm kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

4156. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi

ba lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4157. Mệnh chung từ nơi ấy, người này sẽ đi đến bản thể nhân loại, được gắn liền với nghiệp phước thiện, sẽ là thân quyến của Phạm thiên.⁶

4158. [Sẽ có] người Bà-la-môn tên Bāvarī, là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt ba tập Vệ-đà, hội đủ ba tướng mạo.

4159. Sau khi trở thành đệ tử của vị ấy, [người này] sẽ thông thạo về chú thuật và sẽ đi đến với đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya.

4160. Người này sẽ hỏi các câu hỏi khôn khéo, sẽ tu tập đạo lộ, sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.”

4161. Ba loại lửa [tham, sân, si] của tôi đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4162. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4163. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4164. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Todeyya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Todeyya” là phần thứ tám.

409. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JATUKAṆṆI (*Jatukaṇṇittherāpadānaṃ*)

4165. Khi ấy, tôi đã là người con trai của nhà triệu phú ở thành phố Hamsavatī. Tôi được cung ứng và được vây quanh bởi các loại dục lạc.

4166. Khi ấy, những người ghi dấu các căn nhà đã dựng lên ba tòa nhà. Sau khi bước lên tòa nhà, tôi được vây quanh bởi các điệu vũ và lời ca ở tại nơi ấy.

4167. Các loại nhạc cụ kết hợp với [âm thanh của] chũm chọe được biểu diễn cho tôi. Tất cả những người phụ nữ đang nhảy múa hoàn toàn thu hút tâm ý của tôi.

4168. Những vũ công về các điệu vũ velāpika, lāmaṇika, kuṇjavāsī và timajjhika, những người nhào lộn và những diễn viên hài luôn luôn vây quanh tôi.

4169. Có nhiều nhạc công, những người đánh trống, các diễn viên uốn dẻo, các vũ công, các diễn viên và ngay cả các kịch sĩ luôn luôn vây quanh tôi.

4170. Các người thợ hót tóc, các người hầu tắm, các người đầu bếp, các

⁶ Người Bà-la-môn (*Brahmaṇa*) tự hào là thân quyến của Phạm thiên (*Brahmā*).

người làm tràng hoa, các người giữ trẻ, các người nhào lộn, các võ sĩ đấu vật, tất cả bọn họ luôn luôn vây quanh tôi.

4171. Trong khi những người này đang đùa giỡn, luyện tập về kỹ xảo, tôi không biết đến ngày và đêm, tựa như vị Chúa trời Indra ở cõi trời Tam Thập.

4172. Những người lữ hành, những người đi đường, tất cả các hành khách, nhiều người bộ hành, trong lúc xin ăn bọn họ thường xuyên đi đến nhà của tôi.

4173. Các Sa-môn và luôn cả các Bà-la-môn là những phước điền vô thượng, trong lúc làm tăng trưởng phước báu của tôi, các vị đi đến nhà của tôi.

4174. Các hạng đạo sĩ che một mảnh vải, đạo sĩ che bằng dây leo, các du sĩ ngoại đạo, đạo sĩ có tấm choàng bằng bông hoa, đạo sĩ chống ba cây gậy, đạo sĩ có một chòm tóc, tất cả đều đi đến nhà của tôi.

4175. Các vị đạo lão thể, các kẻ cướp giết, các người hành pháp trâu bò, các người hành pháp chư thiên, các người tu hạnh bôi trét bụi và bùn đất [ở cơ thể], những người này đi đến nhà của tôi.

4176. Nhiều vị đạo sĩ nhóm Parivattaka, nhóm Siddhipatta, nhóm Koṇḍapuggaṇika, các đạo sĩ khổ hạnh và các người tu ở rừng đi đến nhà của tôi.

4177. Những người Oḍḍaka, luôn cả các người Ta-min, các người Sākula, các người Malayālaka, các người Sabara và cả các người Yonaka nữa đi đến nhà của tôi.

4178. Tất cả những người xứ sở Andhaka, xứ sở Muṇḍaka, xứ sở Kolaka, xứ sở Sānuvindaka và xứ sở Trung Hoa xa xôi đi đến nhà của tôi.

4179. Các người xứ sở Alasandaka, xứ sở Pallavaka, xứ sở Babbara, xứ sở Bhagga, xứ sở Kārusa, xứ sở Rohita và xứ sở Cetaputta đi đến nhà của tôi.

4180. Các người xứ sở Mādhuraka, xứ sở Kosalaka, xứ sở Kāsika, xứ sở Hatthiporika, xứ sở Isiṇḍa, luôn cả các người xứ sở Makkala đi đến nhà của tôi.

4181. Các người xứ sở Celāvaka, xứ sở Aramma, xứ sở Okkala, xứ sở Meghala, xứ sở Khuddaka, luôn cả xứ sở Suddaka đi đến nhà của tôi.

4182. Các người xứ sở Rohaṇa, xứ sở Sindhava, xứ sở Citaka, xứ sở Ekakaṇṇika, xứ sở Surattṭha và xứ sở Aparanta đi đến nhà của tôi.

4183. Các người xứ sở Suppāraka, xứ sở Kikumāra, xứ sở Malaya, xứ sở Soṇṇabhūmika, xứ sở Vajjī và xứ sở Tāra, tất cả bọn họ đi đến nhà của tôi.

4184. Những người làm ống thổi, những người thợ dệt, những người thợ thuộc da, những người thợ mộc, những người thợ rèn và những người thợ làm đồ gốm đi đến nhà của tôi.

4185. Những người thợ làm ngọc, thợ làm kim khí, thợ kim hoàn, người buôn vải và thợ làm chì, tất cả đi đến nhà của tôi.

4186. Những người thợ làm tên, thợ tiện gỗ, thợ dệt, những người làm hương liệu, những người thợ nhuộm và những người thợ may đi đến nhà của tôi.

4187. Những người buôn dầu, những người vận chuyển gỗ, những người vận chuyển nước, những người đưa tin, những người đầu bếp và những người bảo quản vật thực đi đến nhà của tôi.

4188. Những người gác cổng, những người hộ vệ, những người canh ngục, những người đổ bỏ rác bông hoa, các nai voi, các quân tượng đi đến nhà của tôi.

4189 Tôi đã dâng đến vị Đại vương Ānanda là người bị xao lãng. Tôi làm đầy đủ sự thiếu hụt [của đức vua] bằng châu báu có bảy màu sắc.

4190. Những người đã được tôi đề cập đến là những nhóm người có màu da khác nhau. Sau khi biết được tâm của họ, tôi đã làm thỏa mãn họ bằng châu báu.

4191. Trong khi họ đang nói những lời vui vẻ, trong khi những cái trống lớn được vỗ vang lên, trong khi họ đang thổi những chiếc tù và vỏ ốc, tôi sướng vui ở tại ngôi nhà của chính mình.

4192-93. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, đáng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc Hữu Nhân ấy, được tháp tùng bởi một trăm ngàn vị Tỳ-khưu là các bậc Lậu tận có năng lực, đã ngự đến ở trên đường, trong lúc đang tỏa sáng tất cả các phương tựa như cây đèn chiếu sáng.

4194. Tất cả các chiếc trống lớn được vỗ lên trong khi bậc Lãnh Đạo Thế Gian đang đi. Hào quang của Ngài tỏa ra tựa như ánh mặt trời đã mọc lên cao.

4195. Do ánh hào quang đã đi vào dầu chỉ bằng cánh cửa sổ, ở trong gian nhà ngay lập tức đã có ánh sáng vô cùng bao la.

4196. Sau khi nhìn thấy ánh hào quang của đức Phật, tôi đã nói với đám đông rằng: “Chắc chắn rằng đức Phật tối thượng đã đi đến con đường này.”

4197. Tôi đã cấp tốc bước xuống khỏi tòa nhà và đã đi đến khu phố chợ. Tôi đã đánh lễ bậc Toàn Giác và đã nói lời nói này:

4198. “Xin đức Phật, đáng Lãnh Đạo Padumuttara hãy thương tưởng đến con.” Bậc Hiền Trí ấy đã nhận lời cùng với một trăm ngàn vị có năng lực.

4199. Sau khi thỉnh mời, tôi đã hướng dẫn bậc Toàn Giác đi đến ngôi nhà của mình. Tại nơi ấy, tôi đã làm thỏa mãn bậc Đại Hiền Trí với cơm ăn và nước uống.

4200. Biết được thời điểm đã thọ thực xong của đức Phật tối thượng như thế ấy, tôi đã phục vụ đức Phật tối thượng bằng một trăm khúc tấu nhạc.

4201. Đáng Hiền Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiền Cúng đã ngồi xuống ở trong nhà và đã nói lên những lời kệ này:

4202. “Người nào đã phục vụ Ta bằng các khúc tấu nhạc và đã dâng cúng Ta cơm ăn nước uống, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4203. Sau khi đã có dồi dào về lương thực, vớ vàng, vớ thức ăn, người nam này sẽ cho thực hiện bốn châu lục thành một vương quốc.

4204. [Người này] sẽ thọ trì năm giới cấm và sau đó là mười đường lối về [thiện] nghiệp. Sau khi thọ trì và trong lúc hành theo, người này sẽ chỉ dạy hội chúng.

4205. Một trăm ngàn nữ nhân được trang điểm sẽ thường xuyên trình tấu nhạc cụ cho người này; điều này là quả báo của việc phục vụ.

4206. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc sáu mươi bốn lần.

4207. Và [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương sáu mươi bốn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4208. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

4209. [Người này] sẽ sanh vào bản thể thiên nhân hay loài người. Người này sẽ có của cải không bị thiếu hụt và sẽ đi đến bản thể loài người.

4210. Sau khi trở thành vị giảng huấn, thông suốt ba tập Vệ-đà, trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng, [người này] sẽ đi đó đây ở trái đất này.

4211. Về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người này sẽ xuất gia và sẽ thỏa thích trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

4212. Người này sẽ làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sẽ thiêu đốt các phiền não và sẽ trở thành vị A-la-hán.”

4213. Giờ đây, tôi sống trong giáo pháp của người con trai dòng Sakya không bị hãi sợ, tợ như con cọp chúa ở trong rừng, như là con sư tử vua của loài thú.

4214. Tôi không nhìn thấy sự tái sanh của tôi ở thế giới chư thiên hoặc ở loài người, ở nơi nghèo khó hoặc ở vào khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ.

4215. Tôi đã được gắn liền với sự độc cư, được an tịnh, không còn mầm mộng tái sanh. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4216. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4217. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jatukaṇṇi đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Jatukaṇṇi” là phần thứ chín.

410. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDENA (*Udenattherāpadānaṃ*)

4219. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Paduma, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

4220. Các con sông chảy qua nơi ấy có những bến nước cạn xinh xắn làm thích ý. Các con sông luôn luôn có nước trong, có nước mát, xinh đẹp.

4221. Có các loài cá như là cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja và cá rohita. Những loài cá này thường xuyên sống ở dòng sông, đồng thời làm cho các con sông trở nên rục rờ.

4222. [Các con sông] được che phủ bởi các cây xoài và cây mạn. Tương tự như thế, có các cây bông hường, cây tilaka, cây bả đậu, cây hoa kèn làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4223. Các cây añkolaka, cây bimbijāla và cây mājākarī được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4224. Các cây atimutta, cây sattalika, cây nāga và cây sāla được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4225. Các cây kosamba, cây salala, cây nīpa và cây aṭṭhaṅga khéo được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4226. Ở khu ẩn cư có nhiều loại trái cây như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mạn đỏ, trái vibhītaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa.

4227. Tại nơi ấy, ở khu ẩn cư của tôi, các cây kalamba, cây kandalī trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4228. Các cây asokaṇḍī, cây varī và cây nimba được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4229. Các cây punnāga, cây giripunnāga, cây timira ở tại nơi ấy được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4230. Các cây nigguṇḍī, cây sirinigguṇḍī, cây campa ở tại nơi này được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4231. Không xa có cái hồ nước được lú lo bởi loài ngỗng đỏ, được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, bởi các bông sen xanh và các bông sen đỏ.

4232. Có bến nước cạn xinh xắn làm thích ý, có nước trong, có nước mát, trong vắt tương tự ngọc pha lê, [cái hồ nước] làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4233. Ở tại nơi ấy, có các bông sen xanh, các bông sen trắng và các bông sen đỏ nở rộ. Được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, [cái hồ nước] làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4234. Có các loài cá như là cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja, cá rohita. Và trong khi thơ thần ở tại nơi ấy, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4235. Có các con cá sấu kumbhīla, cá sấu sumsumāra, các con rùa, các con gaha, các con rắn và các con mãng xà làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4236. Và ở tại nơi ấy có các loài sống ở sông như chim bồ câu, ngỗng trời, ngỗng đỏ, chim le le, chim sáo, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4237. Các cây nayita, cây ambagandhī và cây dừa đại ở tại nơi ấy được trở hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4238. Có các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói và linh cẩu, trong khi đi lang thang ở khu rừng bao la, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4239. Có các vị [đạo sĩ] mang các búi tóc, có y choàng là tấm da dê, trong khi đi lang thang ở khu rừng bao la, các vị làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4240. Các vị này mặc các tấm da dê, cần trọng, có hành vi thanh tịnh, có hành trang ít ỏi, tất cả các vị ấy làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4241. Lúc bấy giờ, các vị đã cầm lấy túi vật dụng rồi đi sâu vào rừng. Trong khi thọ thực các rễ và trái cây, các vị thường xuyên sống ở khu ẩn cư.

4242. Các vị ấy không đem lại củi [và] nước rửa chân. Do năng lực của tất cả các vị, [các vật dụng] được tự chúng mang lại.

4243. Có tám mươi bốn ngàn vị ẩn sĩ đã tụ hội ở tại nơi này. Tất cả các vị này là các vị tầm cầu mục đích tối thượng, có thiền chứng.

4244. Là các đạo sĩ khổ hạnh, có sự hành trì Phạm hạnh, đang năng nổ trong việc duy trì sự nhập định, có sự di chuyển ở không trung, tất cả các vị thường xuyên sống ở khu ẩn cư.

4245. Mỗi năm ngày, các vị tụ hội lại, có sự chăm chú, có hành vi thanh tịnh. Sau khi đánh lễ lẫn nhau, các vị ra đi bằng hướng đối nghịch.

4246. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Trong khi hủy diệt điều tăm tối ấy, đấng Chiến Thắng đã tức thời hiện khởi.

4247. Ở lân cận khu ẩn cư của tôi có con dạ-xoa có đại thần lực. Khi ấy, nó đã thông báo cho tôi về đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Padumuttara rằng:

4248. “Thưa ngài, đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara này đã xuất hiện. Ngài hãy mau đi đến và phục vụ bậc Toàn Giác.”

4249. Sau khi lắng nghe lời nói của con dạ-xoa, khi ấy với tâm ý trong sạch, tôi đã xếp đặt lại khu ẩn cư và đã lìa khỏi khu rừng.

4250. Như là mảnh vải đang bốc cháy, sau khi lìa khỏi khu ẩn cư tôi đã trú ngụ [chỉ] một đêm và đã đi đến gặp đấng Hướng Đạo.

4251. Đấng Hiền Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiền Cúng, trong khi công bố về bốn sự thật đã thuyết giảng về vị thế bất tử.

4252. Sau khi cầm lấy đóa sen khéo được nở rộ, tôi đã đi đến gần bậc Đại Ẩn Sĩ. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật.

4253. Sau khi cúng dường bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

4254. “Đấng Toàn Giác, bậc Không Còn Lại Hoặc sống ở thế gian này với trí tuệ nào, tôi sẽ tán dương trí tuệ ấy. Xin các người hãy lắng nghe tôi nói.

4255. Sau khi cắt đứt dòng chảy luân hồi, Ngài đã giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, họ vượt qua dòng chảy ái dục.

4256. Bạch đấng Tối Thượng của loài người, Ngài là bậc thầy, là biểu hiệu, là ngọn cờ, là mục đích tối cao, là nơi nương tựa, là sự nâng đỡ, là ngọn đèn của chúng sanh.

4257. Bạch đấng Toàn Tri, cho đến những người được gọi là các bậc Xa Phu có đồ chúng ở trên thế gian, Ngài là đấng Cao Cả, tất cả những người ấy đều được gộp chung lại ở Ngài.

4258. Bạch đấng Toàn Tri, bằng trí tuệ của Ngài, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua. Sau khi đi đến diện kiến Ngài, họ sẽ được chấm dứt khổ đau.

4259. Bạch đấng Hữu Nhãn, bạch đấng Đại Hiện Trí, những hương thơm nào đã được sanh lên và tỏa ra ở thế gian, không có gì sánh bằng hương thơm ở phước điền của Ngài.

4260. Bạch đấng Hữu Nhãn, Ngài giúp cho thoát khỏi sự sanh vào loài thú, địa ngục. Bạch đấng Đại Hiện Trí, Ngài giảng giải về đạo lộ an tịnh, không còn tạo tác.”

4261. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiện Cúng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

4262. “Người nào được tịnh tín đã tự tay mình cúng dường trí tuệ của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4263. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.”

4264. Tôi đã nhận lãnh điều lợi ích đã được đạt thành một cách tốt đẹp. Sau khi làm hài lòng bậc có sự hành trì tốt đẹp, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4265. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4266. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4267. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

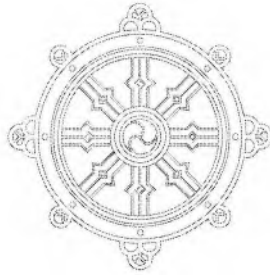
Đại đức Trưởng lão Udena đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Udena” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Trưởng lão Metteyya, vị Puṇṇaka, vị Mettagū, luôn cả vị Dhotaka, vị Upasīva, vị Nanda, và vị Hemaka là vị thứ bảy ở nơi ấy, vị Todeyya, vị Jatukaṇṇī, và vị Udeno có danh vọng lớn lao. Ở đây là ba trăm câu kệ và thêm vào tám mươi ba câu.

Phẩm Metteyya là phẩm thứ bốn mươi một.



XLII. PHẨM BHADDĀLI **(BHADDĀLIVAGGO)**

411. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHADDĀLI (*Bhaddālittherāpadānaṃ*)

4268. Bậc Toàn Giác tên Sumedha, đứng Bì Mẫn Cao Cả, vị Hiền Trí, bậc Cao Cả Của Thế Gian có ước muốn độc cư nên đã đi đến núi Hy-mã-lạp.

4269. Sau khi đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đứng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Sumedha đã xếp chân kiết-già, rồi ngồi xuống.

4270. Đứng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha ấy đã thể nhập vào định. Đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi bảy ngày đêm.

4271. Tôi đã cầm lấy túi vật dụng rồi đã đi sâu vào khu rừng. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đứng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc.

4272. Khi ấy, tôi đã cầm lấy cây chổi và đã quét khu ẩn cư. Sau khi dựng lên bốn cây cọc, tôi đã tạo nên cái mái che.

4273. Sau khi mang lại bông hoa sālā, tôi đã che phủ mái che. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đánh lễ đức Như Lai.

4274. Người ta nói về bậc Thông Thái có trí tuệ bao la là “Sumedha”. Ngài đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khuru và đã nói lên những lời kệ này.

4275. Nhận biết lời nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại. Quả nhiên, đức Phật tối thượng, bậc Hữu Nhân [đã] thuyết giảng giáo pháp.

4276. Đứng Toàn Giác tên Sumedha, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở hội chúng chư thiên và đã nói lên những lời kệ này:

4277. “Người nào đã duy trì mái che, được che phủ bằng bông hoa sālā cho Ta suốt bảy ngày, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4278. Dầu trở thành vị thiên nhân hay nhân loại, [người này] sẽ có làn da màu vàng chói, sẽ có cửa cải dồi dào, sẽ có sự thọ hưởng các dục lạc.

4279. Sáu mươi ngàn con voi loài long tượng được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có chuông vàng, có trang phục yên cương bằng vàng.

4280. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm giáo và móc câu, chúng sẽ đi đến phục vụ người nam này sáng chiều. Được hộ tống bởi những con long tượng ấy, người nam này sẽ vui sướng.

4281. Sáu mươi ngàn con ngựa dòng Sindhu với sự sanh ra được thuần

chúng, là phương tiện vận chuyển nhanh chóng, được trang hoàng với tất cả các loại trang sức.

4282. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có mang cung với gươm, chúng sẽ thường xuyên hộ tống tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4283. Sáu mươi ngàn cỗ xe được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có các mảnh da báo và cả da hổ được bày biện, có các ngọn cờ được giương cao.

4284. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các tay cầm cung, mang áo giáp, chúng sẽ thường xuyên hộ tống tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4285. Sẽ luôn luôn hiện hữu sáu mươi ngàn ngôi làng có đầy đủ tất cả, có tài sản và lúa gạo dồi dào, được thành công tốt đẹp về mọi mặt; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4286. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4287. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn tám trăm kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

4288. Và [người này] sẽ cai quản thiên quốc ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4289. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

4290. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ sống không còn lậu hoặc.”

4291. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian cách đây ba mươi ngàn kiếp, trong khoảng thời gian này, tôi đã tầm cầu vị thế bất tử.

4292. Điều lợi ích cho tôi đã được tôi đạt thành một cách tốt đẹp là tôi đã hiểu được giáo pháp, tam minh đã được thành tựu, lời dạy của đức Phật đã được thực hành.

4293. “Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tội Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Sau khi tán dương trí tuệ của Ngài, con đã đạt được vị thế bất động”.

4294. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều được sung sướng ở tất cả các nơi, là quả báo của tôi về việc tán dương trí tuệ.

4295. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cỡi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4296. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4297. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4298. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhaddāli đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bhaddāli” là phần thứ nhất.

412. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACHATTIYA

(Ekachattiyattherāpadānaṃ)

4299. Ở bờ sông Candabhāgā có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá được rải cát vô cùng tinh khiết đã khéo được tạo lập.

4300. Con sông nhỏ có bờ nước lúp xúp, có bãi nước cạn xinh xắn, làm thích ý, có đủ các loài cá và rùa, được loài cá sấu lai vãng.

4301. Có các con gấu, công, báo, chim cu rừng và chim sáo. Chúng hót líu lo vào mọi lúc, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4302. Có các chim cu cu có âm giọng lôi cuốn và các con thiên nga có âm điệu ngọt ngào. Chúng hót líu lo tại nơi ấy, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4303. Có các con sư tử, cọp, heo rừng, chó sói, chó rừng và linh cẩu. Chúng gầm rú ở nơi hiểm trở của ngọn núi, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4304. Có các con linh dương, nai, chó rừng, lợn rừng. Nhiều con gầm rú ở nơi hiểm trở của ngọn núi, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4305. Có các loại cây uddālaka, cây campaka, cây pāṭalī, cây sinduvāraka, cây atimutta và cây asoka nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

4306. Có các loại cây añkola, cây yūthika, luôn cả cây sattalī, cây bimbijālīka, cây kaṇṇika và cây kaṇikāra nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

4307. Có các loại cây nāga, cây sāla, cây salala, cây sen trắng được trở hoa ở nơi đây. Trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4308. Có các loại cây ajjuna, cây asana và cây mahānāma được trở hoa ở nơi đây, có các cây sāla và các bông hoa của cây kê, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4309. Có các cây xoài, cây mạn đỏ, cây tilaka, cây nimba và cây sālakalyāṇī, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4310. Có các loại cây asoka, cây kapittha và cây bhaginimāla được trở hoa

ở nơi đây, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4311. Các loại cây kadamba, luôn cả các cây chuối và cây isimugga đã được gieo trồng, chúng thường xuyên trĩu nặng những trái, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4312. Có những loại cây có trái như cây harītaka, cây āmalaka, cây xoài, cây mạn đồ, cây vibhītaka, cây táo, cây bhallātaka và cây billa ở khu ẩn cư của tôi.

4313. Không xa, có cái hồ nước khéo được thiết lập làm thích ý, được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, bởi các bông sen đỏ và các bông sen xanh.

4314. Có những đóa sen đỏ đang tượng hình, các đóa hoa khác nở hoa có tua nhụy, luôn cả các đóa có các cánh hoa rũ xuống, chúng nở hoa ở khu ẩn cư của tôi.

4315. Có các loại cá như là cá pāthīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja, cá rohita. Trong khi thơ thần ở làn nước trong, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4316. Có mùi thơm của xoài được thoảng qua và có các cây dừa đại ở dọc bờ sông. Trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4317. Có mật tiết ra từ củ sen, có sữa và bơ lỏng từ các rễ và ngó sen. Trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4318. Ở nơi ấy, có cát sáng chói được trải ra và được ve vãn bởi làn nước với các bông hoa tàn đã được nở rộ giờ yên nghỉ, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4319. Các vị [đạo sĩ] mang búi tóc rối, có y choàng là tấm da dê, tất cả đều mặc y phục bằng vỏ cây, họ làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4320. Và [các vị ấy] nhìn với khoảng cách của cán cày, cần trọng, có hành vi thanh tịnh, không mong mỏi về sự thọ hưởng các dục lạc, sống ở khu ẩn cư của tôi.

4321. Tất cả các vị có [lông] nách, móng tay chân và các lông được mọc dài, có răng bản, có đầu lấm bụi, mang bụi dơ [ở thân], sống ở khu ẩn cư của tôi.

4322. Và các vị ấy đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí, có sự di chuyển ở không trung. Trong khi bay lên bầu trời, các vị này làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4323. Khi ấy, được tùy tùng bởi những người học trò ấy, tôi sống ở khu rừng. Luôn luôn thể nhập vào thiền, tôi không biết đến ngày và đêm.

4324. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, bậc Đại Hiện Trí, đáng Lãnh Đạo Thế Gian Atthadassī, trong khi xua đi điều tăm tối ấy đã hiện khởi.

4325. Rồi có người học trò nọ đã đi đến gặp tôi. Người ấy có ý định học về các chú thuật và sáu phần về danh hiệu và tướng số [và đã nói rằng]:

4326. “Đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Atthadassī đã xuất hiện ở thế gian. Trong khi công bố về bốn sự thật, Ngài thuyết giảng về vị thế bất tử.”

4327. Được hơn hở, vui mừng, hoan hỷ, có khuynh hướng đi đến với giáo pháp, tôi đã rời khỏi khu ẩn cư và đã nói lời nói này:

4328. “Đức Phật có ba mươi hai hảo tướng đã xuất hiện ở thế gian. Các người hãy đi đến, tất cả chúng ta sẽ đi gặp đáng Chánh Đẳng Giác.”

4329. Là những người tầm cầu mục đích tối thượng, có sự đáp ứng theo lời giáo huấn, đã hướng đến sự toàn hảo trong Chánh pháp, các vị ấy đã đồng ý rằng: “Lành thay!”

4330. Khi ấy, trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng, các vị [đạo sĩ] mang các búi tóc ấy, có y choàng là tấm da dê, đã rời khỏi khu rừng.

4331. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn Atthadassī, vị có danh tiếng lớn lao, trong khi công bố về bốn sự thật, Ngài thuyết giảng về vị thế bất tử.

4332. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng màu trắng và đã che cho đức Phật tối thượng. Sau khi nắm giữ [chiếc lọng] trong một ngày, tôi đã đánh lễ đức Phật tối thượng.

4333. Kể đó, đức Thế Tôn, đáng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu Atthadassī đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

4334. “Người nào được tịnh tín nắm giữ chiếc lọng [che] cho Ta bằng các bàn tay của mình, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4335. Khi người này được sanh lên, ở bản thể thiên nhân hay nhân loại, sẽ có chiếc lọng luôn luôn che cho người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng.

4336. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong bảy mươi bảy kiếp, và sẽ trở thành đáng Chuyên Luân Vương một ngàn lần.

4337. Và sẽ trở thành vị Thiên vương bảy mươi bảy lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4338. Vào một ngàn tám trăm kiếp, bậc Hữu Nhãn Gotama, đáng Cao Quý dòng Sakya, trong khi xua đi điều tăm tối ấy, sẽ hiện khởi.

4339. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ sống không còn lậu hoặc.”

4340. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm là đã nắm giữ chiếc lọng [che] cho đức Phật, trong khoảng thời gian này, tôi không biết đến việc không được che bởi chiếc lọng trắng.

4341. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Việc nắm giữ chiếc lọng được vận hành liên tục đến tận ngày hôm nay.

4342. Ôi, việc làm đã được tôi khéo thực hiện đến [đức Phật] Atthadassī như thế ấy. Tôi đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sinh nữa.

4343. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4344. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4345. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekachattiya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekachattiya” là phần thứ nhì.

413. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIÑASŪLAKACHADANIYA (*Tiñasūlakachadaniyattherāpadānaṃ*)

4346. Lúc bấy giờ, tôi đã suy xét về sự sanh, sự già và sự chết. Sau khi lìa khỏi sự sống chung, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4347. Trong khi tuần tự du hành, tôi đã đi đến bờ sông Gaṅgā. Ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy khoảnh đất nổi cao lên ở bờ sông Gaṅgā.

4348. Sau khi tạo lập khu ẩn cư ở tại nơi ấy, tôi sống ở khu ẩn cư. Đường kinh hành của tôi đã khéo được thực hiện, được lai vãng bởi các bầy chim khác loại.

4349. Chúng đến gần tôi và trở nên quen thuộc. Và chúng hót líu lo một cách quyến rũ. Trong khi đùa vui với chúng, tôi sống ở khu ẩn cư.

4350. Ở lân cận khu ẩn cư của tôi, có con sư tử [vua của loài thú] đi khắp bốn phương. Sau khi rời khỏi chỗ trú ẩn, nó đã gầm lên như là tiếng sấm.

4351. Và khi con nai chúa gào thét, nụ cười đã xuất hiện ở tôi. Trong lúc tìm kiếm con nai chúa, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

4352. Sau khi nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa, vị Trời Cửa Chư Thiên, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã cúng dường nhụy bông hoa nāga.

4353. Tôi đã ca tụng đấng Lãnh Đạo Thế Gian như là mặt trời đang mọc lên, như là cây sāla chúa đã được trở hoa, như là vì sao osadhī đang chiếu sáng.

4354. “Bạch đấng Toàn Tri, Ngài đã giải thoát thế gian này, luôn cả chư thiên bằng trí tuệ của Ngài. Sau khi làm cho Ngài hài lòng, [chúng sanh] được hoàn toàn giải thoát khỏi sự sanh.

¹ Ekachattiya nghĩa là “vị liên quan đến một (eka) chiếc lọng (chatta).”

4355. Bạch đấng Toàn Tri, do sự không nhìn thấy chư Phật là các vị có sự nhìn thấy tất cả, [chúng sanh] bị xâm chiếm bởi ái dục, sân hận [rồi] rơi vào địa ngục Vô Gián.

4356. Bạch đấng Toàn Tri, bạch đấng Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi đi đến điện kiến Ngài, tất cả được giải thoát khỏi hữu [và] chạm đến đạo lộ bất tử.

4357. Khi chư Phật, các bậc Hữu Nhãn, các đấng Phát Quang xuất hiện, sau khi thiêu đốt các phiền não, các Ngài thị hiện ánh sáng.”

4358. Sau khi tán dương đấng Toàn Giác Tissa, bậc Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã cúng dường hoa tīrasūla.

4359. Sau khi biết được ý định của tôi, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa đã ngồi xuống chỗ ngồi của mình, rồi đã nói lên những lời kệ này:

4360. “Người nào được tịnh tín, tự tay mình che phủ Ta bằng các bông hoa, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4361. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc hai mươi lăm lần và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần.

4362. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Và [đó là] kết quả về hành động của người ấy, do sự cúng dường các bông hoa.

4363. Và người nam này, được gắn liền với nghiệp phước thiện, khi đã gọi đầu xong, nếu ao ước về bông hoa, [bông hoa] sẽ hiện ra ở phía trước.

4364. [Nếu người này] ước muốn bất cứ điều gì với các dục, chính điều ấy sẽ hiện ra. Sau khi làm tròn đủ ý định, [người này] sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc.”

(Đứt tụng phẩm thứ mười tám).

4365. Có sự nhận biết mình, có niệm [đầy đủ], tôi đã thiêu đốt các phiền não. Tôi đã ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

4366. Trong khi đi kinh hành, trong khi nằm, trong khi ngồi, hay trong khi đứng, tôi sống thường xuyên tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng.

4367. Ở tại nơi ấy, tôi không có sự thiếu hụt về y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4368. Bây giờ, tôi đây đã đạt đến vị thế bất tử, thanh tịnh, vô thượng. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4369. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4370. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4371. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4372. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tīṇasūlakachadaniya² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tīṇasūlakachadaniya” là phần thứ ba.

414. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUMAṂSADĀYAKA

(Madhumamsadāyakattherāpadānaṃ)

4373. Tôi đã là người bán thịt heo ở thành phố Bandhumatī. Sau khi nấu chín phổi và lòng, tôi trộn chung vào món thịt ngọt.

4374. Tôi đã đi đến nơi tụ hội [của các vị Tỳ-khuru] và đã nhận lấy một bình bát. Sau khi chứa đầy bình bát ấy, tôi đã dâng lên hội chúng Tỳ-khuru.

4375. Khi ấy, vị Tỳ-khuru trưởng lão lớn nhất tại nơi ấy đã chúc phúc cho tôi rằng: “Với sự đầy đặn của bình bát này, mong rằng, con sẽ đạt được sự an lạc sung mãn.

4376. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, con sẽ thọ hưởng hai sự thành tựu [trời, người], trong khi kiếp cuối cùng đang hiện hữu, con sẽ thiêu đốt các phiền não.”

4377. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. Tại nơi ấy, tôi có thức ăn, tôi có nước uống và tôi đạt được sự an lạc sung mãn.

4378. Khi ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi đã nhớ lại việc làm trước đây. Ngay lập tức có trận mưa về cơm ăn và nước uống đổ xuống cho tôi.

4379. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Ngay cả ở đây, cơm ăn và nước uống đổ mưa xuống cho tôi trong mọi thời điểm.

4380. Do chính sự dâng cúng thịt ấy, sau khi trải qua các kiếp sống, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4381. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng thịt ngọt.

4382. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

² Tīṇasūlakachadaniya nghĩa là “vị liên quan đến việc che phủ (*chadanaṃ*) bằng các bông hoa tīṇasūla.”

4383. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4384. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Madhumamsadāyaka³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Madhumamsadāyaka” là phần thứ tư.

415. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPALLAVAKA

(Nāgapallavakattherāpadānaṃ)

4385. Tôi [đã] sống ở vườn thượng uyển của thành phố Bandhumatī. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngồi xuống ở gần nơi khu ẩn cư của tôi.

4386. Tôi đã cầm lấy chồi non của cây nāga và đã dâng lên đức Phật. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lễ dâng Thiện Thệ.

4387. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường chồi non trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4388. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4389. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4390. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nāgapallavaka⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Nāgapallavaka” là phần thứ năm.

416. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADĪPIYA (Ekadīpiyattherāpadānaṃ)

4391. Khi bậc Thiện Thệ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha viên tịch Niết-bàn, tất cả chư thiên cùng nhân loại đã cúng dường đến bậc Tối Thượng Nhân.

4392. Và khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha được đưa lên giàn hỏa thiêu, mọi người cúng dường lễ hỏa táng của bậc Đạo Sư tùy theo năng lực của mình.

4393. Tôi đã thắp lên ngọn đèn ở không xa giàn hỏa thiêu cho đến khi mặt trời mọc lên. Ngọn đèn đã chiếu sáng đến tôi.

4394. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

³ Madhumamsadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) thịt (maṃsa) ngọt (madhu).”

⁴ Nāgapallavaka nghĩa là “vị liên quan đến chồi non (pallava) của cây nāga.”

4395. Tại nơi ấy, có cung điện đã khéo được kiến tạo dành cho tôi được biết tên là “Ekadīpi”. Có một trăm ngàn ngọn đèn đã cháy sáng ở cung điện của tôi.

4396. Thân hình của tôi luôn luôn chiếu sáng tựa như mặt trời đang mọc lên. Với tất cả các hào quang của cơ thể, tôi luôn luôn có được ánh sáng.

4397. Bằng mắt, sau khi đã vượt lên ngọn núi, xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá, tôi [có thể] nhìn thấy xung quanh một trăm do-tuần.

4398. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên bảy mươi bảy lần. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba mươi một lần.

4399. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi tám lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4400. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã tái sinh vào bụng mẹ. Ngay cả khi đi vào bụng mẹ, mắt của tôi không nhắm lại.

4401. Bốn tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đầy nửa tháng, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

4402. Tôi đã làm cho thiên nhân được thanh tịnh, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả phiền não đã được cắt lìa; điều này là quả báo của một ngọn đèn.

4403. Tôi [có thể] nhìn thấy sau khi đã vượt lên thậm chí toàn bộ ngọn núi, xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá; điều này là quả báo của một ngọn đèn.

4404. Đối với tôi các sự gập ghềnh trở thành bằng phẳng, bóng đen không được biết đến, tôi không nhìn thấy sự tăm tối; điều này là quả báo của một ngọn đèn.

4405. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cây đèn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một ngọn đèn.

4406. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4407. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4408. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekadīpiya⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekadīpiya” là phần thứ sáu.

417. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UCCHAṄGAPUPPHIYA **(Ucchaṅgapupphiyattherāpadānaṃ)**

4409. Tôi đã là người làm tràng hoa ở thành phố Bandhumatī. Sau khi chết đây ở bên hông, tôi đã đi đến khu phố chợ.

⁵ Ekadīpiya nghĩa là “Vị liên quan đến một (eka) cây đèn (dīpa).”

4410. Vào lúc bảy giờ, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, với năng lực lớn lao, dẫn đầu hội chúng Tỳ-khuru đi ra.

4411. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian Vipassī, vị giúp cho thế gian vượt qua, tôi đã lấy ra bông hoa từ bên hông và đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.

4412. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4413. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4414. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4415. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uccaṅgapupphiya⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Uccaṅgapupphiya” là phần thứ bảy.

418. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YĀGUDĀYAKA

(Yāgudāyakattherāpadānam)

4416. Lúc bảy giờ, sau khi tiếp đãi người khách của tôi, tôi đã đi đến ngôi làng nhỏ. Sau khi nhìn thấy con sông bị tràn ngập, tôi đã đi đến tu viện của hội chúng.

4417. Là những vị chuyên sống ở rừng, thông thạo pháp giữ bỏ (Đầu-đà), chứng thiền, mặc y thô, thỏa thích sự độc cư, các vị trí tuệ ấy sống ở tu viện của hội chúng.

4418. Sự đi lại của các vị đã được giải thoát tốt đẹp như thế ấy là bị gián đoạn. Các vị ấy không đi để khát thực chính vì dòng sông ngăn trở.

4419. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chấp tay lên. Tôi đã lấy gạo của tôi rồi đã dâng cúng vật thí là cháo.

4420. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng cháo đến năm vị. Được hài lòng với việc làm của chính mình, tôi đã đi đến cõi Đạo-lợi.

4421. Và có cung điện làm bằng ngọc ma-ni dành cho tôi được tạo ra ở hội chúng Tam Thập. Được gần gũi với những nữ nhân, tôi vui thích ở cung điện tuyệt vời.

4422. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi ba lần. Tôi đã là đấng Chuyên Luân Vương cai quản lãnh thổ rộng lớn ba mươi lần.

⁶ Uccaṅgapupphiya nghĩa là “Vị mang bông hoa (puppha) ở hông (uccaṅga).”

4423. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Ở thế giới chư thiên hoặc loài người, tôi đều thọ hưởng danh vọng.

4424. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Khi tóc được cạo bỏ, tôi đã thấu triệt tất cả.

4425. Trong khi biết chắc rằng, thân thể là sự suy tàn hoặc là sự hoại diệt cũng thế, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán trước việc thọ trì điều học.

4426. Sự bố thí cao quý của tôi đã được bố thí tốt đẹp, việc đổi trao đã được gắn liền tốt đẹp. Do chính việc dâng cúng cháo ấy, tôi đã đạt đến vị thế bất động.

4427. Tôi không biết đến sự sầu muộn, sự than vãn, sự bệnh tật, sự lo lắng, sự bức bối của tâm đã được sanh khởi; điều này là quả báo của việc dâng cúng cháo.

4428. Sau khi dâng cúng cháo ở phước điền vô thượng của hội chúng, tôi thọ hưởng năm điều lợi ích. Ôi, tính chất đã được hiển dương tốt đẹp của món cháo!

4429. Sự không bị bệnh, có sắc đẹp, chuyên chú vào giáo pháp, đạt được cơm nước, tuổi thọ là điều [lợi ích] thứ năm đối với tôi.

4430. Bất cứ người nào trong khi sanh khởi niềm phấn khởi, người ấy nên dâng cúng cháo đến hội chúng. Là bậc trí tuệ, [người ấy] có thể nhận lãnh năm điều này.⁷

4431. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cháo.

4432. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4433. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4434. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yāgudāyaka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Yāgudāyaka” là phần thứ tám.

419. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PATTHODANADĀYAKA (*Patthodanadāyakattherāpadānaṃ*)

4435. Trước đây, tôi đã là người đi rừng, thường xuyên làm việc ở trong rừng. Sau khi cầm lấy gói cơm, tôi đã đi làm công việc.

4436. Ở nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, đáng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. Sau khi nhìn thấy Ngài đang từ rừng đi ra để khát thực, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín.

⁷ Ở các tạng Miến, Thái, Anh có thêm 2 câu kệ (4 dòng). Không thêm vào vì ý nghĩa không có gì đặc biệt.

⁸ Yāgudāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) cháo (yāgu).”

4437. Bị vướng bận trong sự quán xuyến công việc của người khác, và phước báu của tôi là không được biết đến. Có gói cơm này, tôi sẽ chăm lo bữa ăn cho bậc Hiền Trí.

4438. Khi ấy, tôi đã cầm lấy gói cơm và đã dâng cúng đến đáng Tỳ Chủ. Trong khi tôi đang suy tư, bậc Hiền Trí đã thọ dụng [gói cơm].

4439. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyên lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4440. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần. Tôi đã là đáng Chuyển Luân Vương ba mươi ba lần.

4441. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi được sung sướng có danh vọng; điều này là quả báo của gói cơm.

4442. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi đạt được tài sản không ước lượng được, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của gói cơm.

4443. Các cửa của cải được sanh lên cho tôi tương đương với dòng nước của con sông, tôi không thể nào đo lường; điều này là quả báo của gói cơm.

4444. “Người hãy nhai món này, hãy ăn món này, hãy nằm ở chiếc giường này”, vì thế tôi được sung sướng; điều này là quả báo của gói cơm.

4445. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của gói cơm.

4446. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4447. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4448. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Patthodanadāyaka⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Patthodanadāyaka” là phần thứ chín.

420. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA

(Mañcadāyakattherāpadānam)

4449. Khi đáng Bi Mẫn, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã viên tịch Niết-bàn, khi Phật ngôn đã được phổ biến, được tôn kính bởi chư thiên cùng nhân loại.

4450. Tại nơi ấy, tôi đã là người giai cấp hạ tiện, là người làm ghế dài và ghế đầu. Tôi sinh sống bằng công việc ấy. Nhờ thế, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.

⁹ Patthodanadāyaka nghĩa là “Vị dâng cúng (dāyaka) gói (pattha) cơm (odana).”

4451. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình làm xong chiếc ghế dài khéo được hoàn tất. Rồi tôi đã đích thân đi đến và đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu.

4452. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4453. Được đi đến thế giới của chư thiên, tôi vui thích ở cõi trời Tam Thập. Các giường nằm có giá trị lớn lao được sanh lên theo như ước muốn.

4454. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc năm mươi lần. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương tám mươi lần.

4455. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi được sung sướng có danh vọng; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc giường.

4456. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, nếu tôi đi đến cõi nhân loại, các chiếc giường xinh đẹp vô cùng giá trị tự chính chúng hiện ra cho tôi.

4457. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Thậm chí hôm nay cũng là thời điểm của chiếc giường, có chiếc giường hiện diện.

4458. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc giường.

4459. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4460. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4461. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mañcadāyaka¹⁰ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Mañcadāyaka” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Bhaddāli, vị [dâng] một chiếc lọng, vị Tīṇasūla, vị dâng cúng thịt, vị [dâng] chồi non cây nāga, vị có ngọn đèn, vị có [bông hoa] ở bên hông, vị dâng cúng cháo, vị có gói cơm, vị dâng cúng chiếc giường. Và các câu kệ được tính đếm ở đây là hai trăm câu kệ và một câu kệ được thêm vào đó.

Phẩm Bhaddāli là phẩm thứ bốn mươi hai.

¹⁰ Mañcadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) chiếc giường (mañca).”

XLIII. PHẨM SAKIṬSAMMAJJAKA (SAKIṬSAMMAJJAKAVAGGO)

421. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAKIṬSAMMAJJAKA (*Sakimsammajjakattherāpadānaṃ*)

4462. Đối với đức Thế Tôn Vipassī, cây Pāṭalī là [tên của] cội cây Bồ-đề tối thượng. Sau khi nhìn thấy cội cây cao cả ấy, tôi đã khiến tâm được tịnh tín.

4463. Sau khi cầm lấy cái chổi, tôi đã quét cội Bồ-đề liền khi ấy. Sau khi quét cội Bồ-đề ấy, tôi đã đánh lễ cây Pāṭalī.

4464. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã chấp tay lên ở đầu, trong khi tôn kính cội Bồ-đề ấy, tôi đã khom mình bước đi.

4465. Trong khi tưởng nhớ đến cội cây Bồ-đề tối thượng, tôi bước đi ở lối đi bộ. Có con trần, có hình dáng khủng khiếp, có sức mạnh lớn lao đã bức hiếp tôi.

4466. Hành động đã được tôi làm trong lúc gần đây, đã khiến cho tôi được vui lòng với kết quả. Con trần nuốt chửng lấy thân hình của tôi, và tôi sướng vui ở thế giới chư thiên.¹

4467. Tâm của tôi không bị chộn rộn, luôn luôn tinh khiết, trong trắng. Tôi không còn biết đến mũi tên sâu muộn [và] sự bực bội ở tâm của tôi.

4468. Bệnh cùi, bệnh mụn nhọt, bệnh chàm, bệnh động kinh, bệnh ghẻ, bệnh lở loét và bệnh ngứa không có ở tôi; điều này là quả báo của việc quét.

4469. Sự sâu muộn và sự than vãn ở trong trái tim của tôi là không được biết đến, tâm không bị cong queo, được ngay thẳng; điều này là quả báo của việc quét.

4470. Tôi không bị vướng mắc ở các tầng định, tâm ý được tự tín. Tôi muốn bất cứ tầng định nào, chính tầng định ấy tự đạt đến cho tôi.

4471. Tôi không say đắm ở điều quyến rũ và các sự việc xấu xa, tôi không bị mê muội ở điều ngu xuẩn; điều này là quả báo của việc quét.

4472. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc quét.

4473. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

¹ Vị này đã bị con trần giết chết và được sanh lên cõi trời liền tức thì.

4474. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4475. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sakimsammajjaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sakimsammajjaka” là phần thứ nhất.

422. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADUSSADĀYAKA

(Ekadussadāyakattherāpadānaṃ)

4476. Tôi đã là người gánh củ ở thành phố Hamsavatī. Tôi sinh sống bằng việc gánh củ. Nhờ thế, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.³

4477. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi xua đi điều tăm tối ấy đã hiện khởi.

4478. Sau khi ngồi xuống tại ngôi nhà của chính mình, tôi đã tức thời suy nghĩ như vậy: “Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian mà vật xứng đáng để dâng cúng không được tìm thấy.

4479. Đây là tấm vải choàng duy nhất của ta. Ta không có gì để trở thành người thí chủ. Việc tiếp xúc với địa ngục là khổ sở. Ta sẽ ương trồng vật cúng dường.”

4480. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Tôi đã cầm lấy tấm vải độc nhất và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

4481. Sau khi dâng cúng tấm vải độc nhất, tôi đã thốt lớn tiếng rằng: “Bạch đấng Anh Hùng, bậc Đại Hiền Trí, nếu Ngài là vị Phật, xin Ngài hãy giúp con vượt qua.”

4482. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiền Cúng, trong khi tán dương vật dâng cúng của tôi, đã nói lời tùy hỷ đến tôi rằng:

4483. “Do tấm vải độc nhất này và do các nguyện lực của tác ý, người [sẽ] không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp.

4484. Người sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần và sẽ là đấng Chuyên Luân Vương ba mươi ba lần.

4485. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Trong khi luân hồi, người sẽ hiện hữu ở thế giới chư thiên hoặc loài người.

4486. Có sắc đẹp, hội đủ đức hạnh, có thân hình không bị kém sút, người sẽ đạt được vóc không bị suy suyển, không thể ước lượng, theo như ước muốn.”

² Sakimsammajjaka nghĩa là “vị một lần (*sakim*) quét tước (*sammajjaka*).”

³ Ký sự này tương tự Ký sự về Trưởng lão Ekadussadāyaka, số 334, trang 260.

4487. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác, đáng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

4488. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của một tấm vải.

4489. Vải vóc hiện ra cho tôi theo mỗi lần giở lên của bước chân. Tôi đứng trên tấm vải ở bên dưới, có tấm che ở phía trên cho tôi.

4490. Và trong ngày hôm nay, nếu muốn, tôi có thể che phủ bằng các loại vải vóc đối với bầu vũ trụ, có cả rừng rậm cùng với núi non.

4491. Nhờ vào chỉ một tấm vải ấy, trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi có được màu da vàng chói, rồi tôi luân hồi ở cõi này, cõi khác.

4492. Quả thành tựu của một tấm vải đã không đi đến sự hư hoại ở bất cứ nơi đâu. Đây là lần sanh sau cùng của tôi, [quả thành tựu ấy] được chín muồi cho tôi ở ngay cả nơi đây.

4493. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tấm vải trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một tấm vải.

4494. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4495. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4496. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekadussadāyaka⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekadussadāyaka” là phần thứ nhì.

423. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANADĀYAKA

(Ekāsanadāyakattherāpadānaṃ)

4497. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Gosita, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

4498. Khi ấy, [tôi] có tên là Nārada. [Người ta] biết đến tôi với tên là Kassapa. Trong lúc tầm cầu đạo lộ thanh tịnh, tôi sống ở [núi] Gosita.

4499. Bậc Toàn Giác, đáng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, vị Ua Thích Sự Độc Cư đã đi đến bằng đường không trung.

4500. Sau khi nhìn thấy hào quang của bậc Đại Ân Sĩ đang di chuyển ở trên chóp đỉnh của khu rừng, tôi đã xếp đặt chiếc giường gỗ và đã trải ra tấm da dê.

4501. Sau khi xếp đặt chỗ ngồi, tôi đã chấp tay lên ở đầu. Sau khi bày tỏ sự vui mừng, tôi đã nói lời nói này:

⁴ Ekadussadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) một (eka) tấm vải (dussa).”

4502. “Bạch đấng Đại Hùng, Ngài là vị phẫu thuật, là người thầy thuốc của các bệnh nhân. Bạch đấng Lãnh Đạo, xin Ngài hãy ban cho con liều thuốc của người bị cơn bệnh hành hạ.

4503. Bạch đức Phật tối thượng, bạch đấng Hiền Trí, những người nào có mục đích về sức khỏe, nhìn thấy Ngài đạt được sự thành tựu về mục đích trường cửu, sự tái sanh của những người này được lui tàn.

4504. Con là người thọ dụng trái cây đã rụng xuống, con không có vật dâng cúng đến Ngài. Con có chỗ ngồi này, thỉnh Ngài ngồi xuống ở chiếc giường gỗ.”

4505. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở tại nơi ấy, tợ như con sư tử không bị hãi sợ. Sau khi chờ đợi trong chốc lát, Ngài đã nói lời này:

4506. “Người hãy tự tin, chớ lo sợ. Người đã đạt được viên ngọc như ý. Điều gì đã được người ước nguyện, tất cả sẽ được tròn đủ trong thời vị lai.

4507. Điều đã được làm ấy của người ở phước điền vô thượng không là vô ích. Đối với người nào có tâm đã được củng cố, bản thân của [người ấy] có thể tiếp độ được.

4508. Do sự dâng cúng chỗ ngồi này và do các nguyện lực của tác ý, người [sẽ] không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp.

4509. Người sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương tám mươi lần.

4510. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Người sẽ được sung sướng ở khắp mọi nơi và sẽ luân chuyển ở vòng luân hồi.”

4511. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc trí tuệ đã bay lên không trung, như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

4512. Về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, xe kéo và cỗ xe, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

4513. Ngay cả khi đã đi vào rừng rậm, lúc nào tôi mong muốn về chỗ ngồi, chiếc ghế bành biết được ước muốn của tôi, hiện diện ở bên cạnh.

4514. Trong khi đã đi vào trong nước, lúc nào tôi mong muốn về chỗ ngồi, chiếc ghế bành biết được ước muốn của tôi, hiện diện ở bên cạnh.

4515. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, luôn luôn có một trăm ngàn chiếc ghế bành vây quanh tôi.

4516. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới, trong bản thể thiên nhân và loài người. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-ly và Bà-la-môn.

4517. Sau khi dâng cúng một chỗ ngồi ở phước điền vô thượng, sau khi nắm lấy chiếc ghế bành giáo pháp, tôi sống không còn lậu hoặc.

4518. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

4519. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4520. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4521. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekāsanadāyaka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekāsanadāyaka” là phần thứ ba.

424. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAKADAMBAPUPPHIYA

(Sattakadambapupphiyattherāpadānaṃ)

4522. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Kadamba. Ở sườn ngọn núi ấy có bảy vị Phật ấy đã cư ngụ.

4523. Sau khi nhìn thấy cây kadamba đã được trổ hoa, tôi đã chấp tay lên. Tôi đã hái bảy bông hoa và đã tung lên với tâm [nghĩ] về phước báu.

4524. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4525. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4526. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4527. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4528. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sattakadambapupphiya⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sattakadambapupphiya” là phần thứ tư.

425. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KORANḌAPUPPHIYA

(Koraṇḍapupphiyattherāpadānaṃ)

4529. Trước đây, tôi đã là người thợ rừng có sự quan tâm [phụng dưỡng] đến cha và mẹ. Tôi sinh sống nhờ vào việc giết thú rừng, tôi không biết đến điều tốt lành.

⁵ Ekāsanadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) một (eka) chỗ ngồi (āsana).”

⁶ Sattakadambapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bảy (satta) bông hoa (puppha) kadamba.”

4530. Do lòng thương tưởng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa, bậc Hữu Nhân đã lưu lại ba [dấu] bàn chân ở xung quanh chỗ cư ngụ của tôi.

4531. Và sau khi nhìn thấy ba [dấu] bàn chân đã đi qua của bậc Đạo Sư tên Tissa, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở [dấu] bàn chân.

4532. Sau khi nhìn thấy cây korāḍa mọc ở trên đất đã được trở hoa, tôi đã hái một số [bông hoa] và đã cúng dường ở [dấu] bàn chân tối thượng.

4533. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyên lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4534. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi là người có màu da của bông hoa korāḍa và có cả vẻ sáng ngời nữa.

4535. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ở bàn chân.

4536. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4537. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4538. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Korāḍapupphiya⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Korāḍapupphiya” là phần thứ năm.

426. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GHATAMAṆḌADĀYAKA

(Ghatamaṇḍadāyakattherāpadānaṃ)

4539. Đã suy nghĩ tận tường, đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã đi vào khu rừng lớn và đã bị hành hạ bởi bệnh gió. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã đem lại bơ lỏng nguyên chất.

4540. Do bản thân đã được thực hành, do bản thân đã được tích lũy [thiện nghiệp], dòng sông Bhāgīrathī này và bốn đại dương tự cung cấp bơ lỏng cho tôi.

4541. Và trái đất kinh khủng, không thể đo lường, không thể ước lượng này, hiểu biết được ước muốn của tôi, nó trở thành tinh thể mật ngọt [cho tôi].

4542. Từ bốn châu lục, các giống cây này là loài thảo mộc mọc ở trên đất, hiểu biết được ước muốn của tôi, chúng trở thành những cây như ý [cho tôi].

⁷ Korāḍapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) korāḍa.”

4543. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần, và đã là đấng Chuyển Luân Vương năm mươi một lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4544. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của phần bơ lỏng nguyên chất.

4545. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4546. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4547. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ghatamaṇḍadāyaka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ghatamaṇḍadāyaka” là phần thứ sáu.

427. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADHAMMASAṆIYA

(*Ekadhammasaṇiayattherāpadānaṃ*)

4548. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, trong khi công bố về bốn sự thật đã giúp cho nhiều người vượt qua.⁹

4549. Vào lúc bấy giờ, tôi là vị đạo sĩ tóc bện có sự khổ hạnh cao tột. Khi ấy, tôi di chuyển ở hư không, [vừa đi] vừa phát phơ các y phục bằng vỏ cây.

4550. Tôi không thể di chuyển ở phía trên của đức Phật tối thượng. Như là con chim bị va vào tảng đá, tôi không đạt được sự di chuyển.

4551. Tợ như người đã đi vào trong nước, tôi di chuyển ở hư không như vậy. Sự hư hoại về các oai nghi này chưa từng xảy ra cho tôi trước đây.

4552. [Nghĩ rằng:] “Nào! Ta sẽ tìm hiểu việc này. Ít ra ta cũng có thể đạt được lý do.” Trong khi từ không trung đáp xuống, tôi đã nghe tiếng nói của bậc Đạo Sư.

4553. Khi ấy, Ngài đang thuyết giảng về tính chất vô thường với âm điệu khích lệ, cuốn hút, dễ nghe, tôi đã học tập chỉ có pháp ấy của Ngài.

4554. Sau khi đã học tập sự nhận biết về vô thường, tôi đã đi về khu ẩn cư của tôi. Sau khi sống đến hết tuổi thọ, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

4555. Khi đang ở vào thời điểm cuối cùng, tôi đã nhớ lại sự lắng nghe về Chánh pháp. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

⁸ *Ghatamaṇḍadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) bơ lỏng (*ghata*) nguyên chất (*maṇḍa*).”

⁹ Ký sự này tương tự Ký sự về Trưởng lão Dhammasaṇiya, số 339, trang 267.

4556. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm mươi một lần.

4557. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương hai mươi một lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4558. Tôi đã thọ hưởng phước báu của chính mình, tôi đã được sung sướng ở cõi này, cõi khác. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi đã nhớ lại sự suy tưởng [về vô thường] ấy. Tôi không thấu triệt điểm cốt yếu là Niết-bàn, vị thế bất tử.

4559. Sau khi ngồi xuống ở căn nhà của người cha, vị Sa-môn có giác quan đã được tu tập, trong khi giải thích về câu kệ ngôn, đã đề cập đến tính chất vô thường:

4560. “Quả vậy, các pháp hữu vi là vô thường, có pháp sanh và diệt, sau khi sanh lên, chúng hoại diệt, sự tĩnh lặng của chúng là an lạc.”

4561. Sau khi lắng nghe câu kệ, tôi đã nhớ lại sự suy tưởng trước đây. Sau khi ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

4562. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Đức Phật đã cho [tôi] tu lên bậc trên; điều này là quả báo của việc lắng nghe giáo pháp.

4563. Kể từ khi tôi đã lắng nghe giáo pháp trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc nghe giáo pháp.

4564. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4565. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4566. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekadhammasavaṇiya¹⁰ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekadhammasavaṇiya” là phần thứ bảy.

428. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA (*Sucintitattherāpadānaṃ*)

4567. Tôi đã là người nông dân ở thành phố Hamsavatī. Tôi sinh sống bằng công việc trồng trọt. Nhờ thế, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.

4568. Khi ấy, thừa ruộng đã được thành tựu tốt đẹp, lúa của tôi đã được kết hạt. Và khi thời điểm gặt hái đã đến, vào lúc ấy, tôi đã suy nghĩ như vậy:

4569. “Thật không đúng đắn, không tốt đẹp cho ta là người biết về lành

¹⁰ *Ekadhammasavaṇiya* nghĩa là “vị liên quan đến việc một lần (*eka*) lắng nghe (*savaṇa*) giáo pháp (*dhamma*).”

dữ, sao ta có thể thọ dụng phẩm vật đầu mùa nếu khi ấy ta chưa dâng cúng đến hội chúng!

4570. Vị này là đức Phật có ba mươi hai hảo tướng, tương đương với bậc Không Thể Sánh Bằng. Nhờ Ngài, hội chúng là phước điền vô thượng đã được thành lập.

4571. Ta sẽ dâng cúng vật thí là lúa mới đến các Ngài trước tiên hết.” Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã trở nên mừng rỡ, tâm tư được khoan khoái.

4572. Tôi đã mang theo lúa từ thừa ruộng và đã đi đến bậc Toàn Giác. Sau khi đi đến bậc Toàn Giác, đấng Nhân Nguru, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, tôi đã đánh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư rồi đã nói lời nói này:

4573. “Bạch đấng Hiền Trí, lúa mới đã được thành tựu và Ngài cũng là người thọ lãnh. Bạch bậc Hữu Nhân, vì lòng thương tưởng xin Ngài chấp nhận.”

4574. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Hiểu Biết Thế Gian Tissa, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã nói lên những lời kệ này:

4575. “Có bốn hạng được thực hành [bốn đạo] và có bốn quả được tồn tại. Hội chúng này có bản thể chính trực, được định tính với tuệ và giới.

4576. Phước báu có mầm mống tái sanh [hữu lậu] của những người đang hiến cúng, của những chúng sanh có lòng mong mỏi phước báu đang thực hiện, đã được dâng cúng đến hội chúng là có quả báo lớn.

4577. Lúa mới nên được dâng cúng đến hội chúng ấy, vật khác cũng vậy. Sau khi xác định là hội chúng, người hãy đưa các vị Tỳ-khuru đến tư gia, và hãy dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khuru vật đã được chuẩn bị tại nhà.”

4578. Sau khi xác định là hội chúng, tôi đã đưa các vị Tỳ-khuru đến nhà, và đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khuru vật đã được tôi chuẩn bị tại nhà.

4579. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyên lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4580. Tại nơi ấy, cung điện bằng vàng vô cùng rực rỡ đã được kiến tạo khéo léo dành cho tôi, có chiều cao là sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

Dứt tụng phẩm thứ mười chín.

4581. Chỗ cư ngụ của tôi được phân bố chẳng chật, đông đảo các nhóm nữ nhân. Tại nơi ấy, tôi ăn, tôi uống và tôi sống ở cõi Tam Thập Tam.

4582. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần và đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4583. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi đạt được tài sản không ước lượng được, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của lúa mới.

4584. Về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng

ngựa, kiệu khiêng và cỗ xe kéo, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4585. Về vải vóc mới, trái cây tươi, thức ăn mới lạ có phẩm vị cao sang, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4586. Về y phục làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4587. Về những tôi trai, những tớ gái và các nữ nhân đã được trang điểm, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4588. Sự lạnh, sự nóng nực hoặc sự bức bối không được tôi biết đến. Sự khổ sở thuộc về tâm ở trái tim không được tôi biết đến.

4589. [Được bảo rằng:] “Ngươi hãy nhai món này, hãy ăn món này, hãy nằm ở chiếc giường này.” Tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4590. Giờ đây, lần sau cùng này là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Quả báo của vật dâng cúng khiến tôi luôn luôn được hoan hỷ đến tận hôm nay.

4591. Sau khi đã dâng cúng lúa mới đến hội chúng là tập thể cao quý tôi thượng, tôi thọ hưởng tám điều lợi ích thích đáng với việc làm của tôi:

4592. Tôi có sắc đẹp, có danh vọng, có của cải to lớn, là người không bị tai họa, tôi luôn luôn có quyền lực lớn lao, luôn luôn có hội chúng không bị chia rẽ.

4593. Bất cứ những ai cư ngụ ở trên trái đất, tất cả đều tôn trọng tôi. Và bất cứ những gì là vật nên được dâng cúng, tôi đều đạt được trước tiên hết.

4594. Ở giữa hội chúng Tỳ-khưu hoặc trước mặt đức Phật tối thượng, các thí chủ đã đi vượt qua tất cả các vị và dâng cúng đến chính tôi.

4595. Tôi thọ hưởng các điều lợi ích này bởi vì tôi đã dâng cúng lúa mới đến hội chúng là tập thể tối thượng trước tiên hết; điều này là quả báo của lúa mới.

4596. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của lúa mới.

4597. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4598. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4599. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sucintita¹¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sucintita” là phần thứ tám.

¹¹ Sucintita nghĩa là “vị đã suy nghĩ (cintita) khéo léo (su).”

429. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SONṆAKIṆKAṆIYA (*Soṇṇakīṇkaṇiyattherāpadānaṃ*)

4600. Vì niềm tin, tôi đã ra đi và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Thiên về nghiệp khổ hạnh, tôi đã là vị mang y phục bằng vỏ cây.

4601. Hơn nữa, đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Ngưu vào lúc bảy giờ đã hiện khởi, đang giúp cho nhiều người vượt qua.

4602-03. Và sức lực của tôi quả nhiên đã bị cạn kiệt bởi cơn bệnh trầm trọng. Tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng và đã tạo nên ngôi bảo tháp tối thượng ở trên bãi cát. Với tâm mừng rỡ, với ý phấn chấn, tôi đã dùng tay rải rắc các bông hoa kiṇkaṇī bằng vàng.

4604. Với tâm tịnh tín ấy đối với vị Atthadassī như thế ấy, tôi đã đi vòng quanh ngôi bảo tháp như là có đức Phật hiện diện.

4605. Trong khi đi đến thế giới của chư thiên, tôi đạt được sự an lạc bao la. Tại nơi ấy, tôi đã có màu da vàng chói; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4606. Tôi có tám trăm triệu người nữ đã được trang điểm, thường xuyên phục vụ cho tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4607. Có sáu mươi ngàn nhạc cụ, gồm các trống lớn và các trống nhỏ, các tù và vỏ ốc và các trống con. Các chiếc trống đã vang lên một cách vui nhộn ở tại nơi ấy.

4608. Có tám mươi bốn ngàn con voi là những con voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi được sáu mươi tuổi, đã được trang điểm.

4609. Được che phủ với những tấm lưới vàng, các con voi thể hiện sự phục vụ đến tôi. Sự thiếu hụt của tôi về binh lực luôn cả về voi là không được biết đến.

4610. Tôi đã thọ hưởng quả thành tựu của những bông hoa kiṇkaṇī bằng vàng. Tôi đã cai quản thiên quốc năm mươi tám lần.

4611. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi một lần. Tôi đã cai quản vương quốc ở mặt đất, trên quả địa cầu một trăm lẻ một lần.

4612. Giờ đây, đã đạt đến bất tử là không còn tạo tác, khó nhìn thấy vô cùng, tôi đây đã được đoạn tận các sự trôi buộc, giờ đây không còn tái sinh nữa.

4613. Kể từ khi tôi đã dâng lên bông hoa trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4614. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trôi buộc như là con voi đực [đã được cỡi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4615. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4616. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sovaṇṇakiṇkaṇiya¹² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sovaṇṇakiṇkaṇiya” là phần thứ chín.

430. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SONṬAKONTARIKA

(Soṇṇakontarikattherāpadānaṃ)

4617. Đức Phật là vị đã tu tập về tâm, đã chế ngự bản thân, được định tĩnh, đang cư xử theo đường lối Phạm hạnh, thích thú trong sự tịnh lặng của tâm.

4618. Tôi đã suy tưởng về bậc Toàn Giác đã vượt qua dòng nước lũ, về bậc Hiền Trí được thỏa thích về thiên, đã tiến vào sự thể nhập [định], có ánh sáng của cánh hoa sủng.

4619. Sau khi lấy nước bằng cái bầu [đựng nước], tôi đã đi đến đức Phật tối thượng. Sau khi rửa các bàn chân của đức Phật, tôi đã dâng cúng cái bầu nước.

4620. Và bậc Toàn Giác, đáng Lãnh Đạo Padumuttara đã truyền lệnh rằng: “Bằng cái bầu này, người hãy đem nước lại và hãy đặt ở cạnh bàn chân của Ta.”

4621. Tôi đã đáp lại rằng: “Lành thay!” Và với lòng tôn kính bậc Đạo Sư, tôi đã mang lại nước bằng cái bầu và đã đưa đến gần đức Phật tối thượng.

4622. Trong khi làm cho tâm của tôi được mát mẻ, đáng Đại Hùng đã nói lời tùy hỷ rằng: “Do sự dâng cúng cái bầu này, mong rằng ý định của người được thành tựu.”

4623. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên trong mười lăm kiếp. Và tôi đã trở thành đáng Chuyển Luân Vương ba mươi lần.

4624. Vào ban ngày hoặc ban đêm, nếu tôi đang đi kinh hành hoặc đang đứng, có người cầm cây gậy vàng đứng ở phía trước tôi.

4625. Sau khi dâng cúng cái bầu nước đến đức Phật, tôi đạt được cây gậy vàng. Hành động đã được thực hiện, dầu là nhỏ nhoi trở thành to lớn như thế ấy.

4626. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cái bầu nước trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái bầu nước.

4627. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4628. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4629. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

¹² Sovaṇṇakiṇkaṇiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa kiṇkaṇī bằng vàng (sovaṇṇa).”

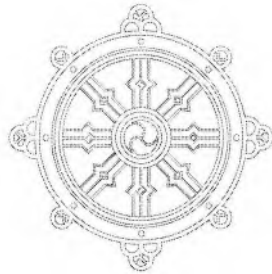
Đại đức Trưởng lão Soṇḍakontarika¹³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Soṇḍakontarika” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị trưởng lão quét một lần, vị có tám vải độc nhất, vị có một chỗ ngồi, vị dâng [bông hoa] kadamba, vị dâng [bông hoa] koraṇḍa, vị [dâng] bơ lỏng, vị lắng nghe [giáo pháp], vị đã khéo suy nghĩ, vị liên quan đến [bông hoa] kiṇkaṇī, và vị có cây gậy vàng. Có một trăm câu kệ và thêm vào bảy mươi một câu nữa.

Phẩm Sakiṃsammajjaka là phẩm thứ bốn mươi ba.



¹³ Soṇḍakontarika nghĩa là “vị có liên quan đến cây gậy (*konta*) bằng vàng (*soṇḍa*).”

XLIV. PHẨM EKAVIHĀRĪ (EKAVIHĀRIVAGGO)

431. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAVIHĀRIYA

(*Ekavihāriyattherāpadānaṃ*)

4630. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đáng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

4631. Bậc như thế ấy đã sống không còn pháp chương ngại, không cần sự nâng đỡ, có tâm ý sánh bằng bầu không gian, thường xuyên [trú vào] không tánh, thỏa thích ở vô tướng.

4632. Bậc Đại Bi, đấng Anh Hùng, rành rẽ về phương thức huấn luyện, có tâm không quyến luyến, lia phiến não, không thân cận với gia đình và đồ chúng.

4633-34. Bị bận rộn trong những việc hữu ích cho những người khác, đấng Tế Độ Thế Gian ấy ngồi giữa đại chúng đang hướng dẫn chúng sanh, luôn cả chư thiên về đạo lộ đưa đến Niết-bàn, về việc làm khô cạn bãi lầy đưa đến cảnh giới [tái sanh], về pháp bất tử có phẩm vị tối thắng, cản ngăn sự già và sự chết.

4635. Thốt lên âm điệu của loài chim Karavīka (Ca-lăng-tần-già), đấng Bảo Hộ, đức Như Lai, với âm thanh của Phạm thiên đang tiếp độ những người có lỗi đi bị lầm lạc, không người hướng dẫn, ra khỏi chốn vô cùng khôn khổ.

4636. Trong lúc đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang thuyết giảng giáo pháp không bọt nhơ, tôi đã nhìn thấy Ngài. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã xuất gia, vào đời sống không gia đình.

4637. Và sau khi xuất gia, lúc bấy giờ, trong khi suy nghĩ về giáo pháp của đấng Chiến Thắng, bị khuấy rối bởi việc chung đụng nên tôi đã sống chỉ mỗi một mình ở trong khu rừng vắng vẻ.

4638. Sự yên tịnh về thân của tôi trở thành nhân duyên chính yếu cho tôi có được sự yên tịnh ở tâm, có được sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong việc chung đụng.

4639. Các phiến não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4640. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4641. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekavihāriya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekavihāriya” là phần thứ nhất.

432. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAMKHIYA

(Ekasamkhiyattherāpadānaṃ)

4642. Đã có lễ hội ở cõi đại Bồ-đề của đức Thế Tôn Vipassī. Đám đông dân chúng đã cùng nhau đi đến và cúng dường cõi Bồ-đề tối thượng.

4643. Tôi không nghĩ rằng bậc Đạo Sư nào có cõi Bồ-đề được cúng dường như thế này lại là vị kém cõi, Ngài phải là vị Phật tối thượng.

4644. Do đó, tôi đã cầm lấy chiếc tù và vỗ ốc và đã phục vụ cõi cây Bồ-đề. Trong khi thổi [tù và] trọn cả ngày, tôi đã đánh lễ cõi Bồ-đề tối thượng.

4645. Hành động được thực hiện vào lúc cận kề cái chết đã đưa tôi đến thế giới chư thiên. Cơ thể của tôi vừa ngã xuống là tôi sướng vui ở thế giới chư thiên.²

4646. Có sáu mươi ngàn nhạc công luôn luôn hơn hờ vui mừng, hoan hỷ phục vụ tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4647. Tôi đã là đức Vua Sudassana bảy mươi một kiếp, là người chinh phục bốn phương, là vị chúa tể của vùng đất Jambu.

4648. Kể đó, có trăm loại nhạc cụ luôn luôn vây quanh tôi. Tôi thọ hưởng nghiệp quả của chính mình; điều này là quả báo của việc phục vụ.

4649. Nơi chốn nào tôi sanh lên, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, các chiếc trống luôn luôn vang lên đến tôi ngay cả khi [nhập thai] đi vào bụng mẹ.

4650. Sau khi phục vụ đáng Toàn Giác, sau khi thọ hưởng sự thành đạt, tôi đã đạt đến vị thế bất động là Niết-bàn, bình yên, bất tử.

4651. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4652. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4653. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4654. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

¹ Ekavihāriya nghĩa là “vị liên quan đến sự cư ngụ (vihāra) một mình (eka).”

² Vị ấy bị ngã chết và được sanh lên cõi trời ngay khi ấy.

Đại đức Trưởng lão Ekasaṅkhiya³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekasaṅkhiya” là phần thứ nhì.

433. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀṬIHĪRASAÑÑAKA

(Pāṭihīrasaññakattherāpadānaṃ)

4655. Khi ấy, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiện Cúng đã đi vào thành phố cùng với một trăm ngàn vị có năng lực [A-la-hán].

4656. Trong khi các vị an tịnh như thế ấy đang đi vào thành phố, các châu báu đã phát sáng, đã có tiếng reo hò vào ngay lúc ấy.

4657. Trong khi đức Phật đang đi vào thành phố, do năng lực của đức Phật, những chiếc trống đã vang lên dẫu không được vỗ, các cây đàn vīṇa tự phát ra âm thanh.

4658. Tôi không nhìn thấy đức Phật tối thượng, bậc Đại Hiện Trí Padumuttara. Và sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu, tại nơi ấy, tôi đã khiến tâm được tịnh tín.

4659. “Ôi, đức Phật! Ôi, giáo pháp! Ôi, sự thành tựu của bậc Đạo Sư chúng ta! Dẫu không có tâm tư, các nhạc cụ tự chính mình phát ra âm thanh.”

4660. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

4661. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4662. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4663. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāṭihīrasaññaka⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pāṭihīrasaññaka” là phần thứ ba.

434. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀṆATTHAVIKA

(Ñāṇatthavīkattherāpadānaṃ)

4664. Tôi đã nhìn thấy bậc Tối Thượng Nhân giống như là cây kaṇikāra được cháy sáng, như là cây đèn được chiếu sáng, như là kim loại vàng đang tỏa sáng.

4665. Sau khi xếp đặt túi nước, y phục vỏ cây và bình đựng nước, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi đã ngồi ca đức Phật tối thượng rằng:

4666. “Bạch đấng Đại Hiện Trí, trong khi hủy diệt điều tăm tối được che đậy bởi màng lưới si mê ấy, sau khi thể hiện ánh sáng trí tuệ, Ngài đã vượt qua.

³ Ekasaṅkhiya nghĩa là “vị liên quan đến một lần (eka) thôi – chiếc tù và vỏ ốc (saṅkha).”

⁴ Pāṭihīrasaññaka nghĩa là “vị tưởng nhớ (saññaka) đến điều kỳ diệu (pāṭihīra).”

4667. Bạch đấng Vô Thượng, xin Ngài hãy tiếp độ thế gian này bao gồm tất cả. Dầu cho đi khắp trái đất không có gì tương đương với trí tuệ của Ngài.

4668. Với trí tuệ ấy, đức Phật được gọi là ‘Đấng Toàn Tri.’ Bạch đấng Đại Hùng, con xin đánh lễ đấng Toàn Tri không gì che lấp ấy.”

4669. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca đức Phật tối thượng trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ.

4670. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4671. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4672. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ñāṇatthavika⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ñāṇatthavika” là phần thứ tư.

435. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UCCHUKHAṆḌIKA

(Ucchukhaṇḍikattherāpadānam)

4673. Tôi đã là người gác cổng ở thành phố Bandhumatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp.

4674. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy khúc mía và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng, bậc Đại Ân Sĩ Vipassī.

4675. Kể từ khi tôi đã dâng cúng mía trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của khúc mía.

4676. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4677. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4678. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ucchukhaṇḍika⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ucchukhaṇḍika” là phần thứ năm.

⁵ Ñāṇatthavika nghĩa là “vị ngợi ca (thavika) trí tuệ (ñāṇa) của đức Phật.”

⁶ Ucchukhaṇḍika nghĩa là “vị liên quan đến khúc (khaṇḍa) mía (ucchu).”

436. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KALAMBADĀYAKA**(*Kalambadāyakattherāpadānaṃ*)**

4679. Bạc Tự Giác Ngộ tên Romasa ngụ ở trong vùng đồi núi. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng lên Ngài bông hoa kalamba.

4680. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bông hoa kalamba.

4681. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4682. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4683. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kalambadāyaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kalambadāyaka” là phần thứ sáu.

437. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBĀṬAKADĀYAKA**(*Ambāṭakadāyakattherāpadānaṃ*)**

4684. Sau khi nhìn thấy đức Phật, đáng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại trong khu rừng, tôi đã cầm lấy trái cây ambāṭaka và đã dâng cúng đến đáng Tự Chủ.

4685. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4686. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4687. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4688. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambāṭakadāyaka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ambāṭakadāyaka” là phần thứ bảy.

438. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO HARĪTAKADĀYAKA**(*Harītakadāyakattherāpadānaṃ*)**

4689. Tôi đích thân mang lại các loại trái cây như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhītaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa.

⁷ *Kalambadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) bông hoa kalamba.”

⁸ *Ambāṭakadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây ambāṭaka.”

4690. Tôi đã nhìn thấy bậc Hiền Trí là vị có thiên chứng, được thích thú về thiên, đã đi đến sườn núi. Bậc Đại Hiền Trí đang bị hành hạ bởi cơn bệnh, không có người thứ hai [phục vụ].

4691. Tôi đã cầm lấy trái harītaka và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ. Khi thuốc men vừa mới tác dụng, cơn bệnh đã lắng dịu ngay lập tức.

4692. Có sự khó chịu đã được loại trừ, đức Phật đã nói lời tùy hỷ rằng: “Do sự dâng cúng thuốc men, và do sự dứt hẳn cơn bệnh, ...

4693. ... mong rằng người được sung sướng ở khắp mọi nơi, dầu được trở thành vị thiên nhân hay loài người hoặc ở sanh chủng khác, và bệnh hoạn chớ xảy đến cho người.”

4694. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, vị Không Bị Đánh Bại, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

4695. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái harītaka đến đấng Tự Chủ, bậc Đại Ân Sĩ, cho đến kiếp sống này bệnh hoạn đã không xảy đến cho tôi.

4696. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển, tam minh đã được đắc chứng, lời dạy của đức Phật đã được thực hành.

4697. Kể từ khi tôi đã dâng cúng thuốc men trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc men.

4698. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4699. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4700. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Harītakadāyaka⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Harītakadāyaka” là phần thứ tám.

439. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAPINḌIYA

(*Ambapinḍiyattherāpadānaṃ*)

4701. Khi ấy, tôi đã là con voi chúa có ngà dài như gọng xe, vững chãi. Trong khi đi lang thang ở khu rừng bạt ngàn, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

4702. Sau khi cầm lấy chùm trái xoài, tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. Đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã thọ lãnh.

4703. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã thọ dụng trong lúc tôi đang trầm tư. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đạt đến cõi trời Đâu-suất.¹⁰

⁹ *Harītakadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây harītaka.”

¹⁰ Vị ấy đã chết đi, sanh lên cõi trời Đâu-suất.

4704. Từ nơi ấy tôi đã mệnh chung, và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương. Tôi thọ hưởng sự thành đạt theo đường lối thế ấy.

4705. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, tôi được an tịnh, không còn mằm mộng tái sanh. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4706. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4707. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4708. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4709. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambapiṇḍiya¹¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ambapiṇḍiya” là phần thứ chín.

440. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAMBUPHALIYA

(Jambuphaliyattherāpadānaṃ)

4710. Đức Phật Padumuttara, vị đang nắm giữ danh vọng tối thượng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang đi đó đây để khát thực.

4711. Sau khi thấu hoạch trái cây đầu mùa, với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng đến đấng Đạo Sư, bậc Anh Hùng xứng đáng sự cúng dường.

4712. “Bạch đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, nhờ vào nghiệp ấy con đã từ bỏ sự hơn thua và đã đạt được vị thế bất động.”

4713. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật đầu mùa.

4714. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4715. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4716. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

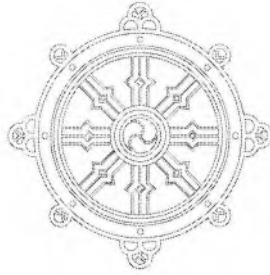
¹¹ Ambapiṇḍiya nghĩa là “vị liên quan đến chùm (piṇḍa) trái xoài (amba).”

Đại đức Trưởng lão Jambuphaliya¹² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.
“Ký sự về Trưởng lão Jambuphaliya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị trưởng lão sống một mình, vị [thôi] tù và vỏ ốc, vị [tưởng đến] điều kỳ diệu, vị ngợi ca [đức Phật], vị có khúc mía, vị dâng bông hoa kalamba, vị dâng trái ambāṭaka, vị [dâng] trái cây harītaka, vị có chùm xoài, vị dâng trái mạn đồ là thứ mười. Và các câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí là tám mươi sáu câu kệ.

Phẩm Ekavihārī là phẩm thứ bốn mươi bốn.



¹² *Jambuphaliya* nghĩa là “vị liên quan đến trái cây (*phala*) mạn đồ (*jambu*).”

XLV. PHẨM VIBHĪṬAKA (VIBHĪṬAKAVAGGO)

441. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VIBHĪṬAKAMIÑJIYA (*Vibhīṭakamiñjiyattherāpadānaṃ*)

4717. Bậc Đại Hùng Kakusandha là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Ngài đã đi vào bên trong khu rừng, tách biệt khỏi đám đông.

4718. Sau khi cầm lấy phần hột và ruột [của trái vibhīṭaka], tôi đã buộc lại bằng sợi dây leo. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tham thiền ở trong vùng đồi núi.

4719. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng phần hột và ruột đến đấng Anh Hùng, là bậc xứng đáng sự cúng dường.

4720. Ngay trong chính kiếp này kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của phần hột và ruột [của trái cây].

4721. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4722. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4723. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vibhīṭakamiñjiya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vibhīṭakamiñjiya” là phần thứ nhất.

442. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KOLADĀYAKA (*Koladāyakattherāpadānaṃ*)

4724. Khi ấy, là vị mặc y phục vỏ cây, tôi đã trang phục bằng da dê. Tôi đã khuân vác túi nặng trái táo và đã đem về khu ẩn cư.

4725. Vào thời điểm ấy, đức Phật Sikhī đã là vị đơn độc, không có người thứ hai. Trong khi biết được về mọi thời điểm, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi.

4726. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đánh lễ bậc có sự hành trì tốt đẹp. Đưa ra bằng cả hai tay, tôi đã dâng cúng trái táo đến đức Phật.

¹ *Vibhīṭakamiñjiya* nghĩa là “vị liên quan đến phần ruột (*miñja*) của trái cây vibhīṭaka.”

4727. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái táo.

4728. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4729. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4730. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Koladāyaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Koladāyaka” là phần thứ nhì.

443. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BILLAPHALIYA

(Billaphaliyattherāpadānaṃ)

4731. Khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng ở bờ sông Candabhāgā, được rải rác với những cây billa, được mọc lên với nhiều giống cây khác loại.

4732. Sau khi nhìn thấy trái cây billa có mùi thơm ngát, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Được hơn hờ, với tâm ý bị chấn động, tôi đã làm đầy gói nặng.

4733. Tôi đã đi đến [đức Phật] Kakusandha và đã dâng cúng trái cây billa đã chín đến phước điền, đến đấng Anh Hùng với tâm ý trong sạch.

4734. Ngay trong chính kiếp này kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4735. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4736. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4737. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Billaphaliya³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Billaphaliya” là phần thứ ba.

444. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHALLĀTAKADĀYAKA

(Bhallātakadāyakattherāpadānaṃ)

4738. Đấng Toàn Giác có màu da vàng chói, có ba mươi hai hảo tướng tợ

² Koladāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) trái táo (kola).”

³ Billaphaliya nghĩa là “vị liên quan đến trái cây (phala) có tên là billa.”

như cây sālā chúa đã được trở hoa, đang di chuyển ở phía trên chóp đỉnh của khu rừng bao la.

4739. Tôi đã xếp đặt tám trái cỏ và đã cầu xin đức Phật tối thượng rằng: “Xin đức Phật hãy thương tưởng đến con, con muốn dâng cúng vật thực.”

4740. Sau khi biết được ý định của tôi, đấng Bi Mẫn, vị Có Lòng Thương Tưởng, Có Danh Tiếng Lớn Lao Atthadassī đã ngự xuống khu ẩn cư của tôi.

4741. Sau khi ngự xuống, đấng Toàn Giác đã ngồi xuống ở tám thảm lá cỏ. Tôi đã cầm lấy trái cây bhallātaka và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

4742. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã thọ dụng trong lúc tôi đang trầm tư. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đánh lễ đấng Chiến Thắng.

4743. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4744. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4745. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4746. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhallātakadāyaka⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bhallātakadāyaka” là phần thứ tư.

445. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTALIPUPPHIYA

(Uttalipupphiyattherāpadānaṃ)

4747. Tôi đã lấy ra tràng hoa uttalī và đã dâng lên cội Bồ-đề là cây Nigrodha đã được phát triển, có ánh sáng màu xanh.

4748. Việc tôi đã dâng lên bông hoa là ngay trong chính kiếp này, tôi không biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội Bồ-đề.

4749. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4750. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4751. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

⁴ Bhallātakadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) trái cây bhallātaka.”

Đại đức Trưởng lão Uttalipupphiya⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.
“Ký sự về Trưởng lão Uttalipupphiya” là phần thứ năm.

446. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBĀṬAKIYA

(Ambāṭakīyattherāpadānaṃ)

4752. Sau khi đi sâu vào trong rừng cây sālā khéo được trở hoa, bậc Hiền Trí Vessabhū đã ngồi xuống ở những nơi hiểm trở của ngọn núi, trông như là con sư tử đã được sanh ra cao quý.

4753. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cúng dường [bông hoa] ambāṭaka đến phước điền, đến bậc Đại Hùng với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

4754. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4755. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4756. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4757. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambāṭakiya⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ambāṭakiya” là phần thứ sáu.

447. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANIKA

(Sīhāsanīkattherāpadānaṃ)

4758. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng bảo tọa sư tử đến đức Thế Tôn Padumuttara, là bậc tâm cầu lợi ích cho tất cả chúng sanh.

4759. Ở bất cứ nơi đâu tôi sinh sống, ở thế giới chư thiên hoặc loài người, tôi đạt được cung điện đồ sộ; điều này là quả báo của bảo tọa sư tử.

4760. Và có nhiều chiếc ghế bành làm bằng vàng, làm bằng bạc, làm bằng hồng ngọc, làm bằng ngọc ma-ni luôn luôn hiện ra cho tôi.

4761. Sau khi đã thực hiện chỗ ngồi giác ngộ cho vị tên Padumuttara, tôi được sanh ra trong gia đình thượng lưu. Ôi, tính chất tốt đẹp của giáo pháp!

4762. [Kể từ khi] tôi đã thực hiện bảo tọa sư tử trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bảo tọa sư tử.

4763. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

⁵ Uttalipupphiya nghĩa là “vị có liên quan đến bông hoa (*puppha*) uttalī.”

⁶ Ambāṭakiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa ambāṭaka.”

4764. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4765. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sīhāsanika⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sīhāsanika” là phần thứ bảy.

448. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀDAPĪṬHIYA

(Pādapīṭhiyattherāpadānam)

4766. Đẳng Toàn Giác Sumedha là đẳng Bi Mãn Cao Cả, bậc Hiền Trí. Sau khi đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua, vị Có Danh Vọng Lớn Lao ấy đã Niết-bàn.

4767. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện ghé kê chân ở bên cạnh bảo tọa sư tử của bậc Đại Ấn Sĩ Sumedha.

4768. Tôi đã thực hiện nghiệp tốt lành [là nghiệp] có kết quả là sự an lạc, đưa đến sự an lạc. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4769. Trong khi sống ở tại nơi ấy, tôi là người có được nghiệp phước thiện, khi tôi giở các bàn chân lên là có những chiếc ghế đầu vàng hiện ra cho tôi.

4770. Những người nào có được sự lắng nghe ở Ngài, các sự lợi ích cho họ đã được đạt thành tốt đẹp. [Thậm chí] sau khi thể hiện sự tôn kính đến bậc đã Niết-bàn, họ [cũng] đạt được sự an lạc lớn lao.

4771. Việc làm cũng đã được tôi thực hiện tốt đẹp, việc đổi trao đã được gắn liền tốt đẹp. Sau khi thực hiện chiếc ghế kê chân, tôi đạt được chiếc ghế đầu vàng.

4772. Bất cứ phương nào tôi ra đi, vì bất cứ lý do gì, tôi đều bước đi ở trên chiếc ghế đầu vàng; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

4773. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ghế kê chân.

4774. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4775. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4776. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

⁷ Sīhāsanika nghĩa là “vị liên quan đến bảo tọa (āsana) sư tử (sīha)”, là chỗ ngồi ở cội cây Bồ-đề (bodhiyā āsanam) và trên chỗ ngồi đó, đức Phật đã chứng quả vị Giác ngộ. (ND)

Đại đức Trưởng lão Pādapīṭhiya⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pādapīṭhiya” là phần thứ tám.

449. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA

(Vedikārakattherāpadānaṃ)

4777. Sau khi thực hiện viên rào đã được làm khéo léo ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Phật Padumuttara, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín.

4778. Các vật dụng nhân tạo và thiên nhiên vô cùng sang trọng đã từ không trung rơi xuống; điều này là quả báo của cái viên rào.

4779. Trong khi lao vào cuộc chiến đấu kinh hoàng nổ ra từ hai phe, tôi không nhìn thấy sự kinh hoàng và hãi sợ; điều này là quả báo của cái viên rào.

4780. Sau khi biết được ước muốn của tôi, cung điện được sanh lên, xinh đẹp, với những chiếc giường trị giá lớn lao; điều này là quả báo của cái viên rào.

4781. [Kể từ khi] tôi đã xây dựng cái viên rào trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái viên rào.

4782. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4783. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4784. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vedikāraka⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vedikāraka” là phần thứ chín.

450. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHIGHARIYA

(Bodhighariyattherāpadānaṃ)

4785. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện căn nhà ở cội Bồ-đề của đức Thế Tôn Siddhattha là vị Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

4786. Tôi đạt đến cõi trời Đâu-suất. Tôi sống ở trong ngôi nhà châu báu. Sự lạnh hoặc sự nóng không có đến tôi, gió không chạm vào thân thể của tôi.

4787. Trước đây sáu mươi lăm kiếp, tôi đã là đáng Chuyển Luân Vương. Có thành phố tên là Kāsika đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma.

4788. [Thành phố này] dài mười do-tuần, rộng tám do-tuần. Ở trong thành phố này không có gỗ, dây thừng và gạch ngói.

⁸ Pādapīṭhiya nghĩa là “vị liên quan đến cái ghế (pīṭha) kê chân (pāda).”

⁹ Vedikāraka nghĩa là “vị thực hiện (kāraṇa) cái viên rào (vedi, vedikā).”

4789. Có tòa lâu đài tên là Maṅgala đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma. Chiều ngang đã là một do-tuần, chiều rộng nửa do-tuần.

4790. Đã có tám mươi bốn ngàn cột làm bằng vàng và các tháp nhọn làm bằng ngọc ma-ni, mái che đã là bằng bạc.

4791. Có ngôi nhà làm bằng vàng toàn bộ đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma. Nơi này đã được tôi cư ngụ; điều này là quả báo của việc dâng cúng căn nhà.

4792. Sau khi thọ hưởng tất cả các thứ ấy ở cõi trời và người, hôm nay tôi đã đạt đến Niết-bàn là vị thế an tịnh không gì hơn được.

4793. [Kể từ khi] tôi đã cho thực hiện căn nhà ở cõi Bồ-đề trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng căn nhà.

4794. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4795. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4796. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bodhighariya¹⁰ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bodhighariya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có trái cây vibhīṭaka, vị dâng trái táo, vị dâng trái billa, vị dâng trái bhallātaka, vị dâng tràng hoa uttalī, vị dâng bông hoa ambātaka, luôn cả vị có chỗ ngồi, vị dâng ghế kê chân, vị làm cái viền rào, vị cho thực hiện căn nhà của cõi Bồ-đề. Ở đây, các câu kệ đã được tính đếm là bảy mươi chín câu, tất cả đã được thuật lại ở phẩm này.

Phẩm Vibhīṭaka là phẩm thứ bốn mươi lăm.

¹⁰ Bodhighariya nghĩa là “vị liên quan đến căn nhà (ghara) ở cõi cây Bồ-đề (bodhi).”

XLVI. PHẨM JAGATIDĀYAKA (JAGATIDĀYAKAVAGGO)

451. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAGATIDĀYAKA (*Jagatidāyakattherāpadānaṃ*)

4797. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện nền đất ở cội cây Bồ-đề tối thượng của bậc Hiền Trí Dhammadassī.

4798. Dầu tôi bị ngã từ vực thẳm, từ ngọn núi, hoặc từ thân cây, chết đi tôi có được sự nâng đỡ; điều này là quả báo của nền đất.

4799. Lũ trộm cướp không áp bức tôi, các vị Sát-đế-ly không xem thường tôi, tôi vượt trội tất cả các kẻ thù; điều này là quả báo của nền đất.

4800. Ở nơi nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều được tôn vinh ở tất cả các nơi; điều này là quả báo của nền đất.

4801. Tôi đã cho thực hiện nền đất, trong một ngàn tám trăm kiếp, tôi không trải qua khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường nền đất.

4802. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4803. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4804. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jagatidāyaka¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Jagatidāyaka” là phần thứ nhất.

452. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MORAHATTHIYA (*Morahatthiyattherāpadānaṃ*)

4805. Tôi đã cầm lấy cánh quạt lông công và đã đi đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng cánh quạt lông công.

4806. Do cánh quạt lông công này và do các nguyện lực của tác ý, ba ngọn lửa² đã được dập tắt, tôi đạt được sự an lạc lớn lao.

¹ *Jagatidāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) nền đất (*jagati*) ở cội cây Bồ-đề.”

² Ba ngọn lửa là lửa tham, lửa sân và lửa si. (ND)

4807. Ôi, chư Phật! Ôi, giáo pháp! Ôi, sự thành tựu của bậc Đạo Sư chúng ta! Sau khi dâng cúng cánh quạt lông công, tôi đạt được sự an lạc lớn lao.

4808. Ba ngọn lửa [tham, sân, si] của tôi đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sinh nữa.

4809. Kể từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cánh quạt lông công.

4810. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4811. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4812. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Morahatthiya³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Morahatthiya” là phần thứ nhì.

453. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANAVĪJAKA

(Sīhāsanavījakattherāpadānaṃ)

4813. Tôi đã đánh lễ cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn Tissa. Tôi đã lấy ra cây quạt và đã hầu quạt bảo tọa sư tử ở tại nơi ấy.

4814. [Kể từ khi] tôi đã hầu quạt bảo tọa sư tử trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc hầu quạt.

4815. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4816. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4817. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sīhāsanavījaka⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sīhāsanavījaka” là phần thứ ba.

454. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TĪ-UKKĀDHĀRAKA

(Tī-ukkādhārakattherāpadānaṃ)

4818. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm ba ngọn đuốc ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Phật Padumuttara.

³ Morahatthiya nghĩa là “vị liên quan đến cái cánh (*hattha*) của chim công (*mora*)”, diễn dịch là cánh quạt lông công. (ND)

⁴ Sīhāsanavījaka nghĩa là “vị quạt mát (*vījaka*) bảo tọa sư tử (*sīhāsana*).”

4819. [Kể từ khi] tôi đây đã cầm ngọn đuốc trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn đuốc.

4820. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4821. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4822. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ti-ukkādhāraka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ti-ukkādhāraka” là phần thứ tư.

455. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AKKAMANADĀYAKA

(Akkamanadāyakattherāpadānaṃ)

4823. Tôi đã dâng cúng tám lót chân đến đáng Hiền Trí Kakusandha, vị Bà-la-môn toàn hảo, trong lúc Ngài đang tiến hành việc nghỉ ngơi giữa ngày.

4824. Ngay trong chính kiếp này, kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tám lót chân.

4825. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4826. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4827. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Akkamanadāyaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Akkamanadāyaka” là phần thứ năm.

456. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VANAKORAṆḌIYA

(Vanakoraṇḍiyattherāpadānaṃ)

4828. Tôi đã cầm lấy bông hoa koraṇḍa rừng và đã dâng lên đức Phật, đáng Thế Tôn Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

4829. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

⁵ Ti-ukkādhāraka nghĩa là “vị cầm (dhāraka) ba (ti) ngọn đuốc (ukkā).”

⁶ Akkamanadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) tám lót chân (akkamana).”

4830. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4831. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4832. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vanakoraṇḍiya⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vanakoraṇḍiya” là phần thứ sáu.

(Dứt tụng phẩm thứ hai mươi).

457. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACHATTIYA

(*Ekachattiyattherāpadānaṃ*)

4833. Trái đất nảy sanh ra than hừng, mặt đất trở thành tro nóng. Đức Thế Tôn Padumuttara đã đi kinh hành ở ngoài trời.

4834. Sau khi cầm lấy chiếc lọng che màu trắng, tôi đã đi đường xa. Sau khi nhìn thấy đấng Toàn Giác ở tại nơi ấy, niềm hạnh phúc đã khởi đến cho tôi.

4835. Mặt đất được phủ lên bởi màn ảo ảnh, trái đất này toàn là than hừng. Có cơn gió mạnh thổi đến làm mất đi sự thoải mái của cơ thể.

4836. “Xin Ngài hãy thọ lãnh chiếc lọng che này diệt trừ được sự lạnh và nóng, có sự cản ngăn đối với sức nóng của cơn gió, con sẽ được chạm đến sự tịch diệt.”

4837. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Thương Tướng, đấng Bi Mẫn, bậc Đại Ân Sĩ, đấng Chiến Thắng Padumuttara khi ấy đã thọ lãnh.

4838. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

4839. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng nghiệp của chính mình đã được bản thân thực hiện tốt đẹp trước đây.

4840. Đây là lần sinh ra sau cùng của tôi, là lần hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Ngay cả hôm nay cũng có chiếc lọng che màu trắng được cầm che cho tôi trong mọi thời điểm.

4841. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc lọng che trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng.

4842. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

⁷ *Vanakoraṇḍiya* nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa koraṇḍa rừng (*vana*).”

4843. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4844. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekachattiya⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekachattiya” là phần thứ bảy.

458. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JĀTIPUPPHIYA

(Jātipupphiyattherāpadānam)

4845. Khi đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao viên tịch Niết-bàn, tôi đã làm những vòng hoa đội đầu rồi đã đặt lên nhục thân [của Ngài].

4846. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đi đến cõi Hóa Lạc thiên. Trong khi sống ở thế giới chư thiên, tôi nhớ lại nghiệp phước thiện.

4847. Có cơn mưa bông hoa từ bầu trời rơi xuống ở tôi vào mọi thời điểm. Nếu tôi luân hồi ở loài người, tôi là vị vua có danh vọng lớn lao.

4848. Tại nơi ấy, có cơn mưa bông hoa rơi xuống ở tôi vào mọi lúc, do nhờ tác động của sự cúng dường bông hoa đến chính Ngài ấy là bậc có sự nhìn thấy tất cả.

4849. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Ngay cả hôm nay cũng có cơn mưa bông hoa rơi xuống ở tôi vào mọi lúc.

4850. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường nhục thân [đức Phật].

4851. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cỡi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4852. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4853. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jātipupphiya⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Jātipupphiya” là phần thứ tám.

459. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṬṬIPUPPHIYA

(Paṭṭipupphiyattherāpadānam)

4854. Khi nhục thân [đức Phật] được đưa đi, khi những chiếc trống đang được vỗ lên, tôi đã cúng dường bông hoa paṭṭi với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

⁸ Ekachattiya nghĩa là “vị liên quan đến một (eka) chiếc lọng che (chatta).”

⁹ Jātipupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (puppha) jāti.”

4855. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường nhục thân [đức Phật].

4856. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trôi buộc như là con voi đực [đã được cỡi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4857. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4858. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṭṭipupphiya¹⁰ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Paṭṭipupphiya” là phần thứ chín.

460. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAPŪJAKA

(Gandhapūjakattherāpadānaṃ)

4859. Khi giàn hỏa thiêu đang được thực hiện, khi các vật thơm nhiều loại đã được mang lại, tôi đã cúng dường [một] nắm tay vật thơm với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

4860. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường giàn hỏa thiêu trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hòa táng [đức Phật].

4861. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trôi buộc như là con voi đực [đã được cỡi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4862. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4863. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhapūjaka¹¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Gandhapūjaka” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị [thực hiện] nền đất, vị có cánh quạt chim công, vị [hầu quạt] bảo tọa, vị cầm giữa ngọn đuốc, vị có tám lót chân, vị có bông hoa koranda rừng, vị dâng cúng chiếc lọng che, vị cúng dường hoa jāti, vị trưởng lão có bông hoa paṭṭi, và vị cúng dường vật thơm là thứ mười. Và có sáu mươi bảy câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Jagatidāyaka là phẩm thứ bốn mươi sáu.

¹⁰ Paṭṭipupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) paṭṭi.”

¹¹ Gandhapūjaka nghĩa là “vị cúng dường (*pūjaka*) vật thơm (*gandha*).”

XLVII. PHẨM SĀLAKUSUMIYA (SĀLAKUSUMIYAVAGGO)

461. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAKUSUMIYA (*Sālakusumiyattherāpadānaṃ*)

4864. Khi đức Thế Tôn tên là Padumuttara viên tịch Niết-bàn và được đặt lên ở giàn hỏa thiêu, tôi đã cúng dường bông hoa Sāla.

4865. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng [đức Phật].

4866. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

4867. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4868. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sālakusumiya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sālakusumiya” là phần thứ nhất.

462. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA (*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)

4869. Khi đức Thế Tôn Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian đang được thiêu đốt, tôi đã dâng lên giàn hỏa thiêu của Ngài tám bông hoa campaka.

4870. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường giàn hỏa thiêu [đức Phật].

4871. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4872. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4873. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

¹ *Sālakusumiya* nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*kusuma*) Sāla.”

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka” là phần thứ nhì.

463. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKANIBBĀPAKA

(Citakanibbāpakattherāpadānaṃ)

4874. Khi nhục thân của bậc Đại Ân Sĩ Vessabhū đang được đốt cháy, tôi đã cầm lấy nước thơm và đã làm nguội giàn hỏa thiêu.

4875. [Kể từ khi] tôi đã làm nguội giàn hỏa thiêu trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nước thơm.

4876. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4877. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4878. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakanibbāpaka³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Citakanibbāpaka” là phần thứ ba.

464. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SETUDĀYAKA

(Setudāyakattherāpadānaṃ)

4879. Khi đức Thế Tôn Vipassī đang đi kinh hành ở trước mặt, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện cây cầu.

4880. [Kể từ khi] tôi đã cho thực hiện cây cầu trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

4881. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4882. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4883. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Setudāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Setudāyaka” là phần thứ tư.

² Citakapūjaka nghĩa là “vị cúng dường (pūjaka) giàn hỏa thiêu (citaka).”

³ Citakanibbāpaka nghĩa là “vị làm nguội (nibbāpaka) giàn hỏa thiêu (citaka).”

465. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANATĀLAVAṆṬIYA (*Sumanatālavaṇṭiyattherāpadānaṃ*)

4884. Tôi đã dâng cúng chiếc quạt được phủ lên bởi những bông hoa nhài đến đức Thế Tôn Siddhattha. Tôi nắm giữ danh vọng lớn lao.

4885. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc quạt trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc quạt.

4886. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4887. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4888. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumanatālavaṇṭiya⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sumanatālavaṇṭiya” là phần thứ năm.

466. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVAṆṬAPHALIYA (*Avanṭaphaliyattherāpadānaṃ*)

4889. Đức Thế Tôn, đáng Tụ Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên là Sataraṃsī. Có ước muốn độc cư, đáng Toàn Giác đã ra đi về việc khát thực.

4890. Có trái cây ở tay, tôi đã nhìn thấy và đã đi đến gặp đáng Nhân Ngưu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái avaṇṭa.

4891. Trước đây chín mươi bốn kiếp, kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4892. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4893. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4894. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Avanṭaphaliya⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Avanṭaphaliya” là phần thứ sáu.

⁴ *Sumanatālavaṇṭiya* nghĩa là “vị liên quan đến chiếc quạt (*tālavaṇṭa*) được gắn hoa lài (*sumanā*).”

⁵ *Avanṭaphaliya* nghĩa là “vị liên quan đến trái cây (*phala*) *avanṭa*.”

467. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LABUJADĀYAKA**(*Labujadāyakattherāpadānaṃ*)**

4895. Khi ấy, tôi đã là người phụ việc tại tu viện, ở thành phố Bandhumatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung.

4896. Tôi đã cầm lấy trái mít và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Có Danh Vọng Lớn Lao đã thọ lãnh trong khi đang đứng ở ngay trên không trung.

4897. Đối với tôi, Ngài là nguồn sanh lên niềm hạnh phúc, đem lại sự an lạc trong thời hiện tại. Tôi đã dâng cúng trái cây đến đức Phật với tâm ý trong sạch.

4898. Khi ấy, tôi đã đạt đến niềm phỉ lạc vĩ đại và sự an lạc thù thắng. Và khi tôi tái sanh ở nơi này, nơi khác, có châu báu hiện lên [cho tôi].

4899. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4900. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4901. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4902. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Labujadāyaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Labujadāyaka” là phần thứ bảy.

468. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PILAKKHAPHALADĀYAKA**(*Pilakkhaphaladāyakattherāpadānaṃ*)**

4903. Sau khi nhìn thấy đức Phật Atthadassī, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao ở cuối rừng, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên trái của cây sung.

4904. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4905. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4906. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4907. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

⁶ *Labujadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*labuja*) trái mít (*dāyaka*).”

Đại đức Trưởng lão Pilakkhaphaladāyaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pilakkhaphaladāyaka” là phần thứ tám.

469. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAYAMPAṬIBHĀṆIYA

(Sayampaṭibhāṇiyattherāpadānam)

4908. Ai là người nhìn thấy đấng Nhân Nguru, vị Trời Của Chư Thiên đang tiến bước ở trên đường, tựa như cây kakudha đang chói sáng mà không tịnh tín?

4909. Ai là người nhìn thấy bậc đã xua đi điều tăm tối ấy, đã giúp cho nhiều người vượt qua, đang chói sáng với ánh sáng trí tuệ mà không tịnh tín?

4910. Ai là người nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang hướng dẫn một trăm ngàn vị có năng lực, đang tiếp độ nhiều chúng sanh mà không tịnh tín?

4911. Ai là người nhìn thấy vị đang vỗ lên chiếc trống giáo pháp, đang chế ngự các nhóm ngoại đạo, đang gầm lên tiếng rồng sư tử mà không tịnh tín?

4912. Cho đến các Phạm thiên từ thế giới Phạm thiên đã đi đến và hỏi các câu hỏi khôn khéo, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4913. Thế gian luôn cả chư thiên thể hiện sự chấp tay đối với Ngài rồi thỉnh cầu, nhờ Ngài, họ thọ hưởng phước báu, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4914. Tất cả mọi người tụ tập lại và thỉnh cầu bậc Hữu Nhãn, được thỉnh cầu, Ngài không rung động, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4915. Khi Ngài đang đi vào thành phố, có nhiều chiếc trống vang lên và các con voi hào hứng rồng lên, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4916. Trong khi đang đi ở đường lộ, toàn bộ hào quang của Ngài luôn luôn chiếu sáng, những chỗ bị gập ghềnh trở thành bằng phẳng, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4917. Khi đức Phật đang nói, [lời Ngài] được nghe ở bầu vũ trụ, Ngài làm cho tất cả chúng sanh được hiểu rõ, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4918. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi.

4919. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4920. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4921. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

⁷ Pilakkhaphaladāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) trái cây (phala) của cây sung (pilakkha).”

Đại đức Trưởng lão Sayamapaṭibhāṇiya⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sayamapaṭibhāṇiya” là phần thứ chín.

470. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIMITTAVYĀKARAṆIYA

(Nimittavyākaraṇiyattherāpadānaṃ)

4922. Khi ấy, tôi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp rồi đọc tụng chú thuật. Năm mươi bốn ngàn người đệ tử đã phục vụ tôi.

4923. Là những vị hiểu biết về kinh Vệ-đà, tất cả đã học thuộc lòng, đã đạt đến sự toàn hảo về sáu chi phần. Được hỗ trợ bởi những sự hiểu biết của chính bản thân, các vị ấy sống ở núi Hy-mã-lạp.

4924. Sau khi mệnh chung từ tập thể cõi trời Đâu-suất, vị thiên tử có danh vọng lớn lao đã sanh vào bụng mẹ với sự nhận biết và có niệm.

4925. Khi bậc Toàn Giác đang được sanh ra, mười ngàn thế giới đã chuyển động. Khi đấng Lãnh Đạo đang được sanh ra, những người mù đã đạt được thị giác.

4926. Toàn bộ quả đất này đã chuyển động với mọi hình thức. Sau khi nghe được tiếng gầm thét, đám đông dân chúng đã hoảng hốt.

4927. Tất cả mọi người đã tập trung lại và đã đi đến gặp tôi [hỏi rằng]: “Quả đất này đã chuyển động, sẽ có hậu quả gì đây?”

4928. Khi ấy, tôi đã nói với họ rằng: “Các người chớ sợ hãi, sự nguy hại không có cho các người. Tất cả cũng nên tự tin, sự xuất hiện này là có điều tốt đẹp.

4929. Bị tác động bởi tám nguyên nhân, quả đất này chuyển động. Các điều báo hiệu như thế này được nhìn thấy, có ánh sáng bao la vĩ đại.

4930. Không còn nghi ngờ nữa, đức Phật tối thượng, bậc Hữu Nhân sẽ hiện khởi.” Sau khi làm cho dân chúng biết rõ, tôi đã thuyết giảng về năm giới cấm.

4931. Sau khi lắng nghe về năm giới cấm và về sự xuất hiện của đức Phật là điều hy hữu, họ đã trở nên hơn hờ vui mừng với niềm phấn khởi đã được sanh lên, với tâm ý vui mừng.

4932. [Kể từ khi] tôi đã giải thích về điềm báo hiệu trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc giải thích.

4933. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4934. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

⁸ Sayamapaṭibhāṇiya nghĩa là “vị liên quan đến việc đích thân mình (*sayam*) ca ngợi (*paṭibhāṇa*).”

4935. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

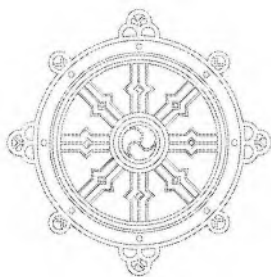
Đại đức Trưởng lão Nimittavyākaraṇiya⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Nimittavyākaraṇiya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị trưởng lão liên quan đến bông hoa Sāla, luôn cả vị cúng dường [giàn hỏa thiêu], và vị làm nguội [giàn hỏa thiêu], vị dâng cúng cây cầu, vị có cây quạt, [vị dâng lên] trái avaṇṭa, vị dâng lên trái mít, [vị dâng lên] trái sung, vị ca ngợi, và vị Bà-la-môn liên quan việc giải thích. Có bảy mươi hai câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Sālakusumiya là phẩm thứ bốn mươi bảy.



⁹ *Nimittavyākaraṇiya* nghĩa là “vị liên quan đến việc giải thích (*vyākaraṇa*) các điềm báo hiệu (*nimitta*).”

XLVIII. PHẨM NAḶAMĀLĪ (NAḶAMĀLIVAGGO)

471. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶAMĀLIYA

(*Naḷamāliyattherāpadānaṃ*)

4936. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiện Củng, đứng Lãnh Đạo Thế Gian, đang di chuyển ở phía trên chóp đỉnh của khu rừng bao la.

4937. Sau khi cầm lấy tràng hoa sậy và ngay trong khi đang đi ra, tôi đã nhìn thấy đứng Toàn Giác, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ, vị Không Còn Lậu Hoặc ở tại nơi ấy.

4938. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường tràng hoa sậy đến đứng Đại Hùng, bậc Xứng Đáng Cúng Dường, vị Có Lòng Thương Tưởng đến tất cả thế gian.

4939. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4940. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4941. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4942. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Naḷamāliya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Naḷamāliya” là phần thứ nhất.

472. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAṆIPŪJAKA

(*Maṇipūjakattherāpadānaṃ*)

4943. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Có ước muốn độc cư, bậc Toàn Giác di chuyển ở trên không trung.

4944. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có cái hồ thiên nhiên rộng lớn. Ở tại nơi ấy đã là chỗ cư ngụ của tôi, được liên quan đến nghiệp phước thiện.

¹ *Naḷamāliya* nghĩa là “vị liên quan đến tràng hoa (*mālā*) sậy (*naḷa*).”

4945. Sau khi rời khỏi nơi cư ngụ, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian được chói sáng như là bông hoa sủng, được cháy rực như là ngọn lửa tế thần.

4946. Trong lúc xem xét, tôi đã không nhìn thấy bông hoa tôi sẽ cúng dường đến đấng Lãnh Đạo. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đánh lễ bậc Đạo Sư.

4947. Tôi đã cầm lấy viên ngọc ma-ni ở trên đầu của tôi và đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian, [ước nguyện rằng:] “Do sự cúng dường viên ngọc ma-ni này, cầu mong quả thành tựu được tốt đẹp.”

4948. Đứng ở trên không trung, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đạo Sư đã nói lên lời kệ này:

4949. “Mong rằng ý định ấy được thành tựu cho người. Người sẽ đạt được sự an lạc lớn lao. Người hãy thọ hưởng danh vọng lớn lao do sự cúng dường viên ngọc ma-ni này.”

4950. Nói xong điều ấy, đức Thế Tôn tên Padumuttara, vị Phật tối thượng đã đi đến nơi mà tâm đã dự tính.

4951. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc sáu mươi kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương hàng trăm lần.

4952. Trong khi tôi là vị thiên nhân đang nhớ lại việc làm trước đây thì viên ngọc ma-ni là vật tạo ra ánh sáng của tôi, hiện ra cho tôi.

4953. Tám mươi sáu ngàn nữ nhân có đồ trang sức và vải vóc đủ màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni là những người vợ của tôi.

4954. [Các nàng] có làn mi cong, có nụ cười, có bộ ngực xinh, có eo thon, thường xuyên vây quanh tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường viên ngọc ma-ni.

4955. Các vật dụng và các đồ trang sức của tôi được thực hiện khéo léo, làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni và làm bằng hồng ngọc đúng theo ước muốn.

4956. Các ngôi nhà mái nhọn, các hang động đáng yêu và chỗ nằm ngồi vô cùng xứng đáng, sau khi biết được ước muốn của tôi, chúng hiện ra theo như ước muốn.

4957. Và những người nào đạt được sự lắng nghe đã khéo được thành tựu [vì sự lắng nghe] là phước điền của nhân loại, là phương thuốc cho tất cả các sanh linh, các vị ấy có được những sự lợi ích.

4958. Việc làm của tôi cũng đã được thực hiện tốt đẹp là việc tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo, tôi được thoát khỏi đọa xứ, tôi đạt được vị thế bất động.

4959. Nơi nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi luôn luôn có ánh sáng từ bảy loại châu báu ở xung quanh.

4960. Do chính sự cúng dường viên ngọc ma-ni ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu, ánh sáng trí tuệ đã được tôi nhìn thấy, tôi đạt đến vị thế bất động.

4961. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường ngọc ma-ni trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngọc ma-ni.

4962. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4963. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4964. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mañipūjaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Mañipūjaka” là phần thứ nhì.

473. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UKKĀSATIKA

(Ukkāsatikattherāpadānaṃ)

4965. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tên là Kosika đã cư ngụ tại núi Cittakūṭa. Đức Phật, bậc Hiền Trí là vị chứng thiên, thỏa thích với thiên, vui thích với sự độc cư.

4966. Tôi đã dẫn đầu nhóm phụ nữ đi sâu vào núi Hy-mã-lạp và tôi đã nhìn thấy đức Phật Kosika tựa như mặt trăng ngày rằm.

4967. Khi ấy, tôi đã cầm lấy một trăm ngọn đuốc và đặt vòng quanh [đức Phật]. Tôi đã đứng bảy ngày đêm và đã ra đi vào ngày thứ tám.

4968. Khi đức Phật Kosika, đáng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, đã xuất khỏi [thiên], với tâm tịnh tín tôi đã đánh lễ Ngài và đã dâng cúng một phần vật thực.

4969. “Bạch vị Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Ngưu, do việc làm ấy con đã sanh lên cõi trời Đâu-suất; điều này là quả báo của một phần vật thực.”

4970. Luôn luôn có ánh sáng cho tôi vào ban ngày và cả ban đêm nữa. Tôi tỏa ra ánh sáng ở xung quanh một trăm do-tuần.

4971. Tôi đã là đáng Chuyển Luân Vương, người chinh phục bốn phương, đáng chúa tể của vùng đất Jambu năm mươi lăm kiếp.

4972. Khi ấy, thành phố của tôi đã được sung túc, thịnh vượng, khéo được xây dựng có chiều dài ba mươi do-tuần và chiều rộng hai mươi do-tuần.

4973. Thành phố tên là Sobhana đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma, không thiếu vắng mười loại âm thanh được kết hợp với [âm thanh của] chũm chọe.

² Mañipūjaka nghĩa là “vị cúng dường (pūjaka) ngọc ma-ni (maṇi).”

4974. Ở trong thành phố ấy không có dây thừng, gỗ và gạch ngói. Toàn bộ chỉ làm bằng vàng và chiếu sáng trong thời gian liên tục.

4975. Có bốn tường thành bao bọc, ba mặt đã được làm bằng ngọc ma-ni, và ở chính giữa có hàng cây cọ đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma.

4976. Có mười ngàn hồ nước được che đậy bởi sen hồng và sen xanh, được phủ lên bởi những sen trắng, được tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại.

4977. [Kể từ khi] tôi đã cầm giữ ngọn đuốc trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cầm giữ cây đuốc.

4978. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4979. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4980. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ukkāsatika³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ukkāsatika” là phần thứ ba.

474. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANAVĪJANIYA

(Sumanavījanīyattherāpadānaṃ)

4981. Tôi đã cầm lấy cây quạt hoa nhài ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Vipassī và đã quạt mát cội cây Bồ-đề tối thượng.

4982. [Kể từ khi] tôi đã quạt mát cội cây Bồ-đề tối thượng trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc hầu quạt.

4983. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4984. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4985. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumanavījaniya⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sumanavījaniya” là phần thứ tư.

³ Ukkāsatika nghĩa là “vị liên quan đến 100 (sata) cây đuốc (ukkā).”

⁴ Sumanavījaniya nghĩa là “vị liên quan đến cây quạt (vījana) hoa nhài (sumana).”

475. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMMĀSADĀYAKA**(*Kummāsadāyakattherāpadānaṃ*)**

4986. Trong khi bậc Đại Ân Sĩ Vipassī đang đi tìm kiếm [vật thực], tôi đã nhìn thấy bình bát [của Ngài] trống không và tôi đã đặt đầy sữa đông [ở bình bát].

4987. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thực trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của sữa đông.

4988. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4989. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4990. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kummāsadāyaka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kummāsadāyaka” là phần thứ năm.

476. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUSAṬṬHADĀYAKA**(*Kusaṭṭhadāyakattherāpadānaṃ*)**

4991. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng tám thẻ vật thực đến đức Thế Tôn Kassapa, vị Bà-la-môn toàn hảo.

4992. Ngay trong chính kiếp này [kể từ khi] tôi đã dâng cúng tám thẻ vật thực, tôi không biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tám thẻ vật thực.

4993. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4994. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4995. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kusaṭṭhadāyaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kusaṭṭhadāyaka” là phần thứ sáu.

477. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GIRIPUNNĀGIYA**(*Giripunnāgiyattherāpadānaṃ*)**

4996. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Sobhita đã cư ngụ tại núi Cittakūṭa. Tôi đã hái bông hoa nguyệt quế mọc ở núi và đã cúng dường đến đấng Tỳ-chủ.

⁵ *Kummāsadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) sữa đông (*kummāsa*).”

⁶ *Kusaṭṭhadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) tám (*aṭṭha*) thẻ vật thực (*kusa*).” Lá cỏ kusa được dùng làm thảm để chọn ra các vị Tỳ-khưu đi đến nhà thí chủ thọ thực. (ND)

4997. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4998. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4999. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5000. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Giripunnāgiya⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Giripunnāgiya” là phần thứ bảy.

478. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VALLIKĀRAPHALADĀYAKA

(Vallikāraphaladāyakattherāpadānaṃ)

5001. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Sumana đã cư ngụ tại thành phố Takkarā. Tôi đã cầm lấy trái cây vallikāra và đã dâng cúng đến đấng Tụ Chủ.

5002. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5003. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5004. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5005. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vallikāraphaladāyaka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vallikāraphaladāyaka” là phần thứ tám.

479. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀNADHIDĀYAKA

(Pānadhidāyakattherāpadānaṃ)

5006. Sau khi đã rời khỏi việc nghỉ ngơi giữa ngày, đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Hữu Nhân đã bước lên đường lộ.

5007. Sau khi cầm lấy đôi dép đã được làm khéo léo, tôi đã tiến bước đường xa. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, vị có ánh nhìn thu hút, đang đi bộ.

⁷ Giripunnāgiya nghĩa là “vị liên quan đến hoa nguyệt quế (*punnāga*) mọc ở núi.”

⁸ Vallikāraphaladāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) vallikāra.”

5008. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đem đôi dép lại và đặt xuống ở cạnh bàn chân [đức Phật] rồi đã nói lời nói này:

5009. “Bạch bậc Đại Hùng, vị Chúa Của Nhân Cảnh, đáng Hướng Đạo, xin Ngài hãy bước lên, mong sao mục đích của con được thành tựu là con sẽ đạt được quả báo do việc này.”

5010. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Ngưu đã bước lên đôi dép, rồi đã nói lời nói này:

5011. “Người nào được tịnh tín, tự tay mình đã dâng cúng đến Ta đôi dép, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.”

5012. Nhận biết giọng nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại, với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, có hai tay chấp lên.

5013. “Do việc dâng cúng đôi dép, người này sẽ được sung sướng và sẽ cai quản thiên quốc năm mươi lần.

5014. Và sẽ là đáng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5015. Vào vô lượng kiếp về sau này, có bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5016. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

5017. Người có phước báu [này] sẽ được sanh lên ở thế giới chư thiên hoặc là loài người, sẽ nhận lãnh chiếc xe tương tự chiếc xe của chư thiên.”

5018. Các tòa lầu đài, các kiểu khiêng, các con voi của tôi là được trang điểm. Các chiếc xe được thắt ngựa giống tốt, luôn hiện hữu cho tôi.

5019. Ngay cả trong khi lìa khỏi gia đình, tôi đã rời khỏi bằng xe ngựa. Trong khi các sợi tóc đang được cạo, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5020. Điều lợi ích cho tôi đã được tôi đạt thành một cách tốt đẹp, việc đổi trao đã được gắn liền tốt đẹp. Sau khi dâng cúng một đôi dép, tôi được đạt đến vị thế bất động.

5021. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng đôi dép trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép.

5022. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5023. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5024. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pānadhīdāyaka⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pānadhīdāyaka” là phần thứ chín.

480. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINACAṆKAMIYA

(Pulinacaṇkamiyattherāpadānaṃ)

5025. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Trong lúc tìm kiếm loài linh dương, tôi đã nhìn thấy con đường kinh hành.

5026. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã ôm cát ở bên hông [bằng vật y] và đã rải lên đường kinh hành của đấng Thiện Thệ Quang Vinh.

5027. [Kể từ khi] tôi đã rải cát trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cát.

5028. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5029. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5030. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pulinacaṇkamiya¹⁰ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pulinacaṇkamiya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có tràng hoa sậy, vị dâng ngọc ma-ni, vị có trăm ngọn đuốc, vị có cây quạt, món sữa đông, thề vật thực, luôn cả bông hoa nguyệt quế ở núi, trái cây vallikāra, vị dâng đôi dép, và đường kinh hành rải cát. Có chín mươi lăm câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Naḷamālī là phẩm thứ bốn mươi tám.

⁹ Pānadhīdāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) đôi dép (pānadhī).” Chú giải giải thích từ pānadhīṃ là upāhanayugam nên được dịch là đôi dép (ApA. I. 448).

¹⁰ Pulinacaṇkamiya nghĩa là “vị liên quan đến đường kinh hành (caṇkama) rải cát (pulina).”

XLIX. PHẨM PĀMSUKŪLA (PĀMSUKŪLAVAGGO)

481. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀMSUKŪLASAÑÑAKA (*Pāmsukūlasaññakattherāpadānaṃ*)

5031. Đức Thế Tôn, bậc Tự Chủ tên Tissa là nhân vật cao cả. Sau khi cỡi ra tắm y may từ vải bị quăng bỏ, đấng Chiến Thắng đã đi vào trú xá.

5032. Sau khi cầm lấy cây cung đã được uốn cong, tôi đã bước đi vì nhu cầu thức ăn. Tôi đã nắm lấy con dao cong và đã đi vào khu rừng rậm.

5033. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ được treo ở ngọn cây tại nơi ấy. Tôi đã để cây cung xuống ngay tại nơi ấy và đã chấp tay lên ở đầu.

5034. Với tâm hoan hỷ, với ý vui mừng, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng và đã đánh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ với niềm phi lạc dạt dào.

5035. [Kể từ khi] tôi đã đánh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đánh lễ.

5036. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cỡi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5037. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5038. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāmsukūlasaññaka¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pāmsukūlasaññaka” là phần thứ nhất.

482. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA (*Buddhasaññakattherāpadānaṃ*)

5039. [Tôi] là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, về tướng mạo, về truyền thống gồm cả văn tự và nghi thức.

¹ Pāmsukūlasaññaka nghĩa là “vị tưởng nhớ (*saññaka*) đến tấm y may từ vải bị quăng bỏ (*pāmsukūla*).”

5040. Lúc bấy giờ, những người học trò đi đến với tôi tựa như làn nước chảy ở dòng sông. Tôi dạy bọn họ về các chú thuật, đêm ngày không biếng nhác.

5041. Trong khi ấy, đấng Toàn Giác Siddhattha đã hiện khởi ở thế gian. Sau khi xua đi điều tăm tối ấy, Ngài đã vận hành ánh sáng của trí tuệ.

5042. Tôi có người đệ tử nọ, vị ấy đã thuật lại cho các đệ tử của tôi. Khi ấy, sau khi nghe được sự việc này, bọn họ đã nói với tôi rằng:

5043. “Đức Phật, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã hiện khởi ở trên đời. Dân chúng đi theo vị ấy, lợi lộc cho chúng ta sẽ không còn.”

5044. [Tôi đã nói rằng:] “Chư Phật, các bậc Hữu Nhân có danh vọng lớn lao là những vị hiếm khi hiện khởi. Hay là ta nên nhìn thấy đức Phật tối thượng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian?”

5045. Tôi đã cầm lấy tấm da dê, bộ y phục vỏ cây và túi đựng nước của tôi rồi đã rời khỏi khu ẩn cư. Tôi đã thông báo với các đệ tử rằng:

5046. “Tương tựa như bông hoa của cây odumbara và chú thỏ ở mặt trăng, tương tựa như sữa của các con quạ, chư vị Lãnh Đạo Thế Gian là điều hy hữu.

5047. Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian cũng như [được sanh vào] bản thể nhân loại là điều hy hữu. Và trong khi có được cả hai, việc nghe [giáo pháp] là điều vô cùng hy hữu.

5048. Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian. Nay chư vị, chúng ta sẽ nhận được [Pháp] nhân của chúng ta. Chư vị hãy đến, tất cả chúng ta sẽ đi gặp đấng Chánh Đẳng Giác.”

5049. Khi ấy, tất cả các vị ấy đều mang túi đựng nước, mặc y phục da dê thô xấu, quần búi tóc rồi đã rời khỏi khu rừng.

5050. Những vị tầm cầu mục đích tối thượng [ấy] trong khi nhìn với khoảng cách của cán cây, không còn các vương bận và sân hận, tựa như những con sư tử không bị hãi sợ.

5051. Ít bị bận rộn, không tham lam, cần trọng, có hành vi thanh tịnh, các vị ấy trong khi vừa lo việc kiếm sống vừa đi đến gần đức Phật tối thượng.

5052. Khi chỉ còn một do-tuần rưởi, có cơn bệnh đã sanh khởi đến tôi. Sau khi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy.

5053. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

5054. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5055. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5056. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão *Buddhasaṅṅika*² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão *Buddhasaṅṅika*” là phần thứ nhì.

483. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHISADĀYAKA

(Bhisadāyakattherāpadānaṃ)

5057. Lúc bấy giờ, tôi đã lội xuống hồ nước đã bị nhiều con voi sử dụng, và vì lý do đó [bụng] tôi [đã] nhô lên củ sen ở tại nơi ấy.

5058. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn danh hiệu Padumuttara là vị Phật mặc y màu đỏ [đang] di chuyển ở trên không trung.

5059. Khi ấy, trong khi Ngài đang phát phơ các lá y may từ vải bị quăng bỏ, tôi đã nghe được tiếng động. Trong khi chú ý ở phía bên trên, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

5060-61. Trong khi đứng ngay tại nơi ấy, tôi đã thỉnh cầu đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: “Xin đức Phật, bậc Hữu Nhân, vì lòng thương tưởng, hãy thọ lãnh mật ong cùng với các củ sen, sữa, bơ lỏng và rễ sen của con.” Do đó, đấng Bi Mẫn, bậc Đạo Sư có danh vọng lớn lao, đã ngự xuống.

5062. Bậc Hữu Nhân vì lòng thương tưởng đã thọ nhận vật thực của tôi. Sau khi thọ nhận, bậc Toàn Giác đã thực hiện lời tùy hỷ đến tôi rằng:

5063. “Này người có đại phước, mong rằng người được an lạc. Mong rằng cảnh giới tái sinh được thành tựu cho người. Do việc dâng cúng củ sen này, người sẽ đạt được sự an lạc lớn lao.”

5064. Sau khi nói lên điều ấy, đấng Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Toàn Giác, đấng Chiến Thắng đã cầm lấy thức ăn rồi đã ra đi bằng đường không trung.

5065. Sau đó, tôi đã cầm lấy củ sen và đã đi về lại khu ẩn cư của mình. Sau khi đã treo củ sen ở trên cây, tôi đã tưởng nhớ lại việc dâng cúng của mình.

5066. Khi ấy, có cơn gió lớn đã nổi lên và đã làm lay chuyển khu rừng. Bầu trời đã gào thét trong lúc sấm sét đang nổ ra.

5067. Sau đó, tia sét đánh xuống đã giáng vào đầu của tôi. Khi ấy, trong khi bị khụy xuống, tôi đây đã lìa đời ở tại nơi ấy.

5068. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi đã đi đến cõi trời Đâu-suất. [Khi] thân thể của tôi bị ngã xuống, tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên.

5069. Có tám mươi sáu ngàn nữ nhân đã được trang điểm, hầu cận sáng tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

5070. Sau khi đi đến sự sanh ra ở loài người, tôi luôn luôn được sung sướng, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

² *Buddhasaṅṅika* nghĩa là “vị tướng nhớ (*saṅṅika*) đến đức Phật (*buddha*).”

5071. Là người được thương tưởng bởi vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy, tôi đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sinh nữa.

5072. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thực trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

5073. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5074. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5075. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhisadāyaka³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bhisadāyaka” là phần thứ ba.

484. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀṆATTHAVIKA

(Ñāṇatthavikattherāpadānaṃ)

5076. Khu ẩn cư của tôi được xây dựng khéo léo ở phía Nam của núi Hy-mã-lạp. Vào lúc bấy giờ, trong khi tâm cầu mục đích tối thượng, tôi cư ngụ ở trong rừng.

5077. Trong lúc tìm kiếm vị thầy, tôi sống mỗi một mình với rễ và trái cây, hài lòng với việc có hay không có.

5078. Trong khi ấy, đấng Toàn Giác tên Sumedha đã hiện khởi ở thế gian. Trong lúc tiếp độ đám đông dân chúng, Ngài công bố về bốn sự thật.

5079. Tôi không được nghe về đấng Toàn Giác, cũng không có ai nói với tôi. Khi tám năm đang trôi qua, tôi đã nghe về đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

5080. Sau khi dập tắt củi lửa và quét dọn khu ẩn cư, tôi đã cầm lấy gói vật dụng và đã rời khỏi khu rừng.

5081. Trong khi cư ngụ chỉ một đêm ở các ngôi làng và các khu phố chợ, khi ấy theo tuần tự, tôi đã đi đến gần con sông Candavatī.

5082. Vào thời điểm ấy, trong lúc tiếp độ nhiều chúng sanh, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha thuyết giảng về vị thế bất tử.

5083. Tôi đã vượt qua đám đông người và đã đánh lễ đấng Chiến Thắng sánh tợ đại dương. Tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

5084. “Ngài là đấng Tối Thượng Của Loài Người, là bậc Thầy, là biểu hiệu, là ngọn cờ, là mục đích tối cao, là nơi nương tựa, là sự nâng đỡ, là ngọn đèn của chúng sanh.

(Dứt tụng phẩm thứ hai mươi một).

³ Bhisadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) củ sen (bhisa).”

5085. Bạch bạch Hiền Trí, Ngài là bậc khôn khéo về kiến thức, là đấng Anh Hùng đã giúp cho chúng sanh vượt qua, ở thế gian không có người nào khác là đấng Tiếp Độ, không ai là trội hơn Ngài.

5086. Biên cả vĩ đại hiển nhiên là có thể đo lường bằng đầu ngọn cỏ kusa, tuy nhiên bạch đấng Toàn Tri, trí tuệ của Ngài là không thể đo lường được.

5087. Bạch đấng Hữu Nhân, sau khi đặt trái đất lên đĩa cân là có thể xác định, tuy nhiên sự đo lường trí tuệ của Ngài là không thể có.

5088. Không gian có thể ước lượng bằng sợi dây thừng hoặc bằng ngón tay, tuy nhiên, bạch đấng Toàn Tri, giới hạnh của Ngài là không thể đo lường.

5089. Bạch đấng Hữu Nhân, nước ở đại dương, bầu trời và trái đất, những vật này là có thể đo lường, còn Ngài là không thể đo lường.”

5090. Sau khi đã tán dương đấng Toàn Tri có danh vọng lớn lao bằng sáu câu kệ, khi ấy tôi đã chấp tay lên rồi đứng im lặng.

5091. Người ta nói về người có tuệ bao la, sáng suốt là “Sumedha”. Ngài đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

5092. “Người nào, được tịnh tín, đã tán dương trí tuệ của Ta bằng tâm ý của mình, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

5093. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong bảy mươi bảy kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần.

5094. Và [người này] sẽ là đấng Chuyển Luân Vương hàng trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5095. Dầu trở thành vị thiên nhân hay là nhân loại, [người này] được tự hội với nghiệp phước thiện, sẽ có tuệ sắc bén, tâm tư không bị kém sút.

5096. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5097. Sau khi lìa khỏi gia đình, [người này] sẽ xuất gia, không còn sở hữu gì, và sẽ chạm đến phẩm vị A-la-hán vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh.”

5098. Từ khi tôi nhớ lại bản thân, từ khi tôi đạt được giáo pháp, trong khoảng thời gian này, tôi không biết đến tâm tư không được thích ý.

5099. Tôi đã luân hồi ở tất cả các cõi và đã thọ hưởng đầy đủ, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ.

5100. Ba ngọn lửa [tham, sân, si] của tôi đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

5101. Kể từ khi tôi đã ngợi ca trí tuệ trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ.

5102. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5103. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5104. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ñāṇatthavika⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ñāṇatthavika” là phần thứ tư.

485. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CANDANAMĀLIYA

(Candanamāliyattherāpadānaṃ)

5105. Sau khi từ bỏ năm phần dục lạc, các sắc yêu quý, các vật thích ý, tôi đã từ bỏ tám mươi *koṭi* và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

5106. Sau khi xuất gia, tôi đã tránh xa nghiệp ác do thân. Sau khi từ bỏ ác hạnh do khẩu, tôi cư ngụ ở bờ sông.

5107. Trong khi tôi đang sống mỗi một mình, đức Phật tối thượng đã đi đến gặp tôi. Tôi không biết về “đức Phật”. Tôi đã thực hiện việc chào hỏi.

5108. Sau khi thực hiện việc chào hỏi, tôi đã hỏi tên và dòng họ: “Phải chăng Ngài là thiên thần, là vị càn-thát-bà, hay là Chúa của chư thiên Sakka?”

5109. Ngài là ai? Là con trai của ai? Phải chăng vị Đại Phạm thiên đã đi đến nơi đây? Ngài tỏa sáng tất cả các phương, giống như là mặt trời đang mọc.

5110. Thưa Ngài, một ngàn cây cắm bánh xe được thấy ở bàn chân. Ngài là ai? Là con trai của ai? Làm thế nào chúng tôi nhận biết Ngài? Xin Ngài cho biết tên và dòng họ, xin Ngài hãy xua đi nỗi nghi hoặc của tôi.”

5111. “Ta không phải là thiên thần, không phải là càn-thát-bà, cũng không phải là Chúa của chư thiên Sakka. Và Ta cũng không có bản thể của Phạm thiên, đối với các vị này Ta là bậc Tối Thượng.

5112. Ta đã vượt lên phạm vi của các vị ấy, Ta đã cắt lìa sự trói buộc của các dục. Sau khi thiêu đốt tất cả các phiền não, Ta đạt đến phẩm vị Toàn giác tối thượng.”

5113. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ấy, tôi đã nói lời nói này: “Bạch đáng Đại Hiền Trí, nếu Ngài là đức Phật, đáng Toàn Trí, bậc Đoạn Tận Khổ Đau, xin thỉnh Ngài ngồi xuống, tôi sẽ cúng dường Ngài.”

5114. Tôi đã trải ra tấm da dê và tôi đã dâng cúng đến đáng Đạo Sư. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở tại nơi ấy, tợ như con sư tử [ngồi xuống] ở hang núi.

5115. Tôi đã cấp tốc leo lên ngọn núi và đã hái trái xoài, bông hoa sālā xinh xắn và gỗ trầm hương vô cùng giá trị.

5116. Tôi đã mau mắn nâng lên tất cả các thứ ấy và đã đi đến gần đáng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã dâng cúng trái cây và đã cúng dường bông hoa sālā đến đức Phật.

⁴ Ñāṇatthavika nghĩa là “vị ngự ca (*thavika*) về trí tuệ (*ñāṇa*).”

5117. Với tâm hoan hỷ, với ý vui mừng, tôi đã thoa trầm hương và đã đánh lễ bậc Đạo Sư với niềm phỉ lạc dạt dào.

5118. Khi ấy, đáng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã ngồi xuống ở tấm da dê. Trong khi làm cho tôi được hoan hỷ, Ngài đã tán dương việc làm của tôi rằng:

5119. “Do cả hai việc dâng cúng trái cây cùng với hương thơm tràng hoa này, [người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong hai trăm năm mươi kiếp, và sẽ trở thành người vận dụng quyền lực với tâm tư không bị sút kém.

5120. [Người này] sẽ đi đến bản thể nhân loại trong hai ngàn sáu trăm kiếp và sẽ trở thành đáng Chuyển Luân Vương có đại thần lực [chinh phục] bốn phương.

5121. Có thành phố tên là Vebhāra toàn bằng vàng được tô điểm với châu báu các loại sẽ được hóa hiện ra bởi vị thần Vissakamma.

5122. Theo phương cách này đây, người ấy sẽ luân hồi các cõi. Dầu ở bản thể thiên nhân hay nhân loại, [người này] sẽ được tôn vinh ở khắp mọi nơi. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, [người này] sẽ là thân quyến của đáng Phạm thiên.⁵

5123. Sau khi lìa khỏi gia đình, [người này] sẽ trở thành người không có gia đình, sẽ thông suốt về các thắng trí và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.”

5124. Nói xong điều này, trong lúc tôi đang trầm tư, bậc Toàn Giác, đáng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã ra đi bằng đường không trung.

5125. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5126. Sau khi mệnh chung từ cõi trời Đâu-suất, tôi đã tái sinh vào bụng mẹ. Khi tôi sống ở trong bào thai, tôi không có thiếu hụt về sự thọ hưởng.

5127. Khi tôi đã ở trong bụng mẹ, do ước muốn của tôi, thức ăn, nước uống và vật thực cho người mẹ được sanh lên theo như ước muốn.

5128. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia, vào đời sống không gia đình. Khi tóc [cạo] được rơi xuống, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5129. Trong lúc suy tầm về nghiệp quá khứ, tôi đã nhìn thấy không phải là kém cỏi, tôi đã nhớ lại việc làm của tôi trong ba mươi ngàn kiếp.

5130. “Bạch đáng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đáng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Sau khi đi đến với giáo pháp của Ngài, con đã đạt được vị thế bất động.”

5131. Kể từ khi tôi đã cúng dường đức Phật trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5132. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

⁵ Nghĩa là sẽ thuộc dòng dõi Bà-la-môn. (ND)

5133. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5134. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Candanamāliya⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Candanamāliya” là phần thứ năm.

486. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHĀTUPŪJAKA

(Dhātupūjakattherāpadānaṃ)

5135. Khi dâng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha Niết-bàn, tôi đã đưa các thân quyến của tôi đến và tôi đã thực hiện việc cúng dường Xá-lợi.

5136. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường Xá-lợi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường Xá-lợi.

5137. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5138. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5139. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhātupūjaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Dhātupūjaka” là phần thứ sáu.

487. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINUPPĀDAKA

(Pulinuppādakattherāpadānaṃ)

5140. Ở ngọn núi Hy-mã-lạp, [tôi là] vị đạo sĩ khổ hạnh tên Devaḷa. Con đường kinh hành của tôi ở tại nơi ấy đã được tạo nên bởi các vị phi nhân.

5141. Lúc bấy giờ, [tôi] là vị quần búi tóc rối, mang túi đựng nước, trong khi tầm cầu mục đích tối thượng, tôi đã rời khỏi khu rừng bao la.

5142. Khi ấy, tám mươi bốn ngàn người đệ tử đã phục vụ tôi. Được sanh ra theo nghiệp của mình, các vị sống ở trong khu rừng bao la.

5143. Sau khi rời khỏi khu ẩn cư, tôi đã tạo nên ngôi bảo tháp bằng cát. Tôi đã gom góp các bông hoa các loại và đã cúng dường ngôi bảo tháp ấy.

5144. Ở tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tính, tôi đi vào khu ẩn cư. Tất cả các người đệ tử đã tụ hội lại và đã hỏi tôi về sự việc này:

⁶ Candanamāliya nghĩa là “vị liên quan đến trầm hương (candana) và tràng hoa (mālā).”

⁷ Dhātupūjaka nghĩa là “vị cúng dường (pūjaka) Xá-lợi (Dhātu).”

5145. “Chúng tôi cũng muốn biết ngài sẽ lễ bái vị thiên thần nào ở ngôi bảo tháp đã được xây dựng bằng cát. Được hỏi, xin ngài hãy giải thích cho chúng tôi.”

5146. “Các đấng Hữu Nhân có danh vọng lớn lao đã được xác định rõ ở trong câu chú thuật của chúng ta. Đương nhiên, ta lễ bái các vị Phật tối thượng có danh vọng lớn lao ấy.”

5147. “Các bậc Đại Hùng, các đấng Toàn Tri, các vị Lãnh Đạo Thế Gian ấy là như thế nào? Màu da thế nào? Giới hạnh thế nào? Các vị có danh vọng lớn lao ấy là như thế nào?”

5148. “Chư Phật có ba mươi hai tướng mạo và còn có bốn mươi cái răng. Với lông mi dài như của bò cái tợ, các con mắt của các vị ấy trông giống như trái cam thảo rừng.

5149. Và trong khi bước đi, chư Phật ấy chỉ nhìn với khoảng cách của cán cây. Đầu gối của các vị ấy không phát tiếng, âm thanh của các khớp không nghe được.

5150. Và trong khi bước đi, các đấng Thiện Thệ bước đi đều nhắc lên bàn chân phải trước tiên; điều này là trạng thái tự nhiên của chư Phật.

5151. Và chư Phật ấy không bị hãi sợ tương tợ như con sư tử, vua của loài thú. Các vị chẳng bao giờ ca tụng bản thân và không khinh miệt các hạng chúng sanh.

5152. Được thoát khỏi sự kiêu ngạo và chê bai, là bình đẳng đối với tất cả sanh linh, chư Phật là những vị không ca tụng chính mình; điều này là trạng thái tự nhiên của chư Phật.

5153. Và trong khi được sanh ra, chư Phật Toàn Giác ấy thị hiện ánh sáng và làm toàn thể trái đất này rung chuyển theo sáu cách.

5154. Và chư vị này nhìn thấy địa ngục, khi ấy, địa ngục được tiêu diệt, có đám mây lớn đổ mưa; điều này là trạng thái tự nhiên của chư Phật.

5155. Các bậc Long Tượng ấy là như thế, và có danh vọng lớn lao không thể sánh bằng, không bị vượt trội về thể hình, các đấng Như Lai là vô lượng.”

5156. Tất cả các người đệ tử đã tùy hỷ những lời nói của tôi với sự kính trọng. Và họ đã thực hành theo đúng như thế, tùy theo sức mạnh, tùy theo năng lực.

5157. Trong khi tin tưởng lời nói của tôi, những đệ tử có sự mong mỏi về nghiệp của mình tôn vinh [ngôi bảo tháp] cát với tâm ý hướng về bản thể đức Phật.

5158. Vào lúc bấy giờ, vị thiên tử có danh vọng lớn lao, sau khi mệnh chung ở cõi trời Đâu-suất đã sanh vào bụng mẹ, mười ngàn thế giới đã rung động.

5159. Tôi đã đứng ở đường kinh hành không xa khu ẩn cư. Tất cả các đệ tử đã tụ tập lại và đã đi đến ở bên tôi [hỏi rằng]:

5160. “Trái đất găm thét như loài bò mộng, rỗng lên như loài sư tử, khuấy động như loài cá sấu, sẽ có hậu quả gì đây?”

5161. “Đấng Toàn Giác mà ta tán dương lúc ở gần ngôi bảo tháp bằng cát, giờ đây đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư ấy đã nhập vào bụng mẹ.”

5162. Sau khi thực hiện việc giảng pháp cho họ và tán dương bậc Đại Hiền Trí, tôi đã giải tán các đệ tử của mình rồi đã xếp vào thế kiết-già.

5163. Và sức lực của tôi quả nhiên đã cạn kiệt, tôi đã bị bệnh một cách trầm trọng. Tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng và đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

5164. Khi ấy, tất cả các người đệ tử đã tụ hội lại và đã thực hiện giàn hỏa thiêu. Và sau khi cầm lấy thi thể của tôi, họ đã đặt lên giàn hỏa thiêu.

5165. Các vị ấy đã tụ hội lại, vây quanh giàn hỏa thiêu và đã chấp tay lên ở đầu. Bị ưu phiền bởi mùi tên sấu muộn, các vị ấy đã khóc rống lên.

5166. Trong khi các vị ấy đang than vãn, tôi đã đi đến gần giàn hỏa thiêu [nói rằng]: “Này các bậc trí tuệ, ta là thầy của các người, các người chớ có sầu muộn.

5167. Các người hãy nên nỗ lực cho lợi ích của mình, đêm ngày không biếng nhác. Các người chớ trở nên xao lãng, thời khắc của các người đã được xếp đặt.”

5168. Sau khi chỉ dạy các đệ tử của mình, tôi đã trở lại thế giới chư thiên. Và tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên mười tám kiếp.

5169. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần, và đã cai quản thiên quốc hàng trăm lần.

5170. Trong những kiếp còn lại, tôi đã luân hồi xen lẫn [ở cõi trời và cõi người], tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cát.

5171. Giống như vào tháng Komudī, có nhiều giống cây trổ hoa. Tương tự y như thế, nhờ bậc Đại Ân Sĩ, tôi cũng được trổ hoa vào thời điểm.

5172. Chính sự tinh tấn là có khả năng tiến hành các phạm sự, là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5173. [Kể từ khi] tôi đã tán dương đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

5174. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5175. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5176. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pulinuppādaka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.
“Ký sự về Trưởng lão Pulinuppādaka” là phần thứ bảy.

488. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARANIYA (*Taraṇiyattherāpadānaṃ*)

5177. Đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Tự Chủ, đứng Lãnh Đạo Thế Gian, đức Như Lai đã đi đến gần bờ của con sông Vinakā.

5178. Là loài rùa di chuyển ở trong nước, có ý định đưa đức Phật vượt qua, tôi đã đi ra khỏi nước và đã đi đến gần đứng Lãnh Đạo Thế Gian.

5179. “Xin đức Phật Atthadassī, bậc Đại Hiền Trí hãy bước lên người con, con sẽ đưa Ngài vượt qua. Ngài là bậc Đoạn Tận Khổ Đau.”

5180. Sau khi biết được ý định của tôi, đứng Lãnh Đạo Thế Gian Atthadassī có danh vọng lớn lao đã bước lên và đứng ở trên lưng của tôi.

5181. Từ khi tôi nhớ lại bản thân, từ khi tôi đạt được hiểu biết, tôi chưa từng có sự sung sướng dường thế ấy, giống như khi được lòng bàn chân [Ngài] chạm đến.

5182. Sau khi vượt qua, đứng Toàn Giác Atthadassī có danh vọng lớn lao đã đứng ở bờ sông và đã nói lên những lời kệ này:

5183. “Ngay khi tâm vừa nghĩ rằng: ‘Ta [sẽ] vượt qua dòng nước chảy của con sông’, và con rùa chúa có trí tuệ này đã đưa Ta vượt qua.

5184. Do sự vượt qua này của đức Phật và do sự hành trì tâm từ ái, [đối tượng này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn tám trăm kiếp.

5185. Sau khi từ thế giới chư thiên đi đến nơi đây, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [đối tượng này] ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy, sẽ vượt qua dòng chảy nghi hoặc.”

5186. Cũng giống như chỉ một ít hạt giống được gieo xuống cánh đồng tốt đẹp, khi có mưa rào thích hợp đổ xuống, kết quả làm hài lòng người nông phu.

5187. Tương tự y như thế, thừa ruộng đức Phật này đã được thuyết giảng bởi đứng Chánh Đẳng Giác, khi có mưa rào thích hợp đổ xuống, kết quả sẽ làm tôi hài lòng.

5188. Có tính khăng quyết về sự nỗ lực, tôi được an tịnh, không còn mầm móng tái sanh. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

5189. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc vượt qua.

5190. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

⁸ Pulinuppādaka nghĩa là “vị tạo nên (*uppādaka*) ngôi bảo tháp bằng cát (*pulina*).”

5191. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5192. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tاراṇiya⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tاراṇiya” là phần thứ tám.

489. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMARUCI

(Dhammarucittherāpadānaṃ)

5193. Vào lúc đức Phật, đấng Chiến Thắng Dīpaṅkara đã chú nguyện cho [vị ẩn sĩ] Sumedha rằng: “Vô lượng kiếp về sau, vị này sẽ trở thành đức Phật.

5194. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

5195. Sau khi đã ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được, vị này sẽ được giác ngộ ở gốc cội cây Assattha, trở thành bậc Toàn Giác có danh vọng lớn lao.

5196. Upatissa và Kolita sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng này.

5197. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Citta và luôn cả Ālavaka sẽ là hai nam cư sĩ hàng đầu.

5198. Khujjuttarā và Nandamātā sẽ là hai nữ cư sĩ hàng đầu. Cội Bò-đề của đấng Chiến Thắng này được gọi tên là ‘Assattha’.”¹⁰

5199. Sau khi nghe được lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại được hoan hỷ, chấp tay lên lễ bái.

5200. Khi ấy, tôi đã là người trai trẻ khéo được học tập tên Megha. Tôi đã nghe được lời chú nguyện thù thắng của bậc Đại Hiền Trí đến vị Sumedha.

5201. Có được niềm tin với vị Sumedha đầy lòng bi mẫn, trong khi vị anh hùng ấy đang hành hạnh xuất gia, tôi đã cùng xuất gia [với vị ấy].

5202. Tôi đã thu thúc trong Giới bốn (*Pātimokkha*) và ở năm giác quan, có sự nuôi mạng trong sạch, có niệm, là vị anh hùng, là người thực hành lời dạy của đấng Chiến Thắng.

5203. Trong khi đang an trú như thế, do một người bạn xấu xa nào đó, tôi bị xúi giục vào hành vi sai trái và đã đánh mất đạo lộ tốt đẹp.

5204. Là người bị tác động bởi sự suy tâm, tôi đã xa lìa lời giáo huấn. Sau đó, vì người bạn tồi ấy, tôi đã phạm vào việc giết chết người mẹ.

⁹ Tاراṇiya nghĩa là “vị liên quan đến việc vượt qua (*tarāṇa*).”

¹⁰ Xem lời chú nguyện đầy đủ ở tập Buddhavaṃsa (Phật sử), trang...

5205. Tôi đã thực hiện nghiệp vô gián, với tâm ý xấu xa, tôi đã giết chết [người mẹ]. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã đi đến đại địa ngục Avīci vô cùng khiếp đảm.

5206. Trong khi đang ở chốn đọa đày, bị khổ sở, tôi đã chịu đựng dài lâu. Tôi đã không nhìn thấy vị Anh Hùng Sumedha, bậc Cao Quý Của Loài Người nữa.

5207. Trong kiếp này, tôi đã là loài cá khổng lồ ở biển cả. Sau khi nhìn thấy con thuyền ở biển khơi, tôi đã đến gần mục tiêu của việc kiếm mồi.

5208. Sau khi nhìn thấy tôi, các người thương buôn kinh sợ đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Tôi đã nghe tiếng kêu lớn “Gotama” đã được thốt lên bởi những người ấy.

5209. Sau khi nhớ lại sự hiểu biết trước đây, từ nơi ấy, tôi đã mệnh chung. Tôi đã được sanh ra trong gia đình sung túc, dòng dõi Bà-la-môn ở thành Sāvatti.

5210. Có tên là Dhammaruci, tôi đã là người ghê tởm tất cả các điều ác. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã nhìn thấy bậc Quang Đăng Của Thế Gian.

5211. Tôi đã đi đến tu viện Jetavana to lớn và đã xuất gia, vào đời sống không gia đình. Tôi đã đi đến [nuơng nhờ] đức Phật ba lần vào ban đêm và ban ngày.

5212. Khi ấy, bậc Hiền Trí đã nhìn thấy và đã nói với tôi rằng: “Này Dhammaruci, lâu thật.” Do đó, tôi đã nói với đức Phật về sự việc quá khứ đã xảy ra:

5213. “Thật là lâu lắm, hôm nay con quả nhiên được nhìn thấy hình dáng xinh đẹp của Ngài, thân thể không gì sánh bằng, có một trăm phước tướng, là vật làm duyên đưa đến Niết-bàn trước đây.

5214. Bạch đáng Đại Hiền Trí, bóng tối đã được Ngài tiêu diệt lâu lắm rồi. Dòng sông [ái dục] đã được làm cho khô cạn nhờ vào sự hộ trì tốt đẹp. Sự ô nhiễm đã được làm trong sạch lâu lắm rồi. Con mắt đã có được cấu tạo bằng trí tuệ.

5215. Bạch đức Gotama, con được gần gũi với Ngài trong thời gian dài, con đã không bị tiêu hoại lần nữa trong khoảng thời gian dài. Hôm nay, con được hội tụ với Ngài lần nữa bởi vì những việc đã làm không bị hoại diệt.”

5216. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5217. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhammaruci đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Dhammaruci” là phần thứ chín.

490. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAMANDAPIYA**(Sālaṃaṇḍapiyattherāpadānaṃ)**

5219. Vào lúc ấy, tôi đã đi sâu vào rừng cây sālā. Khu ẩn cư của tôi được xây dựng khéo léo, được phủ lên bởi những bông hoa sālā, tôi cư ngụ ở khu rừng.

5220. Và đức Thế Tôn Piyadassī, đáng Tự Chủ, là nhân vật cao cả. Có ước muốn độc cư, bậc Toàn Giác đã đi đến khu rừng cây sālā.

5221. Khi ấy, tôi đã rời khỏi khu ẩn cư và đã đi đến khu rừng. Trong khi tìm kiếm rễ và trái cây, tôi đi lang thang ở trong rừng bao la.

5222. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đáng Toàn Giác Piyadassī, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao, ngồi vững chãi, thể nhập [định], đang chói sáng ở trong khu rừng lớn.

5223. Tôi đã dựng bốn cây gậy và đã tạo nên mái che, được làm khéo léo ở phía bên trên của đức Phật, rồi đã phủ lên bằng các bông hoa sālā.

5224. Tôi đã cầm giữ mái che được phủ lên bằng bông hoa sālā trong bảy ngày. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đánh lễ đức Phật tối thượng.

5225. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định. Trong khi nhìn với khoảng cách của cán cây, bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống.

5226. Vị Thịnh văn của bậc Đạo Sư Piyadassī tên là Varuṇa cùng với một trăm ngàn vị có năng lực đã đi đến gặp đáng Hướng Đạo.

5227. Và đức Thế Tôn Piyadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Ngưu, bậc Chiến Thắng sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khuru đã để lộ nụ cười.

5228. Anuruddha, vị thị giả của bậc Đạo Sư Piyadassī đã khoác y một bên vai rồi đã hỏi bậc Đại Hiền Trí rằng:

5229. “Bạch đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư để lộ nụ cười trong khi biết được lý do, vậy nguyên nhân của việc thể hiện nụ cười của bậc Đạo Sư là gì?”

5230. “Ta đã nhớ lại việc làm của người trai trẻ đã cầm giữ mái che bằng bông hoa cho Ta trong bảy ngày, nên Ta đã để lộ nụ cười.

5231. Ta không nhìn thấy khoảng không gian nào dung chứa được phước báu, và không khoảng không gian nào được như ý dầu ở thế giới chư thiên hay nhân loại.

5232. Đối với người có được nghiệp phước thiện đang sinh sống ở thế giới chư thiên, cho đến hội chúng của người ấy sẽ được phủ lên bởi bông hoa sālā.

5233. Tại đó, trong khi nghiệp phước thiện đã được hội tụ, người ấy sẽ luôn luôn vui sướng với các điệu vũ, các lời ca và các khúc tấu nhạc của thiên đình.

5234. Cho đến hội chúng của người ấy sẽ có được hương thơm hạng nhất. Và sẽ có cơn mưa bông hoa sālā rơi xuống liền khi ấy.

5235. Mệnh chung từ nơi ấy, người nam này sẽ đi đến cõi nhân loại. Thậm chí ở nơi đây cũng có mái che bằng bông hoa Sāla, được duy trì trong mọi thời điểm.

5236. Ở nơi đây, điệu vũ và lời ca được kết hợp với [âm thanh của] chũm chọe, sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5237. Và khi mặt trời đang mọc lên, sẽ có cơn mưa bông hoa sālā rơi xuống. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, [bông hoa Sāla] đổ mưa vào mọi thời điểm.

5238. Vào một ngàn tám trăm kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5239. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

5240. Sẽ có mái che bông hoa sālā cho người này khi đang chứng ngộ giáo pháp. Trong khi người này đang được thiêu đốt ở giàn hỏa thiêu, sẽ có mái che ở tại nơi ấy.”

5241. Sau khi tán dương quả thành tựu, trong khi làm hài lòng hội chúng với cơn mưa giáo pháp, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī đã thuyết giảng giáo pháp.

5242. Tôi đã cai quản thiên quốc của chư thiên trong ba mươi kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương sáu mươi bảy lần.

5243. Sau khi từ thế giới chư thiên đi đến nơi đây, tôi nhận được sự an lạc lớn lao. Thậm chí ở nơi đây cũng sẽ có mái che bông hoa sālā trong mọi thời điểm.

5244. Sau khi đã làm hài lòng bậc Đại Hiền Trí Gotama, đấng Cao Quý dòng Sakya, sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

5245. Kể từ khi tôi đã cúng dường đức Phật trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5246. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cỡi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5247. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5248. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sālamaṇḍapiya đã nói lên những lời kệ này như thế.

“Ký sự về Trưởng lão Sālamaṇḍapiya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Tám y may từ vải bị quăng bỏ, vị tưởng nhớ đến đức Phật, vị dâng cúng củ sen, vị tán dương trí tuệ, vị có trầm hương, vị cúng dường Xá-lợi, vị tái sinh do cát, vị vượt qua, vị Dhammaruci, vị có mái che bông hoa sālā là tương tự. Có hai trăm câu kệ và thêm vào mười chín câu nữa.

Phẩm Samsukūla là phẩm thứ năm mươi một.

